

BINH PHÁP GIA TRUYỀN THƯ

YAGYŪ
MUNENORI

Nguyễn Mạnh Sơn dịch



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Yagyū Munenori (1571-1646)

là kiếm sĩ nổi tiếng Nhật Bản. Sinh ra trong gia tộc được nhiều người gọi là gia tộc tình báo hoạt động ngầm trong các hoạt động gián điệp, nên ông được học kiếm thuật từ nhỏ. Ông là người sáng lập phái Shinkage, cũng là thầy dạy binh pháp, quân sự cho tướng quân Tokugawa Iemitsu. Sau đó ông trở thành daimyo, và lãnh chúa đầu tiên của vùng Yamoto Yagyu. Ông qua đời vì bệnh tật tại Azabu, Edo.

Munenori có rất nhiều đệ tử đảm nhiệm nhiều chức trách khác nhau, từ tướng quân cho đến các daimyo. Munenori coi kiếm cứu người là lý tưởng của binh pháp, ngay từ đầu không sử dụng vũ lực thì tốt hơn, nhưng nếu phải sử dụng vũ khí để loại bỏ một người mà cứu được cho cả vạn người thì cũng đáng.

BINH PHÁP GIA TRUYỀN THƯ

YAGYŨ MUNENORI | Nguyễn Mạnh Sơn dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
TRẦN ĐÌNH BA

Biên tập: Trần Thị Hoàng Tân
Bìa: Mai Quế Vũ
Trình bày: Lâm Đệ Hùng

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225 - Fax: (028) 38 222 726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn - Website: www.nxbhcm.com.vn - Ebook: www.sachweb.vn

XNĐKXB số: 4788-2024/CXBIPH/03-248/THTPHCM

QĐXB số: 155/QĐ-THTPHCM-EBOOK2024 ngày 06/12/2024

ISBN: 978-604-483-951-6. Lưu chiểu năm 2024

ISBN: 978-604-483-951-6



9

786044

839516

BINH

PHÁP

GIA

TRUYỀN

THU

YAGYŪ
MUNENORI

Nguyễn Mạnh Sơn dịch



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN
BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Yagyū, Munenori, 1571-1646

Binh pháp gia truyền thư / Yagyū Munenori ; Nguyễn Mạnh Sơn (dịch). - T.P.
Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2024

tr. 168; 21cm

ISBN 9786044838359

1. Khoa học và nghệ thuật quân sự -- Nhật Bản. I. Nguyễn Mạnh Sơn. II. Ts.
1. Military art and science -- Japan

355.4752 -- ddc 23

Y12

LỜI GIỚI THIỆU

Cùng với *Ngũ luân thư* của Miyamoto Musashi, *Binh pháp gia truyền thư* của Yagyū Munenori được ra đời vào thế kỷ 17 là trước tác binh pháp kinh điển của người Nhật Bản. Trước tác này có ảnh hưởng sâu rộng, không chỉ trong lĩnh vực binh pháp, kiếm thuật mà còn đến nhiều lĩnh vực và trước tác khác ở đời sau, điển hình là *Võ sĩ đạo* của Inazo Nitobe.

Quả thật, trước khi hai binh thư nổi tiếng này ra đời, Yagyū Munenori, là một kiếm sĩ, cũng thường được mọi người so sánh với Miyamoto Musashi, bởi hai người sống cùng thời. Thế nhưng dường như quan điểm về kiếm thuật của họ lại hoàn toàn khác nhau. Thanh kiếm của Musashi thể hiện triết lý của một chiến binh thực thụ với kỹ năng thần diệu trong việc chém đối thủ. Trong khi đó, Munenori lại khao khát tạo ra kiếm pháp có thể lợi dụng con người để thống trị thế giới, có khả năng trấn áp đối thủ ngay cả khi bản thân không có vũ khí. Bởi ông hiểu rằng mục đích luyện kiếm của một vị tướng không phải để trở thành kiếm sĩ mạnh nhất thế giới mà để có được kiến thức và kỹ năng cai trị đất nước.

Yagyū Munenori (1571-1646) sinh ra trong một gia đình có truyền thống quân sự. Gia tộc Yagyū vốn được nhiều người gọi là gia tộc tình báo hoạt động ngầm trong các hoạt động gián điệp. Cha ông là Yagyū Muneyoshi, là một trong những kiếm sĩ nổi tiếng thời ấy. Sau này Munenori trở thành người sáng lập phái Shinkage. Ông là thầy dạy binh pháp, quân sự cho tướng quân Tokugawa Iemitsu. Sau đó ông trở thành daimyo, và lãnh chúa đầu tiên của vùng Yamoto Yagyu. Ông qua đời vì bệnh tật tại Azabu, Edo.

Munenori là chuyên gia võ thuật, và là kiếm sĩ. Tuy nhiên trong cả cuộc đời ông giết rất ít người. Ông được đánh giá là kiếm sĩ xuất sắc nhất trong số các kiếm sĩ thời đó. Ông có rất nhiều đệ tử đảm nhiệm nhiều chức trách khác nhau, từ tướng quân cho đến các daimyo. Munenori coi kiếm cứu người là lý tưởng của binh pháp, ngay từ đầu không sử dụng vũ lực thì tốt hơn, nhưng nếu phải sử dụng vũ khí để loại bỏ một người mà cứu được cho cả vạn người thì cũng đáng.

Trong lịch sử Nhật Bản, Yagyū Munenori là nhân vật hiếm hoi xuất thân tầm thường rồi lên đến daimyo, sau đó trở thành binh pháp gia và chính trị gia nổi danh. Ông luôn tâm niệm rằng, kiếm thuật không chỉ là kiếm thuật mà còn là nghệ thuật quản trị hòa bình, môn khoa học thống trị thế giới, cai trị xã hội samurai hòa bình mà không cần chiến đấu. Có lẽ đây là điểm khác biệt lớn nhất giữa phái Shinkage

với các trường phái khác sử dụng kiếm giết người để giành chiến thắng.

Binh pháp gia truyền thư đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, trong đó có tiếng Anh, tiếng Trung, hay bản chú giải hiện đại bằng tiếng Nhật cũng rất có sức hút với độc giả. Nhận thấy giá trị cũng như ý nghĩa của cuốn sách này, chúng tôi không tự lượng sức mà thử bắt tay vào chuyển ngữ tác phẩm này sách tiếng Việt. Ngõ hầu giới thiệu đến bạn đọc Việt Nam một trước tác kinh điển của Nhật Bản.

Bản dịch tiếng Việt lần này vốn dịch theo bản *Binh pháp gia truyền thư* được in trong tập thứ hai của bộ 秘籍大名文庫 (Hiyaki Daimyō Bunko), do 福井久蔵 Fukui Kyūzō biên tập, 厚生閣 Koseikaku xuất bản, Tokyo, 1937. Ngoài ra chúng tôi có tham khảo bản chú giải tiếng Nhật hiện đại xuất bản năm 2020, bản dịch tiếng Trung và bản dịch tiếng Anh để làm tư liệu hỗ trợ cho việc chuyển ngữ.

Bên cạnh đó chúng tôi còn bổ sung phần mục lục tranh hướng dẫn các thế kiếm của phái Shingake và chú giải đi kèm để bản tiếng Việt của cuốn binh thư này thêm phần trực quan và sinh động. Đồng thời chúng tôi cũng đưa vào phụ lục phần dịch trước tác của Takuan Sōhō, một thiền tăng, mang tên *Bất động trí thần diệu lục*. Đây là bài giảng của thiền sư Takuan dành cho Munenori về tư tưởng kiếm và thiền là một. Trong bài giảng này Takuan chỉ dẫn cách thức để Munenori có thể

phát huy toàn bộ kiếm thuật của bản thân khi phải đối mặt với nhiều đối thủ và khi lãnh đạo nhiều thuộc cấp trong vai trò một chính trị gia. Thậm chí trong bài giảng, độc giả cũng có thể thấy Takuan có nhiều lần than phiền về những tật xấu của Munenori, như là Munenori chủ động nhận hối lộ từ nhiều lãnh chúa khác và là người quá cuồng kích No.

Mặc dù chúng tôi đã rất nỗ lực nhưng với kiến văn còn hạn chế, chắc chắn bản dịch không tránh khỏi thiếu sót, rất mong quý vị độc giả lượng thứ và chỉ chính.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này đến quý độc giả.

Nguyễn Mạnh Sơn

CẦU DÂNG GIÀY

TAM HỌC

- Thế đứng.
- Tay và chân.
- Kiểm trường.

Hãy bước vào cánh cửa sơ học với ba điều căn bản trên đây.

Liên quan đến tam học, còn phải tập năm bài sau:

- Giữ cơ thể ở vị trí sao cho chỉ để lộ một bên của cơ thể.
- Xác định vị trí sao cho vai của ta ở ngang tầm với nắm đấm của đối thủ.
- Để nắm đấm của người trở thành tấm khiên bảo vệ.
- Nên tạo khoảng không trống trải ở bên trái.
- Đầu gối chân trước chịu sức nặng của cơ thể để đầu gối chân sau có khoảng không di chuyển linh hoạt.

Khởi đầu của tam học chính là học các thế đứng.

Đầu tiên là tư thế cầm kiếm, được gọi là xa luân (bánh xe), có tên như vậy vì người sẽ di chuyển kiếm

theo hình tròn bánh xe. Tư thế mặt trời¹, để đối thủ chém hướng lên vai trái, sau đó người xoay kiếm của người theo hướng chém của đối thủ, người có thể giành chiến thắng. Người nên duy trì thế đứng thấp. Chú ý để thế đứng đó đảm bảo người sẽ không bị đối thủ chém. Giữ tâm thế giống như người đang xây thành quách, đào hào lũy làm cho đối thủ không thể tiếp cận. Người không được khinh suất, luôn duy trì tư thế sẵn sàng, không cho đối thủ có cơ hội chém được.

Trong số các thế đứng, người hãy bắt đầu bằng một số tư thế:

- Một chém hai đứt.
- Chém đỉnh chặt sắt.
- Nửa mở nửa hướng.
- Vòng phải rẽ trái.
- Dài ngắn như nhau.

Việc học các thế đứng trên đây được thực hiện bằng cách khẩu truyền, khó mà diễn đạt được bằng chữ viết.

1. Tư thế chân phải hướng về sau, cả cơ thể hơi nghiêng về phía phải, đầu hướng thẳng về trước, giữ kiếm ở bên mạn phải với mũi kiếm hướng về sau. (Toàn bộ chú thích trong sách này là của người dịch).

CHÍN MỤC

- Tất thắng.
- Ngược gió.
- Kiếm chữ Thập.
- Hòa hoãn.
- Lối tắt.
- Từ tốn áp sát.
- Áp sát kịch liệt.
- Hàng rào tám lớp.
- Mây cuộn.

Chín mục trên đây được thầy trò các đời nối nhau chỉ dạy, khó mà diễn đạt được bằng chữ viết.

THIÊN CẦU [TENGU] CHÉP: TÁM KIỂU ĐÁNH KIẾM

- Bánh xe hoa.
- Thân thể mở rộng.
- Đợi khi thích hợp.
- Chủ động.
- Loạn kiếm.
- Khởi đầu.

- Bồ chẻ.
- Gấp vội.

Ngoài ra còn sáu kỹ thuật đánh kiếm khác:

- Chém liên tiếp.
- Chém hỗn loạn.
- Nguyên tắc bí mật, ảo diệu.
- Kiếm vô song.
- Kiếm cứu người.
- Kiếm thần diệu.

Rèn luyện và thủ đắc các kỹ thuật trên đây, từ đó người có thể tạo ra và phát triển được muôn vàn kỹ pháp khác. Ta gọi tam học, chín mục và những kỹ thuật khác là những điều căn bản. Một khi đã nắm vững đạo lý thâm sâu ở đây, người chẳng cần nói đến các loại kiếm kỹ làm gì.

Nghĩ mưu tính kế trong chốn màn trướng, quyết thắng địch ở ngoài ngàn dặm.¹

Ý nghĩa chính yếu của câu này là người vạch ra muôn ngàn kế sách ở trong chốn màn trướng nhằm đánh thắng đối thủ ở xa ngoài ngàn dặm. Vậy thì việc áp dụng câu

1. Câu này xuất hiện trong “Cao đế kỷ” sách *Hán thư*.

này vào binh pháp, nói ngắn gọn đó là thấu hiểu tâm mình ở trong chốn màn trướng riêng tư. Người nên hiểu việc “nghĩ mưu tính kế trong chốn màn trướng” nghĩa là không được buông thả, phóng túng tâm mình, dõi theo từng cử động và động thái của đối thủ, nhận định mọi tình huống, nhìn thấu tâm cơ của đối thủ, nhận rõ sơ hở của đối thủ để vạch rõ kế sách trong chốn màn trướng. Nên hiểu “quyết thắng đối thủ ở ngoài ngàn dặm” là nhìn thấu tâm cơ của đối thủ, hiểu rõ điểm yếu và chỗ sơ hở của đối thủ, sử dụng kiếm để đánh thắng đối thủ ở xa ngoài ngàn dặm. Chỉ huy một đội quân lớn và giành chiến thắng khi giao chiến cũng chẳng khác gì việc phát huy binh pháp trong một trận đấu kiếm. Bằng việc thấu hiểu phương cách giành chiến thắng trong một trận đấu kiếm với đối thủ, người sẽ biết cách giành chiến thắng khi giao chiến trước một đội quân hùng mạnh. Đồng thời thông qua hiểu biết về các trận chiến với những đội quân hùng mạnh, người cũng sẽ giành được thắng lợi khi đấu kiếm với đối thủ nào đó. Thắng hay thua dưới mũi kiếm đều nằm ở tâm. Chuyển động của tay chân người cũng do tâm điều khiển.

Liên quan đến *tự* (mở đầu), *phá* (cắt phá), *cấp* (nhanh gấp), có 27 kỹ thuật liên quan.

- *Tự*: Thượng đoạn (3); Trung đoạn (3); Hạ đoạn (3).

- Phá: Thượng đoạn (3), Trung đoạn (3); Hạ đoạn (3);
Cầm kiếm đúng; Kiếm đánh kiếm; Chém áo giáp.

- Cắt: Thượng đoạn (3); Trung đoạn (3); Hạ đoạn (3);
Thượng Trung Hạ đều dứt khoát trong một nhịp phách.

Quyển này, sư phụ và học trò nên học và luyện tập cùng nhau, chứ không thể trình bày chi tiết thông qua câu chữ. Những ai đã nghiên cứu và luyện tập thành thạo những điều được liệt kê bên trên thì nên chép lại rồi truyền thụ cho các học trò tiếp theo. Đó là bằng chứng cho thấy họ chính là đệ tử của phái này. Ta chép lại những điều này vì con cháu ta.

Kamiizumi Musashi no kami Fujiwara Hidetsuna.

Cha quá cố, Yagyu Tajima no kami Taira Muneyoshi.

Con trai, Yagyu Tajima no kami Taira Munenori.

Quyển này có tên là “Cầu dăng giày”, vốn xuất phát từ tích Trương Lương từng tặng giày cho Thạch Công. Sau khi được truyền đạo binh pháp, Trương Lương đã giúp Hán Cao tổ thống trị thiên hạ, tông thất nhà Hán được duy trì 400 năm. Nhờ hiểu được ý nghĩa của câu chuyện, ta mới đặt tên cho quyển này là “Cầu dăng giày”. Quyển này được xem như cây cầu để dẫn các người đến với đạo binh pháp.

SÁT NHÂN ĐẠO¹

TỰA

Người xưa dạy rằng: “Binh khí là món đồ không tốt lành, đạo trời ghét nó. Khi bắt đắc dĩ phải dùng nó, ấy cũng là do đạo trời vậy.”² Tại sao người xưa lại nói như vậy? Cung tên, kiếm ngắn, kiếm dài chính là binh khí, là những khí vật không tốt lành, chẳng may mắn. Trong khi đạo trời được sinh ra vốn để giúp loài người sinh tồn, trao cho con người đường sống, thành ra những khí vật thực sự không tốt lành chính là những thứ đi ngược lại đạo trời, ắt sẽ bị đạo trời quả trách.

Thế nhưng, lời người xưa dạy cũng ẩn chứa tầng nghĩa khác, đó là, trong trường hợp bắt đắc dĩ phải sử dụng binh khí thì điều đó lại phù hợp với đạo trời. Khi tiết xuân gió khẽ thổi, muôn vật sinh sôi phát triển, trăm hoa đua nhau khoe sắc; khi thu tới sương giáng về, lá cây

1. Hiểu trực nghĩa tức là quyền nói về đạo dùng để giết người.

2. Câu này vốn xuất phát từ trong sách *Tam lược*, một cuốn binh thư nổi tiếng thời cổ của Trung Hoa, tương truyền là do Hoàng Thạch Công soạn.

rụng bay theo gió, cây cối điêu linh hoang tàn. Đó chính là quy luật thành bại của đạo trời.

Quy luật của muôn vật trong trời đất đều như nhau: vật cực tắc phản, khi sự vật phát triển đến tận cùng sẽ phát sinh biến hóa, sau khi sự vật đã hoàn toàn viên mãn sẽ xuất hiện sự khiếm khuyết. Con người cũng nương theo sự vận hành đó. Nếu một người làm điều ác, và khi điều ác đó đã đạt đến đỉnh điểm, khiến trời không dung đất không tha, thì chúng ta sẽ tấn công người đó. Đó là lý do tại sao chúng ta nói chiến tranh là phù hợp với đạo trời.

Đôi khi, một kẻ làm ác sẽ khiến vô vàn người khác phải chịu khổ. Trong tình cảnh đó, giết một người đồng nghĩa với việc sẽ cứu vớt được muôn vạn người khác. Điều đó chẳng phải là một ví dụ sống động về việc “đao giết người tức là kiếm cứu người” sao?

Dụng binh pháp cần có đạo lý. Nếu không hiểu đạo lý mà muốn đi giết người, rất có thể trái lại sẽ bị người ta giết.

Suy xét sâu xa hơn, cái gọi là binh pháp trong một trận quyết đấu, chỉ có một người thắng, một kẻ thua thì sự được mất trong chuyện thắng thua là không đáng để bàn tới. Vì vậy, trong lý luận binh pháp, thứ binh pháp chỉ bàn về phương cách thắng thua được mất

trong trận quyết chiến một đấu một, là thứ binh pháp vô cùng thấp hèn.

Còn nếu chuyện thắng thua trong khi hợp chiến của một cá nhân có liên quan mật thiết đến sự thành bại của thiên hạ, thì đó là đạo lý binh pháp lớn lao. Cá nhân ở đây là chỉ cá nhân đại tướng, thiên hạ là nói về thế lực quân đội. Quân đội là tay chân của đại tướng. Để chỉ huy quân đội thành công đều nhờ vào sự linh hoạt tay chân của đại tướng. Nếu quân đội không nghe theo chỉ huy, có nghĩa là tay chân của đại tướng không nghe theo sự điều khiển của đại tướng.

Trong khi quyết đấu một đánh một, hai kiếm thủ đứng đối diện nhau, người cần nắm được cơ hội lớn, sơ hở hẹp còng với thân thủ linh hoạt để phát huy trọn vẹn tiềm năng ngỗ hầu giành chiến thắng; còn trong khi hợp chiến, đại tướng thông qua việc vận dụng khéo léo tài tình chiến lược chiến thuật, chỉ huy quân đội thành công, sắp xếp thế trận để giành được thắng lợi.

Nói thêm một chút, trước khi hai quân đối mặt giao tranh, quyết đấu thắng bại ở ngoài chiến trường, đại tướng ngồi sau màn trướng ngầm mưu tính trù hoạch, dự tính tình hình hai đại quân đánh nhau sẽ ra sao, phân tích phán đoán những nhân tố thắng bại khi xảy ra tranh chấp. Đó gọi là “binh pháp trong tâm”.

Trong lý luận binh pháp, một nguyên tắc quan trọng hàng đầu chính là: dù khi hòa bình, cũng không được phép quên nguy cơ xảy ra chiến tranh. Thấu rõ tình hình đất nước, biết khi nào sẽ có nguy cơ xảy ra chiến loạn, trước khi chiến loạn còn chưa nổ ra thì cần kịp thời ngăn chặn, đó là một điểm rất quan trọng trong binh pháp.

Khi quốc thái dân an, cần chú ý thận trọng tuyển lựa hiền tài, củng cố xã tắc, đó cũng là một trong những nguyên tắc trong lý luận binh pháp. Một khi quan lại chỉ nghĩ riêng cho bản thân, tìm cách ức hiếp áp bức bách tính, chính là lúc quốc gia bắt đầu đi đến con đường diệt vong. Do đó, cần hiểu rõ và nắm bắt được cục diện, chọn dùng phương cách cai trị hiệu quả hòng tránh đẩy quốc gia rơi vào chỗ diệt vong chỉ vì lòng tư dục của đám quan lại. Đạo lý này giống với đạo lý khi quan sát trận quyết đấu. Trước khi đối phương ra tay, ta nên nắm trong lòng bàn tay những chiêu thức có thể đấu với đối phương. Do vậy, lẽ nào việc dùng hết năng lực tập trung của tâm và thần vào việc quan sát sự vật xung quanh lại không phải là việc một người nên làm nhất hay sao? Cũng chính điểm này mới khiến lý luận binh pháp biến hóa khôn lường, khó nắm bắt đến thế.

Ở xung quanh người thống trị, luôn có nhiều kẻ tiểu nhân giả dối gian trá. Họ gièm pha siểm nịnh, giả bộ

chính trực, mê hoặc chủ nhân. Nhưng nếu chú ý quan sát, ta vẫn có thể thông qua nhãn thần của họ, nhìn thấy sự gian trá ẩn giấu sâu trong tâm họ. Nếu để cho những kẻ tiểu nhân này nắm quyền, họ sẽ coi những người lương thiện như đám xấu xa mà chèn ép hành hạ, vậy thì, những người hữu dụng sẽ phải chịu đau khổ, còn những kẻ xấu xa sẽ được thỏa mãn tâm ý. Cho nên, việc nhìn thấy khả năng tiềm ẩn còn quan trọng hơn là việc nhìn thấy âm mưu ẩn tàng.

Quốc gia là quốc gia của bậc quân chủ, người dân là người dân của bậc quân chủ. Người thờ phụng quân chủ, bất luận là cận thần ngay bên cạnh hay là thứ dân trong thiên hạ, đều chịu sự cai trị của quân chủ. Sự khác biệt giữa họ ở mức nào? Khi thờ phụng quân chủ, họ giống như tay chân của quân chủ. Lẽ nào vì trên cơ thể con người ta chân ở vị trí xa hơn tay, cho nên giữa chúng sẽ có gì đó khác nhau sao? Kỳ thực chân và tay đều có cảm giác đau đớn và ngứa ngáy như nhau, sao có thể nói bộ phận nào ở gần, bộ phận nào cách xa?

Do đó, nếu người được thân gần bậc quân chủ, lại để cho bách tính cách xa quân chủ phải đổ máu, làm cho người dân vô tội phải chịu khổ sở đớn đau, thì dù ông ta có là hiền minh, trăm họ vẫn sẽ oán hận ông ta.

Người thực sự có thể thân gần quân chủ, đại khái cũng chỉ có năm sáu đến mười người mà thôi. Còn đại đa số là bách tính, đều là những người ở xa quân chủ. Nếu những người thân gần với quân chủ, dù làm gì cũng chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân, chẳng thèm đoái hoài nghĩ đến quân chủ, vậy thì chuyện họ làm, việc họ thực thi nhất định sẽ khiến bách tính thiên hạ căm hận quân chủ. Nếu bách tính trong thiên hạ đều bụng ôm đầy oán hận, họ nhất định sẽ đứng lên phản kháng. Một khi thời khắc này kéo đến, đám đầu tiên họ quay lưng chống lại nhất định là đám cận thần của quân chủ.

Những việc xấu xa mà cận thần làm, không phải tất cả đều là lỗi sai của cá nhân quân chủ. Thế nhưng, nếu có thể dự đoán được những tình huống có khả năng xảy ra, đồng thời kịp thời ngăn cản nó xảy ra, làm cho bách tính thiên hạ ở xa quân chủ đều được an cư lạc nghiệp, thì trong lòng họ ắt có báo đền. Khả năng dự đoán đó cũng chính là thứ binh pháp tốt nhất.

Trong quan hệ bạn bè cũng tương tự như vậy, nếu từ đầu đến cuối nhìn thấu được tiềm năng và nguy cơ của mối quan hệ, đó cũng là binh pháp của tâm. Năng lực nhìn thấu các nguyên tắc kết giao với một người ở trong mỗi tình huống cụ thể cũng chính là binh pháp. Nếu không tuân thủ những nguyên tắc này, người có thể ở quá lâu

trong một cuộc tụ tập nào đó mà tự chuốc lấy hổ thẹn mà chẳng hề biết hay không có lý do thực sự thuyết phục nào. Khi trò chuyện với người khác, người không để ý đến sự thay đổi tâm lý của người ta, như thế sẽ dễ dẫn đến nảy sinh cãi cọ, tình thế nghiêm trọng thậm chí còn dẫn tới đấu đá, đánh nhau, mất đi sinh mạng. Và điều này phụ thuộc vào việc người có thể nhìn thấu và đoán biết trước tình thế trong từng trường hợp cụ thể hay không.

Ngay việc bố trí phòng ốc, cũng cần suy tính đến tương lai xem liệu có thể phát sinh sự thay đổi nào không, đem hết thầy mọi thứ sắp đặt vào vị trí thích hợp. Điều này chẳng khác gì tâm của binh pháp.

Trên thực tế, các cách biểu hiện của chúng có thể sẽ khác, nhưng đạo lý cơ bản đều giống nhau. Vì thế, “đạo” là từ dùng thỏa đáng cho mọi sự mọi vật, hoàn toàn có thể áp dụng vào sự vụ quốc gia mà không hề mắc sai lầm.

Quan điểm cho rằng binh pháp chỉ được dùng để giết người, là hoàn toàn thiên kiến. Binh pháp vốn không được dùng để giết người, mà dùng để trừng trị cái ác. Loại bỏ một người ác có thể khiến rất nhiều người khác được sống, đó chính là quân lược.

Đây là cuốn sách gia truyền, nhưng điều này không có nghĩa “đạo” là thứ thần bí không thể truyền lại.

Chính vì mục đích truyền bá tri thức, mới có cái gọi là bí ẩn không thể tỏ bày. Nếu tri thức không được truyền bá, thì việc có sách hay không có sách cũng chẳng có gì khác biệt. Con cháu đời sau của ta đều nên lãnh hội được điểm này.

ĐẠI HỌC

Đại học được xem là cánh cửa đầu tiên để bước vào con đường học vấn. Phàm khi tới nhà người nào đó, trước tiên bất kỳ ai cũng phải đi qua cánh cửa. Do đó cánh cửa được xem là nơi cần phải tới để vào nhà người nào đó, khi qua cánh cửa mới vào được nhà, mới gặp được chủ nhân.

Học tập chính là cánh cửa để đạt tới đạo, vì thế học tập là con đường để mở ra được cánh cửa đó. Do đó học tập chính là cánh cửa, chứ không phải ngôi nhà. Cho nên dù người có nhìn thấy được cánh cửa cũng chớ cho rằng đó chính là ngôi nhà. Ngôi nhà chẳng qua là tòa kiến trúc ẩn phía sau cánh cửa mà thôi.

Nếu coi học tập chẳng qua chỉ là cánh cửa vậy thì khi đọc sách vở thư tịch cũng chớ cho rằng đó chính là đạo, mà coi sách vở thư tịch là cánh cửa mở ra đạo. Rất nhiều người luôn mắc sai lầm khi cho rằng chỉ cần học tập tri thức thì đó chính là đạo, thế nhưng dẫu họ học

thuộc được bao nhiêu từ vựng, nắm bắt được bao nhiêu kiến thức, thì vẫn hoàn toàn chẳng hay biết gì về đạo. Dù người đọc sách tinh thông đến mức giống như mình chính là cổ nhân đã chú thích sách, nhưng nếu người không lĩnh hội được đạo lý ẩn tàng bên trong, thì người cũng không thể khiến tri thức đó trở thành của mình.

Dẫu vậy, nếu không học tập, người cũng rất khó có thể lĩnh ngộ được đạo lớn một cách chân chính; hay nếu chỉ học tập và giảng giải một cách đơn thuần cũng không thể lĩnh hội được ý nghĩa chân chính của đạo. Tất nhiên, cũng sẽ có một vài người, dẫu họ chưa từng học qua “đạo”, nhưng lại có thể tự do hành sự theo lẽ trời.

Những điều sách *Đại học* giảng bàn chính là “cách vật” và “trí tri”. “Cách vật” tức là truy cứu đến tận cùng nguyên lý của vạn vật trên đời. “Trí tri” tức là nhận thức được đạo lý căn bản của vạn vật vạn sự, người có thể hiểu rõ mọi việc mọi vật trên đời, có thể làm được hết thảy mọi điều. Nếu người chẳng học cái gì thì người cũng chẳng thể làm điều gì. Nếu chẳng thể hiểu được quy luật của sự vật, thì dù người làm gì cũng chẳng thể thành công nổi.

Một khi không thể hiểu được mọi vật, mọi việc thì lòng người sẽ nảy sinh nghi hoặc, vì nảy sinh ngờ vực nên trong lòng mới có vướng bận. Còn nếu có thể nhận

thức được rõ ràng nguyên lý của mọi việc trên đời, thì trong lòng cũng tự nhiên sẽ mở mang sáng tỏ, chẳng có gì phải vướng bận trong lòng. Như thế gọi là “cách vật”, như thế gọi là “trí tri”. Một khi đạt được đến ngưỡng tâm không còn vướng bận, thì dù làm việc gì, đều có thể dễ dàng thực thi, lanh lẹ ứng phó khi xảy ra tình huống khó lường nào.

Chính vì thế, mục đích con người ta hướng tới chính là xóa tan mọi ngờ vực và chướng ngại trong lòng. Lúc mới sinh, khi người còn chưa hay biết điều gì, tự nhiên trong lòng cũng sẽ chẳng có nghi ngờ gì cả. Về sau, khi người bắt đầu học tập, trong tâm người bắt đầu biết được thêm nhiều tri thức, mà chính những “tri thức” này sẽ trói buộc tư tưởng của người. Vì thế, mọi việc đều trở nên khó thực hiện.

Khi người quên đi hết cả những điều đã học được, thực tiễn cũng sẽ biến mất. Lúc này, bất luận làm gì, người cũng có thể dễ dàng gặt hái được thành công. Người đã không còn câu nệ đến những điều mình đã học được, cũng không quay lưng với những tri thức mình đã tích lũy. Cho nên không cần phải khắc ghi việc vì học mà học, mà cần thuận ứng theo thiên tính tự nhiên mà đi học. Như thế, mới có thể lĩnh ngộ được cốt tủy của binh pháp.

Cần cù khổ luyện, học tập đủ mọi chiêu kiếm, tư thế, nhãn pháp, nghiên cứu kỹ càng mọi kiến thức về kiếm pháp, như thế có nghĩa là “cách vật”. Về sau, khi đã hiểu rõ mọi chiêu thức và kiến thức về kiếm pháp, người cần quên đi hết thảy những điều mình đã học, vứt đi mọi kinh nghiệm đã tích lũy, để đạt đến cảnh giới tâm trống rỗng. Đó chính là tinh thần căn bản của “trí tri”.

Khi người đang trong quá trình không ngừng học tập và rèn luyện, rồi dần dần có chút thành tựu, người có thể đem những tri thức người đã học được dung hòa quán thông, bất luận người làm gì, hành động của người cũng vượt qua mọi sự trói buộc gò bó mà đạt đến tự do. Đó giống như tay, chân và thân thể của người đang hoạt động, còn trong tâm của người hoàn toàn trống rỗng, không hề để tâm.

Một khi đã đạt đến cảnh giới tâm trống không mà sáng rạng như thế, người thậm chí không biết đến tâm của mình là vật gì nữa. Dù là ma quỷ trên trời hay bất cứ ngoại vật nào cũng không cách nào chui vào trong tâm của người. Mục đích cuối cùng của việc học tập chính là để đạt đến cảnh giới cực điểm như thế. Nếu người có thể lĩnh ngộ được đạo lý này thì việc học cũng sẽ hoàn toàn biến mất dấu vết.

Quên đi việc học, bỏ rơi cái tâm, tự nhiên dung hòa quán thông làm một với đạo lớn, đó là cảnh giới tối cao của “đạo”.

Giai đoạn này được gọi là giai đoạn từ “học” tiến tới “vô học”.

CHÍ [Ý CHÍ] VÀ KHÍ [CẢM XÚC]

Chí là chỉ thái độ cố định ở trong tâm, là trạng thái tập trung cao độ của tư tưởng tinh thần. Sự thể hiện của chí bên trong tâm ra bên ngoài được gọi là khí.

Nói theo cách ví von thì chí giống như chủ nhân, còn khí giống như nô bộc. Khí chịu sự chi phối và chỉ huy của chí trong tâm.

Nếu khí bộc phát thái quá, không bị kiểm chế, sẽ rất dễ phạm sai lầm. Cho nên người nhất định phải dùng chí để kiểm chế khí, mới không xảy ra sai lầm.

Trong lý luận binh pháp, luôn giữ tâm trí linh hoạt, tự do ở dưới thắt lưng của phần bụng thì gọi chí, còn động thái luôn tiếp nhận đòn đánh và đáp trả khi đối kháng được gọi là khí. Phải luôn giữ chí ở dưới thắt lưng của phần bụng, không nên để khí gấp gáp vội vã thúc giục, mà cần khéo dùng chí để kiểm soát khí, đó là việc cực kỳ quan trọng. Bất luận trong hoàn cảnh nào, điều

cốt yếu hàng đầu là phải giữ bình tĩnh. Chỉ có như thế, chí của người mới không bị khí thao túng, hoặc chi phối.

GIẢ TƯỢNG VÀ Ý ĐỒ

Giả tượng và ý đồ là yếu tố cội rễ của binh pháp. Nó chỉ sách lược vận dụng binh pháp một cách linh hoạt, trước dùng giả tượng để mê hoặc đối thủ, sau lại dùng hành động chân thực để tấn công đối thủ. Đó là dùng giả tượng lừa gạt để thu được lợi ích chân chính.

Nếu biết khéo léo vận dụng sách lược này, dù đối thủ công khai tỏ ý nghi ngờ người nhưng ẩn sau rất có thể hẳn đang có mưu đồ bí mật nào đó, thì hẳn vẫn không thể tránh được việc bị người mê hoặc. Nếu người vận dụng sách lược này thành công người có thể điều động, dẫn dụ đối thủ, khiến đối phương buộc phải hành động theo ý đồ của người, rơi vào cái bẫy người đặt sẵn, thế là người thắng rồi. Nếu kế này không thắng, phải lập tức đề ra kế khác. Nếu đối thủ không theo đúng kế hoạch người đã định trước, người có thể đề ra kế hoạch khác để khiến hẳn ta phải bỏ chạy. Dẫu sau cùng kế sách của người cũng không thể thành công, nhưng nó vẫn mang lại tác dụng đáng kể nào đó.

Trong Phật học, điều này gọi là “pháp môn phương tiện”. Dù chọn cách lừa dối, gian trá, chỉ cần cuối cùng

đạt đến được chân thực, vậy thì, mọi sự hư ngụy đều có thể biến thành chân thực.

Trong lĩnh vực thần bí, thờ thần, điều này được gọi là “bí”. “Bí” tức là chân ngôn bí mật, là chỉ dạy huyền bí, là người dạy có thể nhận thức được bản thân thanh tịnh của chính mình, là phương pháp bồi dưỡng Phật tính. Có thể ngộ đắc được tâm này, chúng sinh đều có thể theo đó được lợi.

Trong đạo võ sĩ, điều này gọi là mưu lược dùng binh. Tuy dùng binh tác chiến là một thuật gian trá, nhưng, nếu sử dụng ngụy thuật có thể khiến quân địch khuất phục mà không cần tiến đánh giao tranh, thì ngụy thuật cuối cùng lại biến thành chân thực. Đây ngược lại lại là một ví dụ điển hình cho việc đi theo đạo để đạt được mục đích.

ĐÁNH RẼN ĐỘNG CỎ

Trong Thiên học, có thuyết “đánh rẽn động cỏ”. Tức là làm động cỏ mục đích để đánh rẽn, chọn dùng phương pháp chiến thuật nhất định, có thể khiến đối thủ kinh sợ, đó cũng là một sách lược trong binh pháp.

Xuất hiện lúc đối thủ bất ngờ, tấn công khi địch không phòng bị, để che giấu mục đích sâu xa của ta, cũng là một kiểu binh pháp.

Khi đối thủ còn đang kinh ngạc, sự chú ý của hắn sẽ bị thay đổi, phản ứng ắt hẳn sẽ có chút chậm trễ, trì hoãn.

Nói một cách đơn giản hơn là đôi khi chỉ cần một tư thế rất bình thường, ví như khẽ kháng đưa một tay lên, cũng có thể đạt đến mục đích chuyển hướng sự chú ý của đối thủ.

Kiểm trong tay đưa hướng xuống cũng là một chiến thuật dụ đánh. Nếu người đã nắm chắc đạo lý của thuật vô kiếm, thì dù trong tay không có kiếm, người cũng không bị đánh bại. Kiếm của đối thủ tức là kiếm của ta. Đó gọi là tùy cơ hành động.

NẮM TRƯỚC THỜI CƠ

Nắm trước thời cơ tức là người đã hiểu rõ đối thủ ngay cả trước khi bắt đầu hành động. Hành động tức là việc kiếm chế, chi phối sức mạnh, tình cảm, cảm xúc được ẩn tàng ở trong tâm, cho nên, nắm chắc sức mạnh, tình cảm và cảm xúc của đối thủ, sẽ giúp người có được những hành động tương ứng phù hợp, đó gọi là nắm trước thời cơ.

Nắm trước thời cơ là một quan niệm đặc thù trong thiền học, chính là cái “động” trong thiền tông.

Khi sức mạnh, tình cảm và cảm xúc còn ẩn tàng trong tâm chưa phát tác ra bên ngoài, được gọi là “cơ”. “Cơ” giống như cái then cài cửa, được ẩn giấu phía sau cánh cửa, nơi ta không thể nhìn thấy từ bên ngoài. Khi nhìn thấy hoạt động bí ẩn trong tâm đối thủ, người nên lựa thời điểm tấn công, đó chính là chiến thuật nắm trước thời cơ.

THẾ TẤN CÔNG VÀ THẾ PHÒNG THỦ

“Thế tấn công” là chỉ lúc tấn công, với lòng hung hãn, sức lực căng tràn, tích cực truy cầu cơ hội để ra tay trước.

Bất luận đối với người, hay đối với đối thủ của người, cảm giác tấn công đều giống nhau.

Còn “thế phòng thủ” là chỉ lúc sự tấn công còn chưa gấp gáp, ta nhẫn nại đợi chờ đối thủ xuất kích trước. Khi lựa chọn “thế phòng thủ” điều quan trọng là cần hết sức cảnh giác.

Sự khác biệt của “thế tấn công” và “thế phòng thủ” chính là ở chỗ một đằng là chủ động xuất kích, còn một đằng là nhẫn nại chờ đợi.

NGUYÊN TẮC TẤN CÔNG VÀ PHÒNG THỦ CỦA THÂN THỂ VÀ THANH KIẾM

Đặt thân thể của người ở thế tấn công ép gần đối thủ, nhưng lại khiến thanh kiếm của người giữ ở thế phòng thủ. Sự chuyển động thân thể, tay chân của người, lừa khiến đối thủ chủ động xuất chiêu, rồi người thừa cơ tiến đánh, người hoàn toàn có khả năng giành được thắng lợi. Vì thế, thân thể và tay chân của người cần luôn đặt trong thế tấn công, còn thanh kiếm của người luôn giữ ở thế phòng thủ, mục đích làm như vậy là để khiến đối thủ xuất kích trước.

THẾ TẤN CÔNG VÀ THẾ PHÒNG THỦ CỦA TÂM VÀ THÂN

Khi thân của người ở vào thế “tấn công”, người cần giữ cho “tâm” ở vào thế “phòng thủ”. Tại sao vậy? Nếu tâm của người ở vào thế “tấn công”, người sẽ dễ vì xung động mà phạm sai lầm, điều đó là không thể được. Cho nên cần kiểm soát tâm trí của bản thân, giữ thái độ bình tĩnh kiềm chế. Thân thể đặt ở thế “phòng thủ” là vì muốn khiêu khích đối thủ ra tay trước, sau đó người sẽ đánh bại hẳn; còn nếu tâm giữ ở thế “tấn công”, sẽ vì tâm lý nóng lòng muốn giết chết đối thủ mà người sẽ dễ chuốc thất bại.

Mặt khác, điều này cũng có thể giải thích lý do khiến tâm giữ ở thế “tấn công”, thân theo thế “phòng thủ”.

Điểm mấu chốt lúc này là ở sự chuyên tâm, khi thanh kiếm trong tay đặt ở trạng thái phòng thủ, sẽ khiến cho tâm trí người tập trung vào trạng thái tấn công, khiến đối thủ của người buộc phải ra tay trước.

Ở đây, “thân” có thể hiểu là tay nắm thanh kiếm. Điều này lý giải tại sao nói tâm giữ ở thế “tấn công”, còn thân đi theo thế “phòng thủ”.

Dù ở đây có hai tầng ý nghĩa, nhưng đạo lý căn bản trong đó đều giống nhau. Bất luận trong tình huống ra sao, chỉ cần có thể dự được đối thủ hành động trước, có nghĩa là người có khả năng giành được chiến thắng.

NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG CẦN NẮM CHẮC KHI ĐỐI THỦ TẤN CÔNG TRỰC DIỆN

Nhãn thần cần tập trung vào ba điểm:

- Một là Nhị tinh (hai tay cầm kiếm của đối thủ).
- Hai là Lĩnh cốt (sự co duỗi cánh tay của đối thủ).
- Ba là khi giao chiến nhìn tập trung vào Viên sơn (vai và ngực).

Nội dung tường tận bí kíp trong nhãn pháp (cách quan sát) chỉ có thể thông qua khẩu truyền.

Hai điều tiếp sau đây có liên quan đến việc sử dụng kiếm và tư thế của thân thể:

- Một là: Nhịp phách xa gần.
- Hai là vị trí của cơ thể và đàn hương thái¹ của tâm.

Lại năm mục tiếp sau đây đều liên quan đến cơ thể và thanh kiếm; những mục này rất khó có thể dùng văn tự giải thích rõ ràng được, mỗi điểm đều cần phải trải qua kinh nghiệm thực chiến mới có thể lĩnh hội được:

- Một là: Quyền nắm tay, thành hình thuận.
- Hai là: Thân [và kiếm] trở thành một thể.
- Ba là: Để đường quyền của đối thủ rơi lên vai của người.
- Bốn là: Cố gắng để chân sau được thoải mái.
- Năm là: Dù đối thủ lựa chọn tư thế và vị trí kiếm ra sao, người cũng nên giữ tư thế và vị trí kiếm giống như vậy.

Chung quy lại, điểm mấu chốt của năm điểm ở trên chính là: trước khi quyết đấu, cần có tư tưởng đầy đủ trọn vẹn chuẩn bị kỹ càng, quyết không để xảy ra bất cứ sơ sót, sai lầm, sơ hở nào. Điều người cần hết sức chú trọng là trong lúc quyết đấu cần có tâm thế chính xác. Chỉ cần có đủ đầy tâm thế này, mới có thể đảm

1. Đàn hương thái là chỉ việc tay cầm kiếm giữ ở cùng một hướng thẳng đứng và tấn công hai lần liên tiếp.

bảo không có chút tinh thần hoảng loạn hay dao động trong khi quyết đấu. Nếu không chuẩn bị tâm lý sẵn sàng, thì khi phải đối mặt với đối thủ, người sẽ khó lòng phát huy được những chiêu thức mà bình thường người đã học.

NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG CẦN NẮM CHẮC KHI ĐỐI KHÁNG VỚI ĐỐI THỦ

Ba điểm ta đã đề cập ở trên bao gồm: Nhị tinh, Lĩnh cốc, Viễn sơn là hết sức trọng yếu, nếu đối thủ án binh bất động, quyết giữ thế phòng thủ, người nhất quyết không được để nhân thần rời khỏi ba điểm trên.

Thế nhưng, nhân pháp nhất định phải chú ý phòng thủ chu toàn, đây cũng là điều cực kỳ quan trọng. Khi dùng kiếm chém bổ xuống, ánh mắt phải nhìn như đóng đinh vào [mũi đao]; khi thay đổi chiêu thức, ánh mắt phải nhìn chăm chăm vào viễn sơn; cho đến lưỡng tinh. Để làm được điều đó, trước sau người đều cần một cặp mắt nhìn chăm chú.

BA KIỂU ĐỂ TÂM VỜ ĐÁNH

Ba cách vờ đánh cũng chính là ba phương pháp quan sát: đâm, chọc và cố ý đánh úp. Khi không thể phán đoán được đối thủ sẽ có hành động gì tiếp theo,

người có thể sử dụng ba cách vờ đánh này để dò xét ý đồ của đối thủ.

Điểm mấu chốt ở đây là cần xét rõ ý đồ của đối thủ. Khi đối thủ ở vào trạng thái phòng thủ nghiêm cần, người có thể chọn dùng ba cách quan sát này, khéo léo linh hoạt ngầm vận dụng các phương pháp, dụ khiến đối thủ để lộ đường tay di chuyển, thông qua đó thể hiện suy nghĩ bên trong lòng.

TẬN DỤNG SỰ THAY ĐỔI CỦA TÂM THÁI

Hướng sự tập trung vào tư thế đối thủ phòng thủ, bởi tư thế đó sẽ thể hiện các suy nghĩ trong tâm, nhân đó người hãy nhìn cho rõ sự thay đổi nội tâm của nội tâm. Người có thể tận dụng sự thay đổi của tâm thái này mà giành chiến thắng.

SONG QUAN PHÁP

Khi dùng các sách lược để xét kỹ xu hướng hành động của đối thủ trong lúc phòng thủ, người nên tỏ vẻ hững hờ không nhìn nhưng kỳ thực lại nhìn thật kỹ. Không coi nhẹ bất cứ điểm nào, nhãn thần không được chỉ tập trung vào một điểm nào đó, mà cần lanh lẹ di chuyển ánh nhìn khắp bốn phía xung quanh.

Có một bài thơ Haiku như thế này: “Chỉ trộm liếc một cái, chuồn chuồn đã mau trốn, khỏi mở mắt chim

sâu.” Chuồn chuồn chỉ liếc trộm chim sâu một cái, nhờ thế kịp thời chạy trốn được. Người có thể trong lúc dòm trộm vừa vụt chốc vừa bí mật, chuẩn xác xét rõ hành động tiếp theo của đối thủ. Muốn làm được điều này, người cần giữ năng lực chú ý, tập trung liên tục, không được gián đoạn.

Trong kịch No, cách này được gọi là “song quan pháp”, nó có nghĩa là nhìn, nhìn thấy, nhưng sau đó làm cho nhãn thần di chuyển sang một bên. Nó cũng có nghĩa là không cần phải để đường nhìn của chúng ta cố định ở một điểm nào đó.

ĐÁNH VÀ BỊ ĐÁNH: NHỜ BỊ ĐÁNH NÊN GIÀNH CHIẾN THẮNG

Dùng kiếm giết một người kỳ thực không phải là việc khó. Không người nào là không thể giành chiến thắng.

Giả như đối thủ dùng kiếm đâm người, nỗ lực đẩy người vào tử địa, người cần chú ý tìm kiếm một không gian để đối thủ không thể đâm tới được. Người có thể đợi ở trong một khu vực an toàn, để mặc đối thủ công kích. Khi ấy dù đối thủ chủ động tiến công mãnh liệt, cho rằng nhất định sẽ đánh trúng người, người vẫn sẽ an toàn vô sự.

Nếu đối thủ vung một chiêu kiếm, mà không đâm trúng mục tiêu, vậy thì đường kiếm đó gọi là kiếm “chết”;

người có thể thừa cơ phản kích nhằm mở ra cục diện, đồng thời tấn công liên tiếp để giành thắng lợi. Như vậy, đối thủ sẽ đánh mất sự chủ động, người có thể lao đến trước đối thủ, xoay chuyển cục thế, đổi bại thành thắng.

Một khi bắt đầu quyết đấu, điều người cần làm là không để cho đối thủ có cơ hội cử động tay của hãn. Nếu cuộc đấu đã bắt đầu, người vẫn còn đang nghĩ xem mình nên làm gì, vậy thì chắc chắn người sẽ bị đánh gục chỉ bằng một đường kiếm của đối thủ.

Nếu có một chút sơ suất, người sẽ thất bại lập tức. Nếu sự chú ý của người dừng lại ở chiêu thức vừa mới tung ra, thì sự chủ động của người sẽ tức khắc hóa thành công cốc. Khi người đâm kiếm, đừng để tâm mình ngưng lại ở trên đường kiếm đó, đừng nghĩ xem chiêu kiếm đó có hiệu quả hay không, mà điều người cần làm là tiếp tục ba lần xuất chiêu, đảo ngược biến thành thế tiến công, tuyệt đối không được để cho đối thủ có cơ hội phủ đầu người.

Chiến thắng chỉ được quyết định ở một chiêu đánh.

BA KIỂU NHỊP PHÁCH

“Nhịp phách”, một là chỉ người và đối thủ đồng thời tấn công; hai là chỉ người đưa kiếm áp sát đối thủ, trong lúc đó tức tốc vùng kiếm vùng dậy tấn công; ba là chỉ sau

khi đợi kiếm của đối thủ đưa lại phía sau, người sẽ vùng dậy tấn công.

Hợp phách là xấu, khác phách là tốt. Nếu người để bản thân mình rơi vào nhịp phách của đối thủ, người sẽ bị đối thủ khống chế, cho nên, nhất định phải chú ý giữ gìn nhịp phách khác với đối thủ, như thế, chiêu thức của đối thủ sẽ không có tác dụng gì đối với người.

Bất luận tấn công hay phòng thủ, không được để đối thủ nhìn rõ tiết tấu của người, như thế, hấn sẽ không thể phán đoán được suy nghĩ và hành động của người. Bất kể tình huống nào, kiểu nhịp phách nào nếu dễ bị người khác nắm chắc, tiến theo, đều không phải là nhịp phách tốt.

NHỊP PHÁCH NHỎ ĐẾN NHỊP PHÁCH LỚN, NHỊP PHÁCH LỚN ĐẾN NHỊP PHÁCH NHỎ

Khi đối thủ của người dùng nhịp phách lớn, người nên dùng nhịp phách nhỏ; khi đối thủ của người dùng nhịp phách nhỏ người nên dùng nhịp phách lớn. Dùng kiếm cũng như vậy, người nên dùng kiếm có tiết tấu, cần khác biệt với đối thủ. Nếu người có thể khiến đối thủ rơi vào vòng tiết tấu của người, thì kiếm của đối thủ, người có thể dễ dàng đối phó.

Ví như người hát kịch chuyên nghiệp có thể tự nắm bắt được quãng ngừng nhất định để không bị rơi vào mô thức cố định mà một tay trống bình thường sẽ khó làm được. Nếu để một tay trống bình thường và một người hát kịch chuyên nghiệp hợp tác với nhau, hoặc để một người hát kịch bình thường với một tay trống chuyên nghiệp hợp tác với nhau, vậy thì bất luận là ca hát hay đánh trống, đều sẽ khó tiến hành được. Sử dụng những sách lược tương tự, khiến đối thủ khó tấn công, như thế được gọi là “nhịp phách nhỏ đến nhịp phách lớn, nhịp phách lớn đến nhịp phách nhỏ”.

Nếu một người hát kịch bình thường, lại có thể trù liệu lanh lợi để khống chế một đoạn nhạc chương rộng lớn, hay một tay trống bình thường, lại có thể dự tính được cần nhẹ nhàng đánh gõ một đoạn tiết tấu êm dịu, đều là những điều họ làm không được. Tương tự, nếu một người hát kịch chuyên nghiệp thân nhiên bình tĩnh hát nhịp phách gọn gàng, một tay trống bình thường sẽ không thể theo kịp tiết tấu của người hát kịch đó, không khống chế được thời cơ đã nắm chắc trong tay.

Một tay săn chim lão luyện, sẽ cầm sẵn một cành tre trong tay, hướng về phía con chim khẽ lay động, mục đích là để có thể bắt được con chim đó. Còn con chim đó, giống như đã bị tiết tấu lay động của cành trúc thôi

miên, tuy cố sức đập cánh muốn bay đi, nhưng không thoát được rồi, cuối cùng bị bắt lại.

Lựa chọn hành động khác với nhịp phách của đối thủ là điều cực kỳ quan trọng. Nếu người có thể giữ và duy trì được nhịp phách khác với đối thủ, người có thể tùy ý phát động tấn công mãnh liệt đến đối thủ, mà không cần bận tâm phòng thủ hay việc đối thủ sẽ đánh loạn người. Tâm thái này cũng cần phải trải qua rất nhiều sự tôi luyện rèn giũa không ngừng, mới có thể thể nghiệm được.

LƯU Ý ĐẾN NHỊP PHÁCH

Dù là ca hát hay nhảy múa, nếu không thể nắm được nhịp phách trong âm nhạc, đều không thể làm tốt được. Trong binh pháp, người luyện cũng cần phải có cảm giác nắm chắc nhịp phách. Xét rõ cử động của đối thủ, nhìn xem hấn dùng kiếm ra sao, xét rõ những điều hấn đang nghĩ trong lòng, tâm thái này giống với tâm thái của một người hát kịch đang hát hay một diễn viên múa đang nhảy múa khi nắm chắc nhịp phách âm nhạc vậy. Khi người nhìn rõ tác phong, hành động và phương thức của đối thủ, người có thể linh hoạt cơ động chi phối hành động của mình.

Kỹ xảo 1

1. Cùng dùng kiếm đánh.
2. Khi kiếm của đối thủ và người đương đầu cách nhau 3 tấc.
3. Mau chóng đi lên.
4. Mắt tập trung nhìn đối thủ từ khuỷu tay trở lên.
5. Kiếm đánh uyển chuyển, dùng một mắt để quan sát hai bên trái phải.
6. Bộ chân của bản thân và bộ chân của đối thủ cách nhau ba thước.

Sáu điểm trình bày ở trên đều cần thầy dạy theo cách khẩu truyền để bản thân tiếp thu, chứ rất khó giảng giải cặn kẽ bằng văn tự.

Khi người sử dụng những kỹ xảo này, cần chuẩn bị trước khi xuất chiêu, liên tục thay đổi sách lược, nếu đối thủ vẫn án binh bất động, quyết giữ thế phòng thủ, thì khi người đi lên trong phạm vi một đường kiếm, vừa hay trượt đến trước mặt đối thủ, hẳn sẽ không thể tiếp tục trù trừ được nữa, nhất định sẽ chuyển sang thế tấn công. Tiếp đó, người cần dẫn dụ đối thủ buộc phải chủ động ra chiêu trước, trong lúc hẳn ra chiêu, người sẽ lập tức tập kích ngược lại hẳn.

Bất luận thế nào, nếu đối thủ không đâm chém trước, người sẽ không thể giành được thắng lợi. Chỉ cần người nắm chắc được cách dự đoán phạm vi an toàn mà đối thủ không đánh đến được, thì dù đối thủ có đâm kiếm tới, người cũng sẽ không bị đánh thua. Nếu thực sự luyện tốt được bộ này, người sẽ chẳng có gì phải sợ, dù có bị trượt đến trước mặt đối thủ, để hấn công kích người trước, sau đó đánh sau khắc chế hấn, chuyển bại thành thắng. Đó là bước cần làm trước của một người chọn cách chủ động tấn công.

Kỹ xảo 2

1. Những hạng mục chủ yếu, bao gồm đầu tiên là công kích, kỹ xảo này cần thông qua khẩu truyền.

2. Bất luận tấn công hay phòng thủ, đều cần duy trì sự tập trung cao độ năng lực chú ý, kỹ xảo này cần thông qua khẩu truyền.

3. Kiểm dài cỡ một cánh tay.

4. Khi thân thể ở vào thế tấn công, kiếm cần giữ ở thế phòng thủ, và dù ở thế tấn công hay phòng thủ đều cần tuân thủ nguyên tắc.

Những điều trên đây đều cần thầy dùng lời truyền dạy người học trực tiếp tiếp thu, dùng văn tự không thể biểu đạt rõ hết được.

LẮNG NGHE TIẾNG GIÓ THỔI VÀ TIẾNG NƯỚC CHẢY

Làm sao để đối thủ chọn chủ động trước nhưng người vẫn có thể giành được chiến thắng, làm sao để vận dụng chiến thuật sách lược một cách căn bản, phát huy tác dụng của những chiêu thức cơ bản, cho đến việc làm sao chuyển đổi chiến lược thực thi, đây đều là những thứ cần bàn luận đến trong binh pháp.

Trước khi giao chiến, người hãy giả thiết đối thủ chọn dùng thế tấn công, và người cần tích cực lựa cách phòng ngự, không thể có chút tâm lý sơ hở qua loa nào. Điều quan trọng nhất là cần chuẩn bị tâm lý hoàn hảo. Nếu không, một khi người để đối thủ nhìn ra trạng thái tấn công, từ đó đối thủ có kế sách phòng thủ, vậy thì, một khi bắt đầu quyết đấu, vào khoảnh khắc nhận phải sự công kích kịch liệt của đối thủ, tất cả những thứ bình thường người học được, đều không thể giúp ích gì cho người.

Một khi bắt đầu giao tranh, điều quan trọng nhất là cần để tư tưởng, thân thể và bộ cước của người đều ở trạng thái tấn công, còn để tay của người ở trạng thái phòng thủ. Người cần để ý kỹ càng đến mọi biến hóa có thể xảy ra, cũng tức là điều người cần làm là “to lớn và vi tế đều không bỏ sót”. Nếu không thể tĩnh lặng quan sát hình thế xung quanh thì kiếm thuật người học được cũng không đủ để phát huy tác dụng.

Còn nói đến “lắng nghe tiếng nước chảy và tiếng gió thổi”, tức ý nói làm sao để tâm tấn công được ẩn giấu ở vẻ ngoài bình thản, tĩnh lặng. Bản thân gió vốn không có âm thanh, chỉ khi gió chạm vào thứ gì đó, nó mới tạo ra thanh âm. Gió không tiếng không động nhưng có thể vượt lên bao trùm cả trời cao, chỉ khi nó bị ngăn trở bởi thứ gì đó, giống như rừng cây, rừng trúc, nó mới phát ra những âm thanh gầm vang đáng sợ.

Bản thân nước cũng như vậy, không hề có âm thanh, nhưng khi dòng nước chảy trút xuống, va vào sườn núi, đá tảng, sẽ tạo ra những âm thanh róc rách hay âm ầm.

Ở đây ta dùng ví dụ về gió và nước để giải thích, điểm mấu chốt ta muốn bàn tới tại đây là vẻ ngoài duy trì sự bình thản trấn tĩnh lặng yên, còn nội tâm lại thể hiện ý tấn công mạnh mẽ. Ngoài mặt trầm tư tĩnh lặng, nhưng trong lòng lại đang đề phòng.

Nếu thân thể, tay, chân đều ở vào chỗ rối loạn vội vã, như thế là điều không hay. “Tấn công” và “phòng thủ” nên xuất hiện sóng đôi, một ở trong, một ở ngoài, chứ không thể chỉ theo đúng một kiểu, đó giống như sự giao thoa của âm dương vậy. Động tức là dương, tĩnh tức là âm. Khi trong động thì bên ngoài chọn âm; khi trong âm thì bên ngoài chọn động.

Trong binh pháp cũng tương tự như vậy. Ở trong nội tâm, cần có trọn vẹn tinh thần thay đổi, giữ vững sự tập trung cao độ của năng lực chú ý, còn vẻ thể hiện ra bên ngoài lại trấn tĩnh, trầm tư. Trong dương ngoài âm, trong động ngoài tĩnh, điều này được xác định theo mô thức của đại tự nhiên.

Tiến thêm một bước nữa mà bàn, trong hoàn cảnh bên ngoài tranh đấu kịch liệt, nếu người đồng thời tích cực tấn công, giữ vững sự trấn tĩnh trầm tư trong lòng, thế giới trong lòng người sẽ không hề bị ảnh hưởng bởi hành động bên ngoài, như thế, hành động của người sẽ không sai lỗi hay cuồng loạn, mất đi sự kiểm chế. Còn nếu trong tâm và bên ngoài đều đồng thời rối bời, người sẽ trở nên cuồng loạn bất an, cử chỉ lệch lạc. Tấn công và phòng thủ, động và tĩnh, trong tâm và vẻ ngoài cần chia nhau chọn một.

Nội tâm cần giữ vững tinh thần cảnh giác, giống như con vịt bơi trên mặt nước, nhìn bề ngoài thì chúng bất động, nhưng ở dưới mặt nước thì chân nó lại đang đạp. Một khi hành vi này trở thành tự giác, người có thể đạt đến cảnh giới trong ngoài giao thoa, hợp nhất làm một, hoàn toàn không có chút vướng víu. Đạt đến cảnh giới đó, chính là đạt đến thế giới tối cao.

BỆNH

“Bệnh” là chỉ những ý niệm rối loạn gây phiền hại đến thân ta. Những suy tư về các điều như làm cách nào để giành chiến thắng, làm sao để dùng binh pháp, làm sao để vận dụng những chiêu kiếm đã từng học qua, làm sao để tấn công, làm sao để phòng thủ, đều là “bệnh”. Còn bản thân suy tư như làm cách nào để khắc chế tự ngã, làm cách nào để loại bỏ chủng chủng ý niệm mê loạn phát sinh trong tâm, cũng là một loại “bệnh”. Nói tóm lại, nếu người để tâm tư của bản thân ngưng tụ tại bất kỳ sự vật sự việc nào, đó chính là “bệnh”. Như thế tức là bách bệnh đều là “tâm bệnh”. Điều chúng ta cần làm là tu luyện tâm trí của bản thân, loại bỏ chủng chủng phiền não, ưu tư, những ý niệm chấp mê, quên đi hết thấy tư tưởng, để đạt đến cảnh giới tự do tuyệt đối của tâm.

BÀN ĐẾN GIAI ĐOẠN SƠ CẤP VÀ CAO CẤP TRONG VIỆC KHỬ BỆNH

Dùng niệm để loại bỏ niệm, dùng chấp trước để loại bỏ chấp trước, đó là giai đoạn sơ cấp của “khử bệnh”.

Câu này có nghĩa là, dồn hết tâm trí để kiểm soát bản thân không suy nghĩ, trừ khử hết thấy tâm rối loạn. Bản thân cách này cũng là một loại “niệm” muốn khắc chế chủng chủng “tâm bệnh”, đây cũng là một tư tưởng.

Vả lại, khi dùng đến chữ “bệnh”, tức là chúng ta đang thực sự nói tới các ý niệm rối loạn phức tạp trong đầu. Muốn có tâm “khử niệm” cũng là một loại “niệm”. Cho nên, đây chính là dùng niệm để loại bỏ niệm. Khi người loại bỏ được các loại “niệm”, người có thể tiến vào trạng thái “vô niệm”. Sau khi người đã dùng suy nghĩ “khử niệm” để loại bỏ hết tạp niệm trong tâm, thì suy nghĩ tạp niệm và khử niệm đều sẽ biến mất. Điều này cũng giống như việc dùng một cái nệm để rút một cái nệm khác ra theo cách nói thông thường.

Khi không có cách nào rút một cái nệm ra, người có thể đóng vào một cái nệm khác, như vậy, cái nệm cũ sẽ bị lỏng, thế là dễ dàng lấy ra được. Sau khi cái nệm cũ đã được lấy ra, cái nệm thứ hai cũng dễ dàng theo đó mà ra theo. Sau khi “bệnh” được trừ khử, niệm khử bệnh cũng theo đó biến mất. Đây gọi là “dùng niệm để loại bỏ niệm”.

Dồn hết tâm trí nghĩ cách “khử bệnh”, bản thân điều đó đã là một loại chấp trước, thế nhưng, nếu người dùng loại chấp trước này để trừ khử “bệnh”, chấp trước cũng sẽ biến mất, đây chính là “dùng chấp trước để loại bỏ chấp trước”.

Ở vào giai đoạn cao cấp của khử bệnh, khử bệnh mà niệm vô khử bệnh. Bản thân việc muốn “khử bệnh” đã

là một loại “bệnh”. Dù có vô vàn tạp niệm, nếu có thể không coi nó là ý, tức là đã đạt đến cảnh giới “vô niệm”.

Vẫn còn suy nghĩ “khử bệnh”, có nghĩa là trong tâm còn có “bệnh”, cho nên, về cơ bản “bệnh” sẽ không rời khỏi tâm của người. Bất luận người nghĩ gì, làm gì, nếu còn mang theo những niệm chấp trước thì rất khó để đạt đến được cảnh giới cao hơn.

Nên giải thích ra sao về điểm này? Hai giai đoạn sơ cấp và cao cấp của “khử bệnh” chính là vì mục đích này mà được xác lập. Bước đầu tiên, là cần đạt đến giai đoạn sơ cấp, sau đó, khi dần dần chuyển hóa niệm khử bệnh một cách có ý thức trở thành một hành vi vô thức, tức là người đã tiến vào giai đoạn cao cấp của “khử bệnh”. Lúc này không cần dồn hết tâm trí để loại bỏ chấp trước, thì chấp trước của bản thân cũng sẽ biến mất.

“Bệnh” chính là chấp trước. Phật giáo cho rằng chấp trước là thứ tăng ni không nên chọn theo. Ăn mày không có tâm chấp trước thì có thể ở lẫn trong người đời mà không bị ảnh hưởng hay bị quấy nhiễu bởi ngoại giới, cho nên bất luận họ làm gì đều tự do tự tại, không bị câu thúc, ngừng ở chỗ đáng ngừng.

Một cao thủ, nếu không có tâm loại bỏ chấp trước đối với kỹ xảo, thì không thể được gọi là đại sư. Bụi bặm

sẽ bám vào một viên bảo thạch chưa được mài giũa, thế nhưng, bảo thạch sau khi đã được mài giũa cẩn thận, thì dù rơi vào trong bùn nhơ, cũng không hề tổn hại đến vẻ rạng rỡ của nó. Bảo dưỡng tâm trí, mài giũa viên bảo thạch trong tâm hồn, khiến nó không bị tiêm nhiễm dơ dáy từ ngoại vật, thì người sẽ không còn bận tâm đối với “bệnh”, không cần phải nghĩ nhiều, tự do tự tại làm những việc người muốn làm.

TÂM BÌNH THƯỜNG

Có sư tăng hỏi vị tiên triết rằng: “Thế nào là đạo?” Vị tiên triết trả lời: “Tâm bình thường là đạo.”

Đây là câu chuyện mang đạo lý vô cùng sâu xa, không chỉ phù hợp với kiếm đạo, cũng phù hợp với cả các lĩnh vực khác. “Thế nào là đạo?” “Tâm bình thường là đạo”, hai câu hỏi đáp bình thản nhẹ nhàng, nhưng lại thể hiện cảnh giới tối cao của sự ngộ đạo. Đạt đến cảnh giới “tâm bình thường là đạo”, tức là hết tẩy tạp niệm tạo tác, thị phi, thủ xả, dục vọng... ở trong lòng đều được quét sạch, trong tâm hoàn toàn trống không.

Mọi việc trên đời không gì không như thế, chỉ có dùng tâm bình thường để đối đãi, mới có thể đạt đến thắng cảnh của cuộc đời. Giả như người đang giương cung bắn tên, nếu như người nghĩ đến việc người chính là

mũi tên, thì mũi tên sẽ trở nên bất ổn và đi chệch hướng. Tương tự, khi người vung kiếm, nếu người có ý thức về hành động vung kiếm, thì thế tấn công của người cũng sẽ gặp bất trắc. Khi người viết chữ, nếu người có ý thức về hành động viết chữ, thì bút của người cũng sẽ không ổn định. Khi người gảy đàn cầm, nếu người ý thức được rằng bản thân mình đang tấu đàn, thì tiếng đàn cầm sẽ lạc điệu.

Nếu cung thủ ở vào thời điểm bắn tên mà có thể đạt đến cảnh giới “quên bắn”, dùng “tâm bình thường” để bắn tên, thì tựa như chẳng có gì xảy ra, chỉ tự nhiên mà làm, cung sẽ trở nên ổn định. Dùng kiếm và cưỡi ngựa cũng như vậy, người không phải ở “dùng kiếm” và “cưỡi ngựa”. Người cũng không phải ở “chữ viết”, không phải ở “diễn tấu âm nhạc”. Nếu có thể dùng tâm bình thường đối đãi với tất cả, vậy thì, hết thảy đều trở nên dễ dàng nắm bắt.

Dù lựa chọn “đạo” là gì đi chăng nữa, nhưng nếu người coi điều ấy là quan trọng duy nhất mà chấp trước vào, thì đó không phải “đạo” chân chính. Chỉ khi đạt đến cảnh giới trong tâm trống không, không có vật gì, mới là “ngộ đạo”. Bất kể người làm gì, nếu có thể dùng tâm trong sáng hồn nhiên để làm, thì hết thảy đều nhẹ nhàng và dễ dàng.

Đạo lý này giống với đạo lý gương soi vật. Do sự phản xạ của gương soi là thấu rõ vô hình, cho nên mới có thể không chút sai biệt mà phản ánh hình ảnh chính xác của vạn vật. Người ngộ đạo, tức là tâm người đó cũng sáng như gương, tỏ tường trống rỗng thuần khiết thanh tịnh, vô tư vô tướng lại có thể thẳng được hết thủy.

Đây chính là “tâm bình thường”. Người có thể dùng tâm bình thường để ứng tiếp với tất cả thì được gọi là danh thủ.

Bất luận người làm gì, nếu trước khi làm mà bắt đầu nghĩ đến việc giữ tâm sao cho bình thường, rồi dốc lòng tập trung thực hành, thì không thể đạt đến được sự hài hòa của tâm. Có lẽ cũng có lần nào đó người làm được rất tốt, sau đó, khi người đang cảm thấy khá đắc ý về thành công mới đạt được, thì người sẽ lại làm không tốt. Hoặc là đã thành công hai lần, rồi sẽ thất bại lần tiếp theo. Nếu người đã thành công hai lần, rồi chỉ thất bại một lần mà huênh hoang tự mừng, người sẽ lại tiếp tục thất bại lần thứ hai. Đó chính là vì trong lòng người luôn tồn tại ý niệm tìm kiếm thành công, thì sẽ không thể thành công liên tục.

Thường xuyên tích công tu tập, chớ mang trong mình cái tâm muốn mau chóng thành công, vô tâm mà làm, tự nhiên mà làm, dần vào hóa cảnh. Đến lúc này,

thậm chí người còn không biết bản thân mình là ai, thân thể, tay, chân tuy động nhưng tâm lại hoàn toàn bất động. Đạt đến cảnh giới này, khi không còn bị sơ sẩy lần nào nữa, người làm mười lần sẽ đều thành công cả mười.

Dù làm đến được bước này nhưng một khi trong lòng vẫn còn chướng ngại, người vẫn sẽ gặp sơ sẩy. Chỉ có vô tâm, mới có thể thành công liên tục. Vô tâm không phải là hết thấy đều vô tâm, mà chỉ là giữ tâm bình thường mà thôi.

TỰA NHƯ BÙ NHÌN NGẮM HOA, ĐIỀU

Trong số thi tụng của Bàng Cư Sĩ¹ có câu thơ rằng: “Kháp tự mộc nhân kiến hoa điều” (Tạm dịch: *Tựa như bù nhìn ngắm hoa cỏ và chim chóc*), ý nói bù nhìn tuy nhìn thấy hoa điều, nhưng trong tâm thần lại không bị hoa cỏ chim chóc mê hoặc.

Bù nhìn vốn vô tâm, cho nên tự nhiên có khả năng không bị ngoại vật dụ hoặc, đây chính là lẽ tất nhiên. Thế nhưng một con người hữu tâm hữu tình, sao có thể làm được giống như bù nhìn đây?

1. Tức Bàng Uẩn, tự Đạo Huyền, người Hành Dương thời Đường. Là người tín Phật, không cạo đầu, xuất gia nhập đạo. Sau ở Tương Dương, khéo biện luận, thông minh mẫn tiệp, người đời gọi là Tương Dương Bàng Cư Sĩ.

Ở đây, đương nhiên là không thể giống hoàn toàn người gỗ, suy cho cùng, con người cũng không thể biến thành mình trúc đầu gỗ được. Có điều, nếu người có thể giữ niệm ngấm hoa mà như không ngấm hoa, tức là người có thể đạt đến cảnh giới “người gỗ”.

Để làm được điểm này, điểm mấu chốt là cần dùng “tâm bình thường” để thể nhận bản tâm thanh tịnh. Khi đang bắn tên, người không nên có ý thức về việc bản thân đang bắn tên, nói cách khác, người đang dùng “tâm bình thường” bắn tên.

Tâm bình thường chính là nhìn thấy vạn vật nhưng trong lòng không khởi ý. Nếu từ bỏ tâm bình thường rồi thay bằng các loại tâm có ý thức, thì hình theo cảnh mà dịch chuyển, tâm theo cảnh mà chuyển đổi, tâm trí luôn dao động. Và khi làm bất cứ việc gì với tâm trí dao động, người sẽ khó mà thành công.

Dù cách nói này nghe có vẻ đơn giản, chỉ cần người dùng miệng lưỡi chém đinh chặt sắt để nói, thì sẽ được cái gật đầu của người đời. Trong Phật học, coi “tâm vô trụ” là cảnh giới tối cao của Phật pháp.

TÂM TỰ DO

Hòa thượng Trung Phong Minh Bản¹ từng nói chúng ta cần “tâm thu phóng”. Mấy chữ này hàm ý cả hai giai đoạn sơ cấp và cao cấp.

Khi người để tâm rời đi, nó sẽ lưu trú tại nơi nó tới, cho nên, giai đoạn đầu tiên chính là luyện tập thu tâm, nếu lần nào người cũng có thể thu tâm về, nó sẽ không còn trú lưu ở bất kỳ nơi nào nữa. Khi người vung một đường kiếm, thường thì tâm của người sẽ vương vào đường kiếm người mới vung ra, còn ở đây điều ta muốn dạy người chính là làm cách nào để thu tâm về.

Khi đạt đến giai đoạn cao cấp, người có thể phóng tâm của người ngao du tùy ý, nó sẽ không còn lưu trú hay bám chấp vào bất cứ chỗ nào.

Tâm của người hoàn toàn được tự do chỉ khi người biết để tâm phóng tỏa mọi nơi và không để nó lưu trú ở đâu cả. Còn nếu luôn có ý niệm trói buộc tâm, không ngừng kéo nó trở về, khi ấy người không thể có được tự do và giải thoát chân chính. Dù khi tâm được tự do lưu động, nó cũng không bám chấp hay đình trệ ở bất kỳ nơi nào, như thế mới là tâm tự do giải thoát.

Khi người có trọn vẹn trong người tâm tự do giải thoát này, hành động của người sẽ trở nên độc lập,

1. Là thiền sư đời Nguyên, người Tiên Đường, Hàng Châu.

không hề gặp trở ngại. Nếu không thể gỡ bỏ được sợi dây cương trói buộc tâm người, chắc chắn người cũng không thể có được hành động tự do thực sự. Ngay đến chó hay mèo, cũng cần nuôi thả. Nếu cả ngày chúng bị giam nhốt trong cũi, chắc chắn là điều không tốt.

Những người nghiên cứu Nho giáo luôn coi “kính” là yếu pháp hàng đầu, đem “kính” quán xuyên hết thấy toàn bộ cuộc sống, kết quả là tâm trí họ giống như con mèo bị nhốt trong lồng.

Trong Phật học, thực tế cũng tồn tại phạm trù “kính”. Kinh văn Phật giáo từng nói đến “nhất tâm” và “bất loạn”, hai phạm trù này tương đương với “kính”. Nó hàm ý đặt tâm trí vào một sự vật nào đó, chứ không được tản mát ra xung quanh.

Đương nhiên, trong kinh văn còn nói: “Chúng ta thành khẩn hoằng dương Phật pháp,...” Khi chúng ta quỳ trước tượng Phật, bái lạy đánh lễ, nhất tâm nhất ý thành tâm khẩn cầu, hành động này hoàn toàn đồng nhất với phạm trù “kính”.

Thế nhưng, những điều này kỳ thực chỉ là pháp môn phương tiện để loại trừ niệm rối loạn phiền não trong tâm. Còn tự tâm thanh tịnh chân chính vốn không cần dựa vào kế quyền biến này để bình tĩnh trở lại.

Khi ngồi xếp bằng, chuyên tâm quán tưởng nhất Phật, thành tâm tụng niệm danh hiệu Phật, tức là tâm có thể thấy được tượng Như Lai. Lúc này, tam nghiệp thân, ngôn, tâm của chúng ta hợp lại làm một, có thể tu cho tâm thanh tịnh bất loạn. Đây gọi là “nhất hành tam muội”. Nói cách khác, điều này cũng quan trọng như phạm trừ “kính” vậy.

“Kính” có thể khiến tâm trí thanh tịnh, nhưng tâm cảnh này chỉ có thể duy trì khi “trì kính”. Khi rời khỏi trạng thái tĩnh tọa, không tụng niệm danh hiệu Phật nữa, bóng hình Phật cũng không còn thấy nữa. Ta lại trở về trạng thái có chủng chủng vọng tưởng như trước đây. Điều này không phải là sự tĩnh tâm triệt để.

Người thực sự có được tâm thanh tịnh, sẽ không dồn hết tâm trí vào việc làm tịnh hóa thân, ngôn và hoạt động tư tưởng, như thế dù đang sống trong trần ai của thế tục, họ cũng không bị tạp nhiễm bụi trần. Dù trọn ngày tư tưởng đều hoạt động hoạt bát, lưu động luôn luôn thì tâm cũng không có bất cứ dao động nào, giống như bóng trăng trên mặt nước vậy, dầu có ngàn vạn con sóng cũng chẳng thể phá vỡ được nó, nó cũng không hề dịch chuyển. Như thế người mới đạt đến được cảnh giới tối cao trong Phật học. Ta đã thụ được giáo huấn của một vị pháp sư, cho nên ghi chép ra đây.

HOẠT NHÂN KIẾM¹

MỘT TRĂM TƯ THỂ

“Dẫu có hàng trăm tư thể và vị trí để kiếm khác nhau, nhưng vĩnh viễn chỉ có thể dựa vào một kiểu để giành chiến thắng.” Muốn làm được điều này, điểm mấu chốt là ở chỗ người cần xét rõ tình ý² của đối thủ.

Dẫu có hàng trăm ngàn thuật kiếm khác nhau bao gồm các tư thể và vị trí đặt kiếm để lựa chọn, thì điều người cần quan tâm nhất chỉ là tâm thái và động tĩnh của đối thủ.

1. Dịch nghĩa đen là kiếm cứu người.

2. Nguyên văn là 手字種利劍 (thủ tự chủng lợi kiếm). Đây là một khái niệm quan trọng, trong sách *Tsuki no sho* (một cuốn sách bí truyền trong gia tộc Yagyu) có giải thích rằng 手字 là khi kiếm của đối thủ và kiếm của ta hợp chiến tạo thành hình chữ thập, và ta nỗ lực để kiếm của đối thủ không đâm trúng ta. Còn 種利劍 có nghĩa là ở bên trong tay. 手字種利劍 không phải là tên một cây kiếm cụ thể, cũng không phải tên một thể pháp hay hình pháp của kiếm, mà trong kiếm pháp của Yagyu nhấn mạnh đến tâm, đến một tinh thần khách quan vô tâm nhất, nên Yagyu ám chỉ ở đây là kiếm trong tay của bản thân khi giao chiến với đối thủ, kiếm cũng có tâm, cũng phải biết xét rõ tình ý của đối thủ. Việc xét rõ tình ý của đối thủ không chỉ bằng mắt, bằng bộ thể, mà còn bằng cả kiếm, thông qua giao tranh, va chạm kiếm, dùng kiếm để thấu rõ tình ý đối thủ.

Ví như đối thủ có trăm tư thế khác nhau, người cũng có trăm tư thế khác nhau, vậy thì nhất định người cần phải quan sát kỹ càng tình ý của đối thủ, đây là điểm duy nhất người cần làm.

Bởi điểm này là bí truyền, cho nên không thể nói rõ bằng lời ở đây, chỉ có thể dùng ẩn ngữ để giải thích.

NHỊP PHÁCH HỮU VÀ VÔ CÙNG SỰ TỒN TẠI CỦA CẢ HỮU VÀ VÔ

Khi bàn đến vấn đề “sát tình” (xét rõ tình ý), thông thường người ta sẽ đề cập đến hai thuật ngữ: hữu và vô. Khi sự vật hiển hiện mà dễ thấy, ta gọi là hữu; còn khi sự vật ẩn tàng mà không thấy, ta gọi đó là vô. “Hữu và vô” trong sự ẩn và hiện này chính là “sát tình”, nó được bao hàm trong thuyết “tay nắm kiếm sắc”.

Trong Phật học cũng thường bàn đến hàm nghĩa của hữu và vô, ở đây, chúng ta chỉ mượn dùng thuật ngữ này để phân tích. Người bình thường sẽ luôn chỉ nhìn thấy hữu, còn không nhìn thấy vô. Trong vấn đề “sát tình”, chúng ta đã nhìn thấy hữu, cũng nhìn thấy cả vô.

Hữu và vô cùng tồn tại. Khi hữu thì dùng hữu đánh, khi vô thì theo vô đánh. Không đợi hữu để đánh vô, không đợi vô mà đánh hữu. Cho nên nói, hữu và vô cùng tồn tại.

Trong luận thuyết của Lão Tử, có thuyết “thường hữu, thường vô”. Hữu là sự tồn tại vĩnh viễn, vô cũng là sự tồn tại vĩnh hằng. Khi hữu bị “ẩn tàng” sẽ biến thành vô; khi vô được “hiển hiện” sẽ biến thành hữu.

Ví như, khi một con vịt đang bơi trên mặt nước, nó “tồn tại” ở đó, còn khi nó lặn xuống nước, nó “không tồn tại”. Cho nên dù chúng ta cho rằng có sự vật nào đó tồn tại, nhưng khi nó bị ẩn tàng, nó sẽ biến thành vô. Tương tự, tuy chúng ta cho rằng có sự vật nào đó không tồn tại, nhưng một khi nó được hiện hiển ra ngoài, nó cũng sẽ biến thành hữu. Vì thế, hữu và vô chỉ là sự biểu hiện khác nhau của hiển hiện và ẩn tàng, bản chất nó là giống nhau. Cho nên mới nói rằng, hữu và vô đều là sự tồn tại vĩnh hằng.

Trong Phật học, có thuyết “bản vô, bản hữu”. Khi một người chết đi, hữu sẽ biến thành vô; khi một người chào đời, vô lại biến thành hữu.

“Tay nắm kiếm sắc” tương tự như vậy, cũng có thuyết hữu và vô, đây là một loại bí truyền, gọi là “sát tình”. Khi người giấu kiếm trong tay, thì hữu theo đó mà ẩn; còn khi người giơ kiếm ra ngoài, thì vô theo đó mà hiện.

Đạo lý tuy là như thế, nhưng nếu không có bậc thầy chuyên môn truyền thụ giảng giải cho, thì việc tỏ bày ở trên cũng là giải thích thừa.

Nếu thứ tồn tại là hữu, thì nên nhìn hữu mà đánh hữu; nếu thứ tồn tại là vô, thì nên nhìn vô mà đánh vô. Đây chính là lý do vì sao nói hữu là hữu mà vô cũng là hữu.

Hữu tức là vô; vô tức là hữu. Hữu và vô vốn chỉ là một.

Nếu không thể xét rõ hữu và vô trong chiến đấu, thì dẫu người giỏi cả trăm chiêu kiếm, chiêu nào cũng hoàn hảo vô cùng, vẫn không thể giành được chiến thắng. Binh pháp của lưu phái nào muốn đạt đến cảnh giới tối cao, thì điểm mấu chốt chính là ở bước này.

TRĂNG Ở TRONG NƯỚC VÀ BÓNG TRĂNG

Nếu người và đối thủ giữ một khoảng cách nhất định, người sẽ không bị trúng kiếm của đối thủ. Người có thể ở ngoài khoảng cách này để nghĩ về việc vận dụng các sách lược binh pháp.

Bước lớn tiến tới hoặc nhẹ nhàng đi đến khoảng cách này để tiếp cận đối thủ, được gọi là “trăng ở trong nước”, đây giống như bóng trăng phản chiếu ở trong nước vậy.

Trước khi quyết đấu, việc đầu tiên người cần suy nghĩ chín chắn ở trong tâm chính là khu vực “trăng ở trong nước”, sau đó mới có thể giao đấu với đối thủ. Khoảng cách này nên ở mức ra sao, chỉ có thể thông qua khẩu truyền.

KIẾM THẦN DIỆU

Việc thấu hiểu về “kiếm thần diệu” là vô cùng quan trọng. Khi đeo kiếm, người nên coi mình đang đeo kiếm thần diệu, lúc này, đối với người mà nói, đặc trưng của “kiếm” trong “kiếm thần diệu” này nên được viết và hiểu là “kiếm”, chỉ cần nó không thoát ly khỏi trạng thái tĩnh tại thì bất luận đặt nó ở bên trái hay bên phải, đặc trưng của nó vẫn là “kiếm”.

Thế nhưng, đối với đối thủ mà nói, đặc trưng của “kiếm” trong “kiếm thần diệu” nên được hiểu là “nhìn”. Chỉ có xét kỹ vị trí của kiếm khi tĩnh tại, người mới có thể tấn công và phòng ngự tốt, cho nên “nhìn” là điều vô cùng quan trọng. Bởi vậy mới nói rằng, đặc trưng của “kiếm” lúc này chính là “nhìn”.

LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC GIẢI THÍCH SỰ THẦN DIỆU

Từ “thần diệu” trong “kiếm thần diệu”, xét từ mặt chữ, nó bao hàm hai ý nghĩa, tức là “tinh thần” và “dị tượng”. “Tinh thần” là đặc trưng nội tại, còn “dị tượng” là biểu hiện ngoại tại; đây được xem là điều lạ lùng khó lý giải. Ví như, vì là cây nên có tinh thần của cây, nó mới có thể sum suê cành lá sinh trưởng phát triển, nở ra vô vàn bông hoa tỏa hương, mọc ra những cành lá um tùm, đây gọi là “diệu”.

Đương nhiên, dù chặt gãy cây, người cũng không cách nào tìm được thứ mà người gọi là “tinh thần” của cây, nhưng nếu không có sự tồn tại của “tinh thần”, lá sẽ không mọc, hoa sẽ chẳng nở. Tương tự, tinh thần của con người cũng là thứ tồn tại chân thực. Tuy không thể khai mở thân thể người ta để tìm kiếm cái gọi là “tinh thần”, nhưng hành vi của người đều dựa vào sự tồn tại của “tinh thần” mới có thể được thực hiện.

Khi kiếm tĩnh tại, người có thể để tinh thần an định trở lại; giữa khoảnh khắc vung tay đá chân, sẽ có chủng chủng kỳ tích tự nhiên phát sinh, và kết quả là người sẽ như bông hoa nở rộ trong khi chiến đấu.

Tinh thần là chủ nhân của tư tưởng. Thần của nội tại chi phối tư tưởng của ngoại tại, còn tư tưởng của ngoại tại, lại chi phối phần tinh lực. Nếu tư tưởng bị giữ lại ở nơi nào đó, tác dụng của thần cũng không thể được phát huy hoàn toàn. Vì thế, điều quan trọng nhất là không được để tư tưởng cố định ở một nơi nào đó.

Giống như khi chủ nhân ở nhà, ông ta dặn dò kẻ hầu đi làm việc gì đó, nhưng tên hầu vẫn cứ làm tiếp việc hăn đang dở dang mà không nghe lời dặn dò, như thế là hầu đã làm sai mệnh lệnh của chủ nhân. Đạo lý tương tự, nếu tư tưởng của người luôn gửi gắm nơi ngoại vật, không

thể trở về đúng chỗ nó cần ở, thì năng lực chiến đấu của người sẽ biến mất.

Cho nên, không được để thần cố định một nơi. Đạo lý này không chỉ phù hợp trong binh pháp, mà cũng phù hợp với hết thảy mọi sự vật sự việc trên đời.

Với “thần diệu”, có thể có hai cách giải thích, đó là thần và tư.

BƯỚC ĐI

Bước đi không được quá nhanh cũng không nên quá chậm. Cần đi theo cách bình thản hài hòa và thoải mái nhất.

Vì thế, “thái quá” và “bất cập” đều không được. Đi quá nhanh, là biểu hiện của giạt mình hoảng loạn; bước quá chậm, là biểu hiện của khiếp đảm sợ hãi.

Đối với người bình thường mà nói, nếu có ai đó như đang nhảy qua nhảy lại trước mắt, người đó sẽ không kiềm chế được mà chớp mắt. Đây là phản ứng hoàn toàn bình thường. Cái “chớp mắt” lúc này không phải là biểu hiện của “loạn”. Tương tự, nếu có thứ gì đó không ngừng vung vẩy nhảy qua nhảy lại trước mặt, như để dọa dẫm người, nếu người cố tình không chớp mắt, điều đó có thể có nghĩa là người đã thực sự “loạn”.

Cố tình kiểm soát cái chớp mắt tự nhiên thể hiện rằng tâm người đang rối bời hơn so với cái chớp mắt.

Tâm không bị dao động, không bị quấy nhiễu mới là tâm bình thường. Nếu có thứ gì đó lay động trước mắt, người chớp mắt, đó mới là trạng thái không bị quấy nhiễu. Điểm mấu chốt ở đây là không cần vứt bỏ tâm bình thường. nỗ lực kiểm soát, gắng sức duy trì trạng thái bất động, thì trên thực tế là người đã động rồi. Di động mới là nguyên tắc không bị dao động.

Dùng tâm bình thường để hành sự theo cách bình thường mới là lựa chọn tốt nhất. Như thế là vẻ ngoài và tâm thần của người đều không bị loạn.

NGUYÊN TẮC THỨ NHẤT: PHẢN ỨNG KHI TRƯỜNG MÂU CỬA ĐỐI THỦ ĐÁNH TỚI NHƯNG TRONG TAY NGƯỜI KHÔNG CÓ BÌNH KHÍ

“Nguyên tắc thứ nhất” là ẩn ngữ trong binh pháp. Thông thường trong binh pháp, nguyên tắc đó ám chỉ việc người không bị quấy nhiễu, giữ vững được chỗ đứng riêng.

Áp lực trên võ đài rất lớn, làm sao có những phản ứng phù hợp là điều quan trọng nhất. Chiếu theo nguyên tắc thứ nhất, thì nội tâm của người nên lạnh lẽo để ý thức được hình thế của chiêu kiếm ác, toàn tâm quán chú,

tránh để bản thân rơi vào tình huống không chút phòng bị, trúng đòn đánh của đối thủ.

Ví như khi binh khí của đối thủ cơ hồ sắp chạm lên người người, hoặc là người đã tiến vào phạm vi an toàn của người, trong thi đấu mặt đối mặt, cần tập trung toàn bộ năng lực chú ý của người, đó mới là nguyên tắc thứ nhất mà chúng ta nói.

Đối diện với cảnh ngộ muôn vàn hiểm ác, năng lực chú ý cũng sẽ hoàn toàn tập trung, ví như, khi bị công kích, người đã lùi tới chân tường và không còn nơi nào để lẩn trốn. Cảnh ngộ đó nên được hiểu là tình huống nguy hiểm nhất, cần kíp nhất.

Khi trong tay không có kiếm, nếu để mắt cố định một điểm, để tâm ngưng đọng tại một nơi, thì người không thể giữ được tinh thần cảnh giác, người cũng sẽ không thể duy trì được khu vực an toàn cho mình.

Trong tâm ghi nhớ hết thấy những điều này gọi là nguyên tắc thứ nhất, đây là bí mật không được truyền rộng ra ngoài.

HAI BÊN CÁCH NHAU MỘT THƯỚC

Khi hai bên sử dụng binh khí có chiều dài tương đương nhau, điều này giống như khi hai bên đều không có kiếm, khi đó cần tập trung tinh thần chú ý.

Bình khí nên được chĩa rộng ra, cách cơ thể cỡ khoảng một thước. Có khoảng cách như thế, người có thể lui về, né tránh; luôn giữ không gian đó cho bản thân, thì người không còn bị nguy hiểm nữa.

ĐÒN ĐÁNH CỐT TỬ: ĐỆ NHẤT KIỂM

“Đòn đánh cốt tử” ở đây đại diện cho một phương thức hoàn hảo nhất. “Đệ nhất kiếm” ở đây cũng không thể chiếu theo mặt chữ để hiểu nó là kiếm trong thực tế, mà là ẩn ngữ “coi xét sự biến hóa của đối thủ”. Ý nghĩa của “Đệ nhất kiếm cốt tử” chính là ý đồ coi xét đối thủ, hiểu rõ bước tiếp theo đối thủ sẽ làm gì. Đó là điểm mấu chốt của “đệ nhất kiếm”.

Quan sát tâm thái và động tĩnh của đối thủ, đây là đệ nhất kiếm, dựa theo động tác xuất kiếm của đối thủ để đánh, đó là đệ nhị kiếm.

Nguyên tắc cơ bản này có rất nhiều đường hướng vận dụng. Quan sát tình ý, trăng ở trong nước, kiếm thần diệu, nổi lo tật bệnh, là bốn loại trong đó, lại thêm dùng tay chân, tổng cộng là năm. Những điều này chính là “ngũ quan nhất khán”.

“Quan sát tình ý” chính là “nhất khán”. Còn bốn loại kia thì giữ ở trong tâm, cho nên gọi là “quan”. Dùng

mắt để nhận biết gọi là “khán”, dùng tâm để nhận biết gọi là “quan”; nó đại diện cho sự quan sát và suy nghĩ của nội tâm.

Chúng ta gọi nó là “ngũ quan”, chứ không phải “tứ quan nhất khán”, vốn là vì “ngũ quan” ở đây là thuật ngữ có tính bao hàm.

Quan sát tình ý, trắng ở trong nước, kiểm thần diệu, nổi lo tật bệnh, thân thể và tay chân chính là năm mục. Trong đó, bốn mục là do tâm nhận biết, còn “quan sát tình ý” là dùng mắt nhìn, gọi là “nhất khán”.

THẾ NÀO LÀ TRẮNG TRONG NƯỚC, KIỂM THẦN DIỆU, NỔI LO TẬT BỆNH, THÂN THỂ VÀ TAY CHÂN?

Trắng trong nước là chỉ việc lựa chọn tư thế khi quyết đấu; kiểm thần diệu là chỉ việc lựa chọn vị trí của bản thân; thân thể tay chân là chỉ việc dùng tâm quan sát hành động của đối thủ và phản ứng của bản thân; loại bỏ nổi lo tật bệnh, mục đích là để coi xét tình ý. Cho nên, việc căn bản là đi xét biết những động thái nhỏ nhất và tâm thần ý định khi còn chưa phát tác của đối thủ. Bốn mục khác đều là nguyên tắc thông thường.

Loại bỏ nổi lo tật bệnh là để nhìn rõ năng lực, ý đồ của đối thủ. Không loại bỏ nổi lo tật bệnh, tinh thần

người sẽ khó tránh khỏi rối loạn dẫn đến việc coi xét sai trật. Một khi hành vi coi xét sai trật, người thua rồi.

Điều tật bệnh chỉ tới là tâm. Tật bệnh trong tâm chính là tâm bị đứng yên. Khi đối thủ vung kiếm tấn công, người không nên để tâm đứng yên một chỗ. Do đó, điểm mấu chốt ở đây là cần cắt đứt tạp niệm chứ không phải vứt bỏ tâm.

RA TAY

Nếu đối thủ dùng kiếm nhọn chỉ về phía người, người hãy nhanh chóng tấn công vào đúng thời điểm hấn ta xuất kiếm. Nếu muốn công kích đối thủ, trước tiên cần dẫn dụ hấn ra tay. Một khi đối thủ ra tay tiến đánh người, chính là hấn đợi người tấn công hấn.

CỰ LY AN TOÀN

Hãy chọn vị trí đứng tốt nhất là ở trong cự ly an toàn; sau đó, tập trung tinh thần để đợi.

Khi lựa chọn vị trí đứng, trong khi đối thủ đã chọn tư thế tốt, thì người hay chọn tư thế giống với hấn.

Dù đối thủ hoặc là người bị ép phải tiến thêm năm thước, chỉ cần khoảng cách không thay đổi, khoảng cách giữa người và đối thủ cũng sẽ không có thay đổi.

Nếu có đông đối thủ, việc trước tiên người cần làm cũng là chọn chỗ đứng tốt, biện pháp tốt nhất để có được chỗ đứng tốt là tạm thời người nên tìm cách đứng vào vị trí họ đứng. Nếu quá tranh giành hay rầy rịt vị trí đứng, là không sáng suốt. Người nên giữ vị trí đứng làm sao để cơ thể được linh hoạt cơ động.

CHỖ ĐỨNG

Bộ pháp và thân hình lý tưởng là làm sao để vị trí kiếm không quá tĩnh là được. Điểm này cần phải khắc ghi trong tâm. Dù trước khi bắt đầu chiến đấu cũng không được phép quên dù chỉ một khắc.

BIỆT BIỆT RÕ RÀNG BA TẦNG THỨ CỦA KIẾM THẦN DIỆU

Dùng tâm quan sát, là điểm cơ bản nhất để “biệt biệt rõ ràng kiếm thần diệu”. Dùng tâm quan sát, mắt mới có thể nhận biết; cho nên, so với việc dùng tâm quan sát thì việc dùng mắt quan sát được xếp ở vị trí thứ hai. Sau đó mới đến dùng cơ thể, dùng tay, dùng chân quan sát.

Dùng cơ thể, dùng tay, dùng chân quan sát, chính là nói cơ thể, tay chân của người không được phép xem nhẹ kiếm thần diệu của đối thủ. Dùng tâm quan sát là để cho mắt được nhìn, dùng mắt quan sát là để tay chân của

người đều có sự chuẩn bị trước đối với vị trí kiếm thần diệu của đối thủ.

TÂM NHƯ TRẮNG TRONG NƯỚC, THÂN NHƯ BÓNG TRONG GƯƠNG

Bình pháp được biểu thị trong đoạn này như sau:

Nước phản chiếu bóng trắng, gương in hình bóng người. Sự vật đều được chiếu bóng ở trong nhân tâm, giống như ánh trăng được chiếu bóng vào trong nước, là sự phản ánh của khoảnh khắc. Vị trí của kiếm thần diệu phẳng phất như là mặt nước, còn tâm của người có thể so với ánh trăng. Vị trí của kiếm thần diệu có thể được phản bóng ở trong tâm. Tâm động, hình động; hình theo tâm mà động.

Kiếm thần diệu cũng có thể được ví như chiếc gương, lúc này, ý nghĩa tỉ dụ của nó sẽ là, thân thể dựa vào vị trí của kiếm thần diệu mà chuyển động, nó giống như chiếc gương thông thường. Nếu theo nguyên tắc này, tay chân người cũng không thể lách qua vị trí của kiếm thần diệu.

Bóng trắng ở trong nước là động tác được hoàn thành trong khoảnh khắc. Dù cả hai có thể cách xa nhau, nhưng chỉ trong một sát na mây đen biến mất, trăng sáng đồng thời chiếu bóng và in dấu trong nước. Bóng chụp này không phải do trời cao từ từ giáng xuống mà

nó được hoàn thành trong sát na ngắn ngủi. Thậm chí nó còn ngắn hơn cả khoảnh khắc chớp mắt của người. Sự vật được phản chiếu ở trong tâm, cũng giống như ánh trăng được rọi soi trong nước, là động tác được thực hiện xong trong khoảnh khắc ngắn ngủi.

Trong Phật giáo có đoạn kinh văn nói rằng, tâm giống như bóng trăng ở trong nước, như vật chiếu ở trong gương, đều là việc xảy ra trong chớp mắt. Bóng trăng trong nước, trông thì giống như mặt trăng đang ở trong nước, nhưng thực tế lại không phải. Đó chẳng qua là bóng ảnh từ trên trời cao xa rọi xuống mặt nước mà thôi. Hình ảnh trong gương cũng giống như vậy, dù là gì, chỉ cần phóng chiếu trước gương, bóng ảnh của nó đều có thể lập tức hiện lên, đây cũng là chuyện xảy ra trong chớp mắt.

Sự vật được phản ánh trong nhân tâm là giống nhau. Trong khoảng thời gian cái chớp mắt, tâm đã chạy xa mãi nơi nào, thậm chí xa đến tận Trung Quốc. Điều này giống như người cho rằng bản thân mình chẳng qua chỉ vờ ngủ, nhưng giấc mộng lại kéo người trở về với quê hương xa xăm. Sự phản ánh này của tâm, trong mắt Phật giáo, giống với trăng trong nước, bóng trong gương vậy.

Trong binh pháp, cách nói “trăng trong nước” cũng rất phù hợp. Người nên lựa thời khắc để tâm dịch chuyển

đến vị trí thích hợp, giống như ánh trăng đổ bóng xuống mặt nước vậy. Tâm động, hình động; một khi gặp đối thủ, thân thể nên di chuyển đến vị trí thích hợp, giống như sự ánh xạ của gương vậy. Nếu tâm không được chuẩn bị chu toàn từ trước, thì thân thể cũng sẽ không thể động được.

Từ góc độ vị trí mà nói, chính là “trăng ở trong nước”; ở góc độ con người thì là “kiếm thần diệu”. Trong hai tình huống này, sự di chuyển của thân thể và tay chân đều mang ý nghĩa giống nhau.

TẤN CÔNG VỘI VÃ

Điều tệ hại nhất là ở việc vội vã phát động tấn công. Trừ khi trước lúc giao đấu người đã chuẩn bị tốt về mặt tinh thần, hoàn toàn nhìn rõ hình thế, mới có thể chủ động tấn công. Nhớ rõ, không nên vội vã hành sự, điều này rất quan trọng.

THU TÂM

“Thu tâm” tức là sau khi chém một đường kiếm, nếu người nghĩ rằng mình đã đâm trúng mục tiêu, tâm của người sẽ vì thế mà ghi nhớ trong lòng ý niệm đó sau đó liền ngưng lại bất động; nếu không thể khiến tâm vừa chạy theo đường kiếm đó lập tức thu về, thì tâm người dễ trở nên không ổn định, và có khả năng bị trúng kiếm.

phản kích của đối thủ. Như vậy, tuy người chủ động phát động tấn công nhưng lại bị uy lực của đối thủ đe dọa mà thất bại.

Sau khi chém ra một đường kiếm, người không nên để tâm của người trú lưu tại nơi người đánh ra; sau khi xuất chiêu, nhất định phải kịp thời thu tâm, chú ý quan sát cử động của đối thủ. Một khi đối thủ trúng chiêu, cảm xúc của hắn sẽ phát sinh thay đổi; hắn sẽ trở nên tức tối, phẫn nộ. Một khi bị kích nộ, đối thủ sẽ càng hung hãn; lúc này, nếu người có chút lơ là không cẩn thận, sẽ bị đối thủ đâm trúng.

Dừng ngại việc coi đối thủ bị người đánh trúng là con gấu hoang đang phẫn nộ. Khi người ý thức được việc bản thân đã đâm trúng đối thủ, vậy là người đã phạm vào điều cấm kỵ, đó là để tâm lưu trú vào việc đã xảy ra, như thế năng lực chú ý của người sẽ bị phân tán. Người nên hiểu rõ điều này, nếu đối thủ bị đâm trúng, năng lực phản kích từ nội tâm hắn sẽ được kích phát. Đồng thời, hắn nhất định sẽ cảnh giác hơn nhiều, tuyệt đối không muốn sẽ bị đâm lần nữa ở cùng một vị trí, cho nên, nếu người lại tiếp tục tấn công theo cách cũ vào vị trí cũ, chắc chắn người sẽ thất bại. Nếu người không thể đâm trúng đối thủ, hắn sẽ phẫn khích đâm lại, khiến người bị trúng chiêu.

Ý nghĩa của thu tâm là làm cho tâm thu về kịp thời, không để nó lưu lại ở nơi người đánh trúng. Vấn đề quan trọng nhất là làm cho tâm thu về, tập trung vào năng lực chú ý, quan sát động tĩnh của đối thủ.

Một phương diện khác, nếu người cứ nhìn chăm chăm vào chỗ đối thủ bị đâm trúng, chưa thu được tâm trở về, mà lại nhanh chóng vung ra đường kiếm khác tấn công đúng vị trí đó, không cho đối thủ có cơ hội quay đầu đánh lại, thì đây cũng là sách lược vô cùng hiệu quả, cũng có nghĩa tương đương với “gian bất dung phát”¹. Ý nghĩa căn bản của nó là liên tiếp xuất chiêu nhanh gọn, giữa hai lần tấn công không có bất kỳ quãng ngừng ngưng nghỉ nào.

Trong vấn đáp thiền tông cho rằng chiến đấu là một thứ có ý nghĩa về mặt tôn giáo. Trong vấn đáp này, người phải lập tức trả lời câu cật vấn của đối phương; nếu có chút chậm trễ, người sẽ bị đối thủ chiếm thế thượng phong. Như vậy, ai thắng ai thua, đã thể hiện quá rõ.

Chúng ta nói “gian bất dung phát” cũng chính là ý nghĩa này, điều nó nhấn mạnh là tốc độ khi tuốt kiếm tấn công vào đúng vị trí trước đó đã tấn công.

1. Dịch trực nghĩa là khoảng cách nhỏ đến mức ngay cả sợi tóc cũng không chứa nổi, ở đây ý nói tình thế gấp gáp, tấn công dồn dập đối thủ không kịp trở tay.

BÀN VỀ VIỆC LOẠI BỎ HẾT THẢY, KHÔNG, KIẾN TÂM

“Loại bỏ hết thảy” là loại bỏ triệt để hết thảy “bệnh”. Bệnh ở đây là chỉ “tâm bệnh”. Trong khoảng chớp mắt ngăn ngừa “tâm bệnh” ập tới, người cần loại bỏ sạch sẽ, đó là điều quan trọng nhất.

Nhiều chỗ khác trong cuốn sách này bàn đến các loại “bệnh”. Thông thường, “bệnh” có nghĩa là tâm ngưng đọng. Trong Phật học gọi là “chấp”, đây là phạm trù Phật học phản đối nhất. Nếu tâm chấp mê vào một nơi nào đó, ngưng đọng không thông, chỗ nên thấy, người cũng không thấy, thì người sẽ gặp phải nhiều thất bại không ngờ tới.

“Loại bỏ hết thảy”, có nghĩa là trong sát na ngăn ngừa cần loại bỏ hết thảy bệnh niệm ập tới, nó nhấn mạnh rằng: một người nên loại bỏ mọi mê niệm, cố gắng nhận biết rõ ràng về “cái duy nhất”.

“Cái duy nhất” tức là không. Không là một ẩn ngữ, không thể dùng phương thức công khai truyền thụ. Nó chỉ tâm của đối thủ. Tâm vô hình vô chất, nên gọi là “không”. Nhìn thấy “không, cái duy nhất”, có nghĩa là nhìn thấy tâm của đối thủ.

Yếu chỉ của Phật giáo là cần ý thức được tâm chính là không. Dù nhiều người nói đến nó, nhưng số người

có thể nhận thức một cách chân chính về nó lại ít, vô cùng ít.

Còn “kiến tâm”, là chỉ tâm của đối thủ, có thể được biểu hiện ra ngoài thông qua tay nắm kiếm của hắn. Điều người cần làm là, trước khi tay đối thủ còn chưa chuyển động, liền phát động tấn công.

Mục đích của “loại bỏ triệt để” là để nhìn thấy khoảnh khắc đối thủ chưa phát khởi. Mấu chốt ở đây là cần lập tức loại bỏ mọi “bệnh”, cố gắng không nhìn lầm “không”.

Tâm của đối thủ nằm ở trên tay của hắn, nó sẽ biểu hiện ra ngoài thông qua động tác di chuyển của tay. Phải thừa cơ lúc nó đang tĩnh tại để tấn công, đây gọi là “kích không”. Không sẽ không di chuyển, nó không có hình trạng, không vận động. “Kích không” là cần tấn công nhanh gọn trước khi nó dịch chuyển.

Không là hạng mục trọng yếu trong Phật học. Hư không, thực không là khác nhau: Hư không là chỉ không có vật nào tồn tại, thực không mới là không chân chính, là “không” của tâm. Tuy nói rằng tâm vô hình vô trạng, điểm này giống không trong “không gian”, nhưng tâm lại là chủ thể của thân thể, cho nên, mọi cử động đều là hành vi của tâm.

Tâm dao động, tâm lao nhọc, đều là xuất phát từ tâm. Tâm không bị dao động, đó chính là “không”; không có sự dao động, đó chính là tâm. Không chuyển thành “hành”, hóa thành “tâm”, lao nhọc ở tay chân. Người cần nhanh chóng tấn công vào cánh tay cầm kiếm của đối thủ trước khi hắn hành động, đó là nói người cần “kích không”.

Dẫu chúng ta nói “kiến tâm”, nhưng tâm vốn không phải là thứ mắt thường nhìn thấy. Tâm không thể nhìn thấy, cho nên gọi là “không”, tâm không thể hành động cũng gọi là “không”. Tuy tâm có thể được thể hiện ra ngoài thông qua cánh tay cầm kiếm, nhưng lại không thể dùng mắt nhìn thấy. Điểm mấu chốt ở đây là, khi tâm đã hiện đủ mọi hình ở tay, nhưng đối thủ vẫn không có hành động nào thì người lập tức công kích.

Nếu vì tâm không thể thấy, người liền coi tâm-không là vô; nhưng, một khi tâm-không có dao động, nó có thể không gì không làm. Khi ấy, tay tóm, chân đạp, tiến thẳng đến mọi kỳ tích, đều là sản phẩm hành động ở không, tâm này.

Chúng ta khó mà thông qua đọc thư tịch để hiểu được “tâm” này, nó là một loại “đạo”, chỉ dựa vào việc lắng nghe giáo huấn của người khác thì rất khó lĩnh ngộ. Người viết sách, truyền đạo, đều căn cứ vào những

tác phẩm, văn hiến tôn giáo xưa kia mà viết ra, mà diễn thuyết, chứ người thực sự có thể tự tâm thể nhận thì vô cùng ít ỏi.

Hết thủy dấu chân con người đi, hết thủy kỳ tích con người tạo đều do tâm làm ra, tâm cũng ở giữa trời đất; chúng ta gọi nó là tâm thiên địa. Một khi tâm thiên địa vận động sẽ tạo ra sấm sét bùng bùng, mưa to gió lớn, có thể tạo ra đám mây muôn hình kỳ quái, cũng sẽ mang tới mưa đá giữa mùa hè, mang đến tai hại cho loài người.

Từ góc độ trời đất mà nhìn, không là chủ thể của vũ trụ; còn đối với con người mà nói, không là chủ thể của thân thể. Khi nhảy múa, không là chủ thể của nhảy múa; khi biểu diễn, không lại là chủ thể của kịch. Khi bắn tên, không là chủ thể của cung tên; khi phóng nhanh, không là chủ thể của ngựa. Nếu chủ thể phát sinh chút sai lệch nào thì người sẽ không thể cưỡi ngựa, cũng không thể bắn tên hoặc dùng thương.

Khi tâm trong cơ thể tìm được vị trí thích hợp, khi tâm ở chỗ nó nên ở, một người dù làm gì, đều sẽ tâm thuận theo tay, nhẹ nhàng và dễ dàng hành sự. Điều quan trọng nhất là phát hiện ra tâm này, thấu hiểu tâm này.

Mỗi người đều cho rằng bản thân có thể nhận biết được tâm mình, dễ dàng sai khiến tâm mình, thế nhưng

thật sự mà nói, rất ít người có thể nhận ra tâm này. Người không thể nhận được tâm mình thì trên cơ thể luôn lộ ra những dấu vết, những hình tượng thể hiện rằng người đó chưa thực sự ngộ đạo; bất kỳ người nào có năng lực soi xét đều sẽ nhìn rõ.

Một người được khai ngộ thì mỗi việc họ làm, hết thảy hành động của họ, đều sẽ vô cùng thỏa đáng. Nếu không hợp chính đạo thì không thể gọi họ là người ngộ đạo. Tâm ngay thẳng được gọi là bản tâm, hay gọi là đạo tâm. Nếu tâm cong vạy, tạp nhiễm sẽ bị gọi là vọng tâm, dục tâm.

Người có thể nhận thức được bản tâm và dựa vào bản tâm để hành sự, sẽ khiến người khác ngưỡng mộ. Không phải vì đã hiểu rõ tâm mình nên ta mới nói những lời như thế. Ta nói vậy, dù bản thân cũng khó đạt đến được tâm ngay thẳng như thế, vì chỉ biết dựa vào tâm ngay thẳng để hành sự, và cũng bởi nó là đạo.

Trong binh pháp, nếu không có tâm ngay thẳng thì thân thể và tay chân người không thể dựa vào đó hành động, kỹ thuật cũng không cách nào đạt đến cảnh giới cao hơn. Mặc dù không phải mọi hành vi thường ngày của chúng ta đều dựa vào đạo để thực thi, nhưng trong binh pháp nếu không ngộ đạo thì người khó lòng thành tựu được.

Và trong mọi hoạt động bình thường người luôn giữ vững bản tâm, ngay cả khi thực hiện các môn kỹ nghệ nào đó, thì bản tâm người cũng sẽ luôn ổn định và không vượt ra ngoài khuôn khổ. Một người không gì không biết, không gì không thể mới là hành giả chân chính, chỉ có người nắm chắc một môn kỹ nghệ, mới được gọi là chuyên gia, nhưng chưa thể được gọi là “thông đạt”.

CHÂN TÂM VÀ VỌNG TÂM

Có một bài thơ thế này:

Kia cũng là tâm

Tuy tên là tâm

Nhưng giấu tâm này.

Chớ bỏ tâm này,

Hãy lấy tâm này,

Loại bỏ tâm kia.

Ở đây, tâm ở hàng thứ nhất là vọng tâm, nó là hư vọng, mê hoặc chân tâm, cho nên không tốt. Tâm ở hàng thứ hai là chỉ vọng tâm. Tâm ở hàng thứ ba là biểu thị bản tâm, nó bị vọng tâm mê loạn. Tâm ở hàng thứ tư là chỉ bản tâm, tâm ở hàng thứ năm cũng chỉ bản tâm, tâm ở hàng thứ sáu là chỉ vọng tâm.

Ý bài thơ này nói lên sự khác nhau giữa chân và vọng. Tâm chia ra chân và vọng, nếu người có thể nhận ra bản tâm, dựa vào đó hành động, hết thấy đều chính đại quang minh. Nếu bản tâm vì bị vọng tâm che lấp rồi trở nên cong vạy, dơ dáy, hết thấy hành vi cũng sẽ trở nên tà vạy, dơ dáy.

Bản tâm và vọng tâm vốn không phải là hai thực thể hoàn toàn khác nhau. Bản tâm chính là “bản lai diện mục” của chúng ta, trước khi cha mẹ sinh chúng ta ra nó đã tồn tại. Nó vô hình vô tích, không sinh không diệt. Cha mẹ sinh ra thân thể chúng ta, nhưng vì tâm là vô hình vô chất nên chúng ta không thể nói nó là do cha mẹ sinh ra. Thứ được sinh ra chẳng qua chỉ là thân thể chúng ta mà thôi.

Giáo huấn của thiền là giúp nhân và tâm nối kết. Thế nhưng trong thiền cũng tồn tại nhiều nguy kinh sai lạc. Có nhiều người, nhiều chuyện tuy khá tương đồng thể nhưng xét kỹ lại thấy chúng đi theo đường bất chính. Bởi vậy ta tự thấy rằng, người của thiền tông cũng không hẳn đều chung một kiểu.

Khi nhắc đến vọng tâm, kỳ thực ta nói tới huyết khí, đó là chúng ta xét từ giác độ cá nhân và từ phương diện chủ quan. Huyết khí là sự lưu động của máu, khi máu sục sôi, sắc mặt người ta sẽ thay đổi, và bắt đầu phát nộ.

Tương tự, khi người khác không nhận ra chuyện khiến chúng ta vui mừng, chúng ta sẽ trở nên phiền não và phẫn hận. Thế nhưng, khi người khác cũng cảm hận thứ khiến chúng ta ghét bỏ, chúng ta rất vui vẻ tán đồng họ, lại còn mượn điều đó làm bình phong cho bản thân.

Khi nhận được quà tặng quý báu, người ta luôn rất đổi vui sướng, mặt mày tươi tỉnh, cười nói vui vẻ, khí huyết căng tràn, sắc diện rạng rỡ trông thấy. Những lúc ấy, họ có thể chỉ hươu là ngựa, cho sai là đúng.

Đoạn văn trên đây thể hiện tâm thái của con người khi đối mặt với muôn vàn tình huống khác nhau, vì chịu ảnh hưởng của huyết khí chạy trong cơ thể mà sản sinh đủ kiểu trạng thái tâm hồn, nó được gọi là “vọng tâm”.

Vọng tâm vốn khởi sinh từ nơi giấu kín bản tâm, một khi xuất hiện vọng tâm, người ta có thể làm muôn vàn việc ác. Những người có đạo đức được người khác ngợi khen, đó là vì họ biết cách dùng bản tâm để loại bỏ vọng tâm. Còn với những người không có đạo đức thì bản tâm của họ bị ẩn tàng, trong khi sức mạnh của vọng tâm lại vô cùng mãnh liệt, cho nên họ luôn làm những việc sai trái, làm ô uế danh dự của bản thân.

Mặc dầu những câu thơ được trích dẫn ở trên đọc thì bình thường, nhưng ý tứ lại khéo léo trong việc giải

thích rõ sự khác biệt giữa thật và giả. Nếu dựa vào vọng tâm để hành động thì bất luận làm gì cũng là sai lầm. Ví như, nếu bị vọng tâm kiểm soát, ở trong trận quyết đấu, người nhất định sẽ thất bại, cung tên và đao thương của người không thể đâm trúng mục tiêu, thậm chí ngay đến ngựa của chính mình người cũng không thể điều khiển; nếu người diễn kịch hay nhảy múa, sẽ vừa khó quan sát vừa khó lắng nghe; bất luận người nói gì, chắc chắn đều là những lời sai quấy. Làm việc gì cũng không suôn sẻ. Trái lại, nếu người lắng nghe từ bản tâm thì dù làm bất cứ việc gì cũng rất thuận lợi, tốt đẹp.

Người nào trong đấu chỉ theo đuổi những lời nói dối, nhưng lại gọi nó là chân thật, đó là do vọng tâm hoạt động, khi ấy những điều giả dối, hư ngụy sẽ hiển lộ rõ ràng và dễ phát hiện. Nếu trong lòng người nói toát lên sự chân thật thì cuối cùng người nghe sẽ luôn cảm nhận được chứ không cần phải giải thích hay suy đoán làm gì. Bản tâm là không cần suy đoán, chẳng cần lý do.

Vọng tâm là bệnh của tâm, loại bỏ vọng tâm chính là trừ bỏ tâm bệnh. Bệnh đã trừ bỏ, tâm sẽ trở nên khỏe mạnh, tâm khỏe mạnh thì được gọi là bản tâm. Nếu làm việc theo bản tâm thì người sẽ nắm được lẽ uyên áo huyền diệu của binh pháp. Đương nhiên nguyên tắc này cũng không phải ngoại lệ và nó dùng được cho hết thảy sự vật trên đời.

VÔ ĐAO¹

“Vô đao” không phải là muốn người đoạt kiếm của đối thủ, cũng không phải muốn người lưu tâm đến sắc mặt của bản thân khi có ý muốn đoạt kiếm của đối thủ, mà là nghệ thuật khi ở tình trạng không có kiếm, làm sao để bảo toàn cho bản thân, không bị đối thủ giết chết, và nó chẳng liên quan gì đến chuyện đoạt hay không đoạt kiếm của đối thủ.

Cũng có một vài thứ mà người khác sẽ nghĩ đủ chiêu thức để không cho người thấy, nhưng người lại khẳng khẳng không chịu bỏ qua, muốn thấy cho bằng được, đây cũng không gọi là “vô đao”, trái lại, nếu người có thể không quá chấp trước vào những thứ đó, không sợ người khác đoạt nó đi, mới gọi là “vô đao”. Một người nếu chỉ chú tâm nghĩ cách để kiếm của anh ta không bị đoạt đi, thì sẽ rất dễ quên đi mục tiêu thực sự, điều anh ta ghi nhớ chỉ là cây kiếm trong tay mình mà thôi. Vì thế, anh ta sẽ không thể giết chết được người.

1. Nghĩa là, không cần dùng đến đao kiếm.

Chúng ta coi việc bản thân không bị giết là thắng. Lúc này, “vô đao” không phải là nghệ thuật tay không đoạt kiếm sắc của đối thủ mà là trong tay người không có kiếm, vẫn có thể bảo toàn được bản thân, không bị giết chết.

Lưu ý, “vô đao” không phải là nghệ thuật tay không đoạt kiếm sắc, mà là muốn người có thể thuận theo tâm trí làm theo ý mình, chế ngự mọi loại khí cụ. Thử nghĩ, tay người không có binh khí mà vẫn có thể đoạt được kiếm của đối thủ, để chính người sử dụng, vậy thì trong tay người dẫu nắm bất cứ thứ gì cũng có thể dùng để phòng ngự. Dù chỉ là một cây quạt giấy, cũng có thể chế phục được đối thủ đang cầm kiếm. “Vô đao” mà người cần đạt tới chính là cảnh giới như thế.

Giả như, người gặp đối thủ mạnh trên đường đi, trong tay chỉ có một cây gậy tre để phòng thân, còn hắt lại nắm cây kiếm dài trong tay. Lúc này, hoặc là người dựa vào một cây gậy tre để đoạt kiếm dài của hắt, hoặc là dù không đoạt được vũ khí của hắt nhưng người cũng không để các đòn tấn công của hắt chạm vào người mình, cả hai tình huống đó người đều là người thắng. Đó chính là ý nghĩa căn bản của “vô đao”.

Cho nên, “vô đao” không có nghĩa là phải đoạt kiếm của người khác, cũng không phải là cần đoạt mạng của

người khác. Thẳng hoặc đối thủ nhất định muốn đẩy người vào chỗ chết, lúc này người mới nên đoạt kiếm của hắn. Đoạt kiếm không phải là dự định ban đầu của người, mà nó được đưa ra khi người đánh giá về sự an toàn và nguy hiểm của bản thân. Lúc này cần người cẩn thận và tỉ mỉ thẩm xét cự ly giữa đối thủ và người, không để cho kiếm của hắn làm người bị tổn thương.

Thẳng hoặc người đã biết, về cơ bản khoảng cách giữa hai người là an toàn thì người không cần bận tâm đến kiếm của đối thủ. Một khi đã đẩy bản thân vào trong khu vực tấn công của đối thủ, lúc này, người cần nhanh chóng đánh giá tình thế. Khi trong tay không có kiếm, chỉ cần không tiến vào phạm vi kiếm của đối thủ có thể chém tới, thì người không thể đoạt được kiếm của hắn. Bởi muốn đoạt kiếm, người phải đặt bản thân ở trong phạm vi tấn công của hắn, tức là người buộc bản thân rơi vào tình huống nguy hiểm chết người.

Cốt tủy của “vô đao” chính là để cho đối thủ nắm kiếm, còn người chỉ dùng tay làm vũ khí và giao đấu với họ. Nhưng, vì kiếm đấu với tay, người muốn giành được chiến thắng thì cần tiếp cận đối thủ, lao đến trong khu vực mà hắn có thể tấn công.

Lúc này, người cần chú ý đến tác động qua lại giữa kiếm của đối thủ và tay của người. Đối thủ giờ kiếm muốn

chém xuống, đúng lúc người đang đứng ở dưới lưỡi kiếm của hắn, thì người cần lập tức ra tay đoạt kiếm. Lúc này, người chớ giống như bức tượng bằng gỗ hay bằng đất cứ đứng ngẩn ra đó, vì muốn đoạt kiếm, người cần phải tiếp cận hắn, không được phép sợ hãi.

“Vô đao” chính là tôn chỉ thâm sâu tối cao của môn phái. Tư thế, chỗ đặt kiếm, chỗ đứng, cự ly, hoán đổi vị trí, chém, biểu tượng và ý đồ đều xuất phát từ tinh thần của “vô đao”; vô đao chính là nội hàm của tất cả những điều đó.

ĐẠI CƠ ĐẠI DỤNG

Mọi sự vật đều có “thể” (hình thể, hình dạng) và “dụng” (vai trò, tác dụng). Ví như, bản thân cung tên là “thể”, còn khi giương cung, ngắm bắn, bắn trúng tâm thì gọi là “dụng”; đèn là “thể”, ánh sáng là “dụng”; nước là thể, ướt át là “dụng”; cây mai là thể, màu sắc và mùi hương là “dụng”; đao kiếm là “thể”, chặt chém là “dụng”.

“Cơ” chính là “thể”, những chức năng ẩn chứa trong cơ được biểu hiện ra bên ngoài thì gọi là “dụng”. Cây mai vì có “thể”, nên mới nở hoa, trổ ra màu sắc và phát tán hương thơm. Tương tự, “dụng” vốn bao hàm trong “cơ” mà được biểu hiện ra bên ngoài. Ví như: thế chặt thế chém, biểu tượng ý đồ, thế công thế thủ... đều là những

hoạt động được biểu hiện ra bên ngoài, còn bên trong chỉ có một “cơ” tồn tại; những thứ đó đều là “dụng”.

“Đại” là một kiểu khen ngợi. Ví như chúng ta nói “đại thần”, “đại hóa”, “đại hiền”, đều là lời khen ngợi. “Đại dụng” bắt nguồn từ “đại cơ”. Thiền sư đạt đến một cảnh giới tương đối cao có thể tự do kiểm soát cơ thể mình, không bị ngoại giới kiểm soát, bất luận ông ấy nói gì, làm gì đều hợp với đạo lớn, đó được gọi là “đại thần thông”, hoặc “đại cơ đại dụng”.

“Thần thông”, “kỳ tích” không phải dị tượng do những tinh linh quỷ quái của ngoại giới tạo ra, nó chỉ là bất luận làm gì đều thuận theo lòng mình muốn, không bị trói buộc. Sau khi bản thân làm được nhiều thứ hơn so với tri thức ít ỏi mình từng học, vậy thì các động tác như đặt kiếm, chiêu giả, chiêu lừa, các loại binh khí, nhảy lên, bước lên, đoạt đao, đá chân... đều gọi là đại dụng. Và chỉ riêng bạn có cơ, mới lĩnh hội được đại dụng ấy.

Ở trong nhà, người cần chú ý đỉnh đầu và hai bên trái phải, quan sát xem chẳng may có thứ gì đó rơi xuống. Ngồi bên cạnh cửa chính, cửa sổ, người cũng cần lưu tâm đến việc liệu nó có đổ xuống không. Nếu thời điểm ấy bản thân người lại làm đến quan cao, bậc quý nhân, thì lại càng cần đề phòng nảy sinh việc ngoài ý muốn. Dù chỉ là đi ra đi vô khỏi cửa, cũng cần lưu ý người ra vô khác, phải luôn luôn cảnh giác.

Đây đều là những ví dụ thực tế về “cơ”. Nếu người đã nắm giữ cơ thì khi nước chảy đến kênh kỳ tích sẽ xuất hiện, đây gọi là đại dụng.

Nếu cơ chưa đến thời khắc then chốt, dụng sẽ không được thể hiện ra bên ngoài. Một người toàn tâm toàn ý, lại không ngừng luyện tập, cơ sẽ dần dần phát triển, dụng cũng tự nhiên hiển hiện. Khi cơ ngưng kết, cứng lại, mất đi tính đàn hồi sẽ chẳng thể phát huy vai trò giống như bình thường; còn khi đã chín muồi, cơ sẽ khuếch tán đến toàn bộ cơ thể, và đại dụng cũng sẽ được biểu hiện thông qua tứ chi, tai mắt của người.

Nếu người gặp phải đối thủ có đại cơ đại dụng như thế thì các thế võ bình thường người học đều sẽ trở nên vô dụng, gặp phải hấn, thậm chí tay của người còn không thể nhấc nổi lên. Người có đại cơ, chỉ cần ánh mắt của hấn nhìn thẳng người, người sẽ hoàn toàn bị mê hoặc, tới mức không thể đứng yên được tại chỗ, thậm chí đến đao cũng quên rút ra.

Nếu người có chút khựng lại, tỏ vẻ sợ ánh nhìn đó, người đã thua rồi. Mèo quắc mắt nhìn, chuột ở trên mái nhà đã rớt xuống đất, đó là bị thần sắc trong ánh mắt của mèo dọa sợ, đến mức quên cả bỏ chạy, rớt xuống đất. Gặp người có đại cơ như thế, giống như chuột gặp phải mèo vậy.

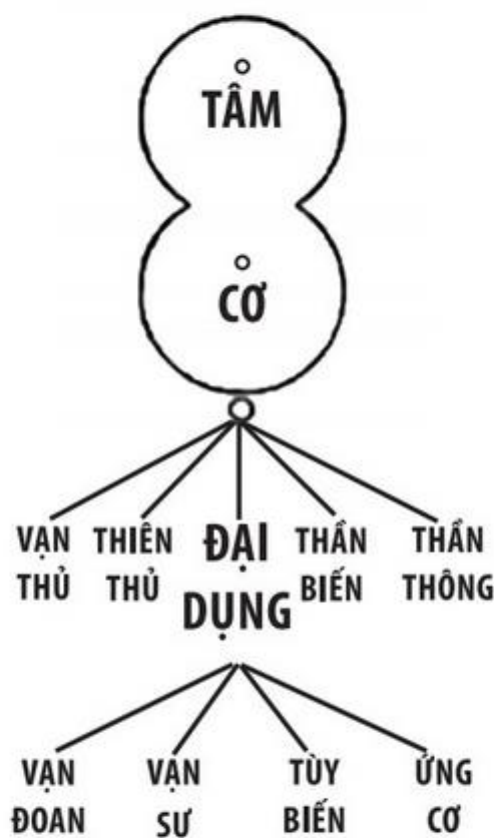
Trong Phật giáo Thiền tông có một câu: “Đại dụng vô phương.” Ý nói, người có đại cơ đại dụng sẽ không bị bất kỳ tri thức và quy tắc sẵn có nào trói buộc, gò bó. Tri thức và quy tắc tồn tại trong mọi lĩnh vực khác nhau, chỉ bậc đại sư mới có thể vượt qua tri thức và quy tắc ấy, họ có thể làm điều mình muốn, không bị trói buộc. Phá vỡ mọi quy tắc, làm điều lòng mình muốn, tức là đã thực hiện được đại cơ đại dụng.

Cơ, có nghĩa là suy nghĩ mọi vấn đề đều cần chuyên tâm. Còn nếu đã suy nghĩ theo một hướng có sẵn thì cơ sẽ trở nên ngưng kết, sơ cứng, cơ sẽ gặp khó khăn, không được tự do. Đó là vì cơ chưa được chín muồi. Nếu người đủ chuyên tâm luyện tập, cơ sẽ liên tục được nuôi dưỡng và phát triển, dần lan khắp toàn cơ thể, có thể thu vào hay tỏa ra theo ý muốn, tự do hành động. Đây gọi là đại dụng.

Cơ tức là tinh thần nội tại (khí). Coi xét sự khác nhau của hoàn cảnh mà vẫn giữ được tinh thần thì gọi là cơ. Tâm là nội chất, tinh thần là lối vào. Tâm là chủ thể của toàn bộ cơ thể, cho nên nó ở bên trong; tinh thần là cánh cửa, ở bên ngoài phục vụ chủ nhân – tâm.

Tâm chia ra thiện ác và sự phân biệt này bắt nguồn từ cơ. Bất luận tâm trở thành thiện hay ác đều bắt nguồn từ trạng thái khác nhau của cơ. Tinh thần ở lối vào làm

nhệm vụ cảnh vệ thì gọi là cơ; khi mọi người mở cửa phòng, đi ra ngoài nhà, bất luận họ hành thiện hành ác, hoặc là tạo ra kỳ tích gì, thấy đều được quyết định ở tư tưởng trong tâm họ từ trước khi mở cửa.



Do đó, cơ này có ý nghĩa rất quan trọng. Nếu tồn tại như bình thường, nó sẽ hiển lộ ra bên ngoài, đại dụng cũng nhân đó biểu hiện theo. Bất luận thời điểm nào, nếu hiểu được cái đó chính là tinh thần, người sẽ vĩnh viễn không bao giờ đứng sau người khác. Còn nó được gọi là gì, chỉ cần chiếu theo hoàn cảnh mà định danh.

Chúng ta bàn đến nội chất và lối vào, nhưng kỳ thực trong cơ thể của chúng ta, cái gì là nội chất, cái gì là lối vào, lại không có định nghĩa minh xác; chúng ta dùng cách nói “nội chất”, “lối vào” chỉ là lối nói tỉ dụ. Ví như, khi người khác phát ngôn, chúng ta có thể gọi phần mở đầu của phát ngôn là “lối vào”, còn phần kết luận gọi là “nội chất”; riêng ở trường hợp cơ thể thì không thể giải thích minh xác cái gì là “lối vào” và “nội chất”.

TÂM VÀ VẬT

Ma Noa La tôn giả có câu kệ rằng: “*Tâm tùy vạn cảnh chuyển, chuyển xứ thực năng u.*” Câu kệ này nói đến bí mật của thiền tông, ta dẫn dụng ra đây vì nó tương thích với tôn chỉ uyên thâm của binh pháp. Có lẽ người không tập thiền tông sẽ cảm thấy câu kệ này không dễ giải thích chút nào.

Trong khi giải thích binh pháp, “cảnh” là nói đến các cử động của đối thủ; tâm của người chăm chú noi theo mỗi động tác của đối thủ mà thay đổi. Ví như, khi đối thủ nâng kiếm hướng vào người, tâm người sẽ chuyển hướng vào kiếm; nếu hấn nhanh chóng di chuyển hướng về phía phải, tâm của người cũng nhanh chóng chuyển hướng sang bên phải; tương tự, nếu hấn chuyển hướng sang trái, tâm của người cũng chuyển hướng sang trái. Đây gọi là “tâm tùy vạn cảnh chuyển”.

“Chuyển xứ thực năng u” chính là tôn chỉ chính yếu của binh pháp. Trong bất cứ trường hợp nào, người đều phải dồn hết sự chú tâm vào nhất cử nhất động của đối thủ trước mặt, bỏ lại những việc đã xảy ra khỏi tâm trí, mặc nó tự nhiên tiêu biến giống như những gợn sóng nước ở phía đuôi thuyền, không được để nó cứ bám víu mãi trong tâm trí, như thế có thể thấy được cảnh sinh ra từ trăm chỗ u huyền, sâu kín...

“U” là cái gì đó rất huyền bí thần diệu, khó nhận biết. Nó cho thấy tâm không tập trung vào bất cứ điểm nào. Trong khi giao đấu với đối thủ, nếu tâm của người chợt ngưng đọng vào một điểm nào đó, người nhất định sẽ bị đánh bại; nếu tâm của người có chút chậm trễ, trì trệ vào thời khắc cần phải linh động, người nhất định sẽ bị giết chết.

Tâm vô hình vô trạng, cho nên nó là thứ nhìn chẳng thấy; nhưng nếu tâm tập trung vào một điểm, chần chừ không tiến về phía trước, lúc này ta sẽ nhìn thấy tâm. Có thể đem việc nhuộm tơ ra làm ví dụ: dùng màu đỏ nhuộm tơ thì tơ biến thành màu đỏ; dùng màu tía nhuộm tơ thì tơ biến thành màu tía. Tâm trí con người nếu bị ngoại vật thu hút rồi chú tâm vào ngoại vật, cũng giống như sợi tơ bị nhuộm thành bất cứ màu nào vậy, điều đó khiến ta có thể nhìn thấy được tâm. Giả như người là một cô

gái rất có sức hấp dẫn nam giới, thì sau một thời gian mọi người tự nhiên sẽ dần để ý đến người.

Khi giao đấu với đối thủ, người cần tỉ mỉ coi xét nhất cử nhất động của đối thủ, nếu tâm của người có chút nấn ná, nhất định người sẽ bị đánh bại. Ở đoạn trên ta đã trích dẫn một câu kệ, chính là muốn nói rõ đạo lý này. Phía sau của hai câu kệ đó còn hai câu nữa, nhưng ta không dẫn dụng ra đây, những người tu tập Thiền tông cần phải biết toàn bộ bài kệ đó (Toàn bộ bài kệ là: *Tâm tùy vạn cảnh chuyển, chuyển xứ thực năng u. Tùy lưu nhận đắc tính, vô hỷ dịch vô ưu.*), còn ở đây chúng ta bàn đến binh pháp, nên chỉ cần biết đến hai câu đầu là đủ.

BINH PHÁP VÀ PHẬT HỌC

Binh pháp và Phật học, nhất là Thiền tông, có rất nhiều đạo lý chung, trong đó có một đạo lý căn bản nhất là đối với bất cứ sự vật nào đều cần phải loại bỏ chấp niệm, chớ để tâm bị ngưng trệ. Đây là điểm vô cùng trọng yếu. Bất luận tu tập Phật pháp hay binh pháp, loại bỏ chấp niệm đều là nghĩa lý căn bản nhất.

Có một ca kỹ, đã viết một bài thơ để đáp lại bài kệ của Tây Hành hòa thượng:

Quân tử đã ly gia [Quân tử đã rời nhà].

Dục vấn ý như hà; [Muốn hỏi ý ra sao?].

Đã khứ mặc phục vấn, [Đã đi chẳng hỏi lại].

Tâm vô luyến cựu cư. [Tâm không nhớ nhà xưa].

Người tu tập binh pháp nên khắc cốt ghi tâm hai câu cuối, rồi thử nhìn lại xem bản thân đã làm được điều đó hay chưa. Trong khi giao đấu với đối thủ, bất luận trong lòng có sự thay đổi vì diệu ra sao, lựa chọn động tác thế nào, nếu tâm người chỉ để ý vào động tác của chính mình, vậy thì người nhất định thua rồi. Người phải rèn luyện để bản thân không chấp niệm vào bất cứ sự vật sự việc nào, mặc cho hành động của đối thủ có ra sao thì dựa vào võ nghệ của bản thân, người vẫn sẽ tìm được chiêu thức có thể khắc chế đối thủ.

ĐÚNG VÀ SAI

Long Tế đại sư từng nói với đám đông tín chúng rằng: “Thấy cái cột là cái cột thì không phải là nhìn thấy cột; thấy cái cột không phải là cái cột cũng không phải là nhìn thấy cột. Loại bỏ mọi suy nghĩ khẳng định hay phủ định mới thực sự là khẳng định và phủ định.”

Đạo lý này thích hợp áp dụng trong hết thảy mọi ngành nghề. Có một người thầy kể ta nghe câu chuyện này, từ đó ta nghĩ đến sự tương đồng giữa nó với binh pháp, cho nên dẫn dụng ra đây.

Thấy cái cột là cái cột và thấy cái cột không phải là cái cột, nói đến sự phán đoán đúng sai, tốt xấu, khẳng định hay phủ định cái cột đứng thẳng, đứng sừng sững ở trong tâm không đổ. Chỉ cần trong lòng có một suy nghĩ rằng việc nào đó là đúng, thì hết thảy mọi thứ đều sẽ biến thành trách nhiệm nặng nề; nếu cho rằng việc nào đó là sai, thì trách nhiệm này lại càng nặng nề hơn. Vì thế, tục ngữ dạy chúng ta không cần phải đi nhìn “cái cột”, ý là người không cần phải vướng bận đến việc phán đoán khẳng định hay phủ định, đúng hay là sai.

Phán đoán tốt hay xấu đều là bệnh của tâm. Nếu không loại trừ bệnh căn này, người sẽ chẳng thể làm được tốt điều gì. Cho nên tục ngữ dạy chúng ta rằng sau khi đã loại bỏ suy nghĩ khẳng định và phủ định, ta mới có thể hiểu rõ sự khẳng định và phủ định. Có nghĩa là, sau khi loại bỏ hoàn toàn suy nghĩ khẳng định và phủ định điều gì đó, sau đó đem sự thấu hiểu về khẳng định và phủ định đó thấm thấu vào tâm can, thì bản thân người sẽ đạt đến cảnh giới tối cao trong sự khẳng định và phủ định đó.

Dù người rất am hiểu Phật học, không bị vướng bận vào việc phán đoán khẳng định và phủ định, cũng khó mà đạt đến được cảnh giới đó.

THẬT VÀ GIẢ

“Dầu là chân niệm, cũng cần phá trừ, nói chi đến vọng niệm.” Trong câu nói trên, “chân niệm” là nói đến chân lý. Một khi người ngộ được chân lý, cũng không nên cứ để nó ở mãi trong tâm. Đây chính là ý nghĩa của câu nói, *“Dầu là chân niệm, cũng cần phá trừ.”*

Sau khi ngộ được chân lý, nếu người cứ giữ chân lý đó ở mãi trong tâm, nó sẽ làm vấy bẩn tâm linh. Chân lý còn như thế, hướng chi là giữ suy nghĩ hư vọng tọa lạc mãi trong tâm, nó sẽ khiến tâm linh càng thêm vấy bẩn nặng nề hơn. Dù là chân niệm, cũng cần phá trừ, hướng hồ đó là vọng niệm, trong tâm người không nên để bất cứ suy nghĩ nào tồn tại mãi. Đây chính là đạo lý mà câu nói mở đầu chỉ dẫn cho chúng ta.

Hết thấy chân lý đều nên rũ bỏ, không nên lưu lại bất cứ vết tích nào trong tâm. Quét sạch chúng đi, để tâm hồn giữ được sự thoáng đãng, thoải mái, để tâm thái được nhẹ nhàng, bình thản mà làm việc. Nếu không thể đạt đến cảnh giới này thì không thể gọi là bậc đại sư binh pháp.

Do sinh ra trong gia đình nhiều đời theo nghiệp quân sự nên những bàn luận của ta nghiêng về binh pháp, nhưng những nguyên tắc được trình bày trên đây

lại không chỉ phù hợp với binh pháp, mà mọi khoa học và nghệ thuật, cùng những đường lối trong cuộc sống đều nên áp dụng những nguyên tắc này. Khi nghiên cứu và học tập binh pháp, nếu người chỉ một lòng nghĩ đến binh pháp, đó chính là “bệnh”. Khi bắn cung tên, nếu người một lòng nghĩ đến cung tên, đó là nghệ thuật bắn tên không xuất chúng.

Nếu giữ tâm bình thản đi bắn tên, người sẽ cảm thấy cung và tên đều thuận theo ý muốn của người; nếu giữ tâm bình thản để quyết đấu, người có thể tự do thoải mái vùng kiếm. Nếu có tâm bình thản không chịu sự chi phối, can dự của bất kỳ ngoại vật nào, thì người làm bất cứ việc gì đều thuận lợi suôn sẻ, trái lại, sẽ nảy sinh vấn đề. Giả như người muốn mở miệng thuyết giảng, bất kể nói gì, giọng cũng sẽ run run; người động bút viết chữ trước mặt người khác, tay cũng sẽ run rẩy.

Tâm bình thản tức là trong tâm không chứa bất cứ điều gì, nhẹ nhàng quét sạch mọi dấu tích trong quá khứ, như thế, tâm hồn có thể giữ gìn và duy trì được sự thanh sạch, tĩnh lặng. Những người đọc kinh điển Nho gia chỉ quan tâm đến “kính”, cho nên khó mà hiểu được đạo lý “để cho tâm hư không, rộng sạch”. “Kính” không phải là cảnh giới tối cao của nhận thức, nó chỉ là những bước đầu tiên trên con đường tu dưỡng bản thân mà thôi.

Quyển đầu tiên của sách này có tên là “Cầu dăng giày”, vốn chỉ là danh mục các kỹ thuật trong kiếm pháp, do cha ta Tajima no kami Muneyoshi và thầy của ông là Kamiizumi Musashi no kami Fujiwara Hidetsuna trực tiếp truyền dạy. Quyển này được viết ra dành cho những người đã hiểu thấu đáo các kỹ pháp đó và là bằng chứng cho việc truyền thụ bí kíp của phái này. Còn hai quyển thượng và hạ là biệt truyền ngoài quá trình học tập. Người cha quá cố của ta đã áp dụng đạo này cả đời, không bao giờ quên cả trong lúc ăn cũng như khi ngủ. Cho nên cha thấu triệt được lẽ huyền diệu của đạo này, luôn giữ nó bên cạnh ngay cả trong cuộc sống bình thường hằng ngày, và ông còn giảng dạy lẽ huyền diệu, thâm sâu của nó cho ta nghe. Trong khi trò chuyện, bất cứ điều gì nghe được dù là nhỏ nhất, ta cũng trân trọng và giữ nó trong lòng.

Đến khi trưởng thành, dẫu tay nắm kiếm, kế tục nghiệp cha, nhưng ta vẫn không thể tự do thư thái múa kiếm. Cho đến tuổi hiểu được mệnh trời¹, ta mới dần thấu hiểu nghĩa lý của đạo này. Mỗi khi thấu hiểu được một đạo lý, ta đều cẩn thận ghi lại. Tích lũy dần dần đã được nhiều, sau rốt đều quy về nhất tâm; đạt đến nhất tâm sau khi trải qua nhiều chuyện rồi mọi chuyện cũng

1. Tuổi tri thiên mệnh, tức 50 tuổi.

chỉ chứa đựng trong nhất tâm mà thôi. Cuối cùng, mọi thứ đều ở nhất tâm mà ra. Nay, ta viết những điều này thành hai quyển, để tổng cộng sách có ba quyển, nhằm truyền dạy lại cho con cháu trong nhà.

*Ngày lành tháng 9 năm Nhâm Thân, niên hiệu Khoan
Vĩnh thứ 9, 1632.*

Kamiizumi Musashi no kami Fujiwara Hidetsuna.

Cha quá cố, Yagyu Tajima no kami Taira Muneyoshi.

Con trai, Yagyu Tajima no kami Taira Munenori.

Ta đặt tên cho quyển thượng và quyển hạ là “Kiếm giết người” và “Kiếm cứu người”, với ý nghĩa rằng, thanh kiếm các kiếm thủ sử dụng có thể giết người nhưng cũng có thể mang lại sự sống cho con người. Ở trong thời thế loạn lạc này, nhiều người bị giết một cách vô cớ. Có thể dùng “kiếm giết người” để kiểm soát thời thế loạn lạc, còn vào thời thịnh trị, lẽ nào “kiếm giết người” không thể trở thành “kiếm cứu người” được sao? Đó là lý do ta đặt tên đó cho hai quyển thượng và hạ.

MỤC LỤC BÌNH PHÁP CỦA PHÁI TÂN ÂM

TAM HỌC



Một chặt hai đứt

Khi đối thủ nhắm mũi kiếm vào mắt người, người hãy di chuyển thanh kiếm theo hình bánh xe về phía phải, đưa chân trái lên và hơi khụy đầu gối trái xuống. Cơ thể người nên ở góc xiên so với đối thủ. Đưa kiếm

từ từ nhưng dứt khoát hướng về phía trước, trong khi người quan sát ánh nhìn của đối thủ. Khi vị trí eo của người đã ổn định và có thể tấn công, và đối thủ chém kiếm xuống vị trí vai trái của người, người hãy dừng di chuyển ánh mắt, khẽ di chuyển từ từ nắm tay xuống gần đầu gối, mở rộng khuỷu tay trái ra một chút để làm lệch hướng đòn chém của đối thủ. Khi đối thủ giơ kiếm lên tấn công, người hãy tiến về phía trước bằng chân phải, mở rộng tư thế về phía sau và chém vào cổ tay trái đối thủ. Truyền miệng.



Chém đỉnh chặt sắt

Khi đối thủ đối diện trực tiếp với người ở tư thế thượng đoạn, người cũng trực diện với hãn ở tư thế đó rồi tiến tới vị trí mà khoảng cách giữa hai đầu kiếm là ba tấc. Nếu đối thủ chém kiếm xuống vị trí vai của người từ bên phải, người hãy di chuyển kiếm và tiến về phía trước bằng chân trái. Thu hẹp khoảng cách với đối thủ, giữ nguyên ánh mắt, chém vào vai trái của đối thủ. Nếu đối thủ lao đến tấn công, người nên tiếp tục tiến về trước bằng chân phải, và vùng kiếm chém theo hướng từ dưới lên. Khi đã di chuyển kiếm sang một phía, sau đó người hãy hạ xuống ngay lập tức. Nếu đối thủ giơ kiếm lên, người hãy chém vào cổ tay trái đối thủ. Truyền miệng.



Nửa mở nửa hướng

Đối thủ cầm kiếm ở tư thế trung đoạn với mũi kiếm chĩa thẳng vào người, sau đó khẽ dịch chuyển kiếm sang phải. Khi đó người cần bước chân phải về trước, sao cho ở tư thế bắt chéo với kiếm của đối thủ, và khoảng cách giữa hai mũi kiếm khoảng ba tấc, và tập trung ánh mắt nhìn đối thủ. Khi đối thủ chém kiếm xuống, người hãy di chuyển kiếm sang phải và khẽ bước sang phải bằng chân phải, chém kiếm vào đúng vị trí người đã chăm chú quan sát từ trước. Nếu đối thủ định tấn công lần nữa, người cũng tiến tới giống cách trên và chém vào cổ tay trái đối thủ. Truyền miệng.



Vòng phải rẽ trái

Khi đối thủ ở tư thế thượng đoạn, ở trực diện người, và chủ động tấn công gấp, người hãy hướng mũi kiếm hơi chếch để chém vào cổ tay đối thủ, rồi vòng bước một hai bước về trái. Khi thực hiện động tác đó, người hãy bước nhẹ nhàng sang trái bằng chân trái, hơi hướng mũi kiếm xuống để né đòn của đối thủ. Truyền miệng.

Nếu đối thủ tấn công thêm lần nữa với lực yếu, người hãy chém vào mũi kiếm đối thủ, sau đó tiếp tục giao đấu với đối thủ lần nữa. Luôn giữ vững tâm trí, đưa kiếm về sau và chờ đợi. Mắt người phải luôn tập trung quan sát. Khi đối thủ tiến lên bằng chân phải và có ý tấn công người, người hãy tiến lên bằng chân trái rồi dùng cả hai tay chém thẳng đối thủ. Truyền miệng.



Dài ngắn như nhau

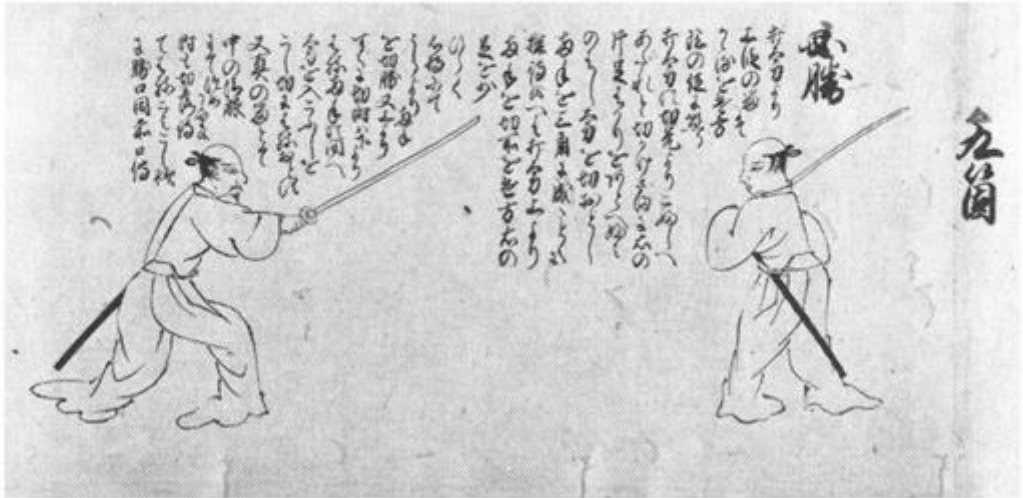
Khi đối thủ đánh kiếm ở tư thế trung đoạn và cách khá xa kiếm của người, thì đòn đánh của đối thủ chỉ để thăm dò toan tính của người. Nếu người hòa nhịp cùng đòn đánh đó thì nên đưa chân trái lên rồi di chuyển sang phải, đưa kiếm xuống tư thế hạ đoạn. Ánh nhìn luôn duy trì ổn định, phải luôn luôn cảnh giác. Truyền miệng.

本朝兵法者後伊弉
 諾為伊弉諾為資
 始伊弉諾為取軍
 楊則伊弉諾為以并
 校對之於後至天照
 皇太神之道天具天
 神以傳地神以傳人
 王後人王傳變之者不
 知幾千萬年矣
 校對六十列靈應
 年學者好力



Bình pháp ở Nhật Bản được khởi đầu từ hai vị thần Izanami và Izanagi. Izanagi dùng một cành dương liễu, còn Izanami dùng một cành trúc đâm lại. Sau đó họ đi đến chỗ thần Amaterasu, và đạo pháp này bắt đầu được hưng thịnh. Các thần trên trời truyền thụ cho các thần dưới trần gian, các vị thần ở trần gian trao truyền cho các vị vua, rồi từ các vị vua đạo pháp đó được truyền trao cho vô số người khác. Nhờ thanh kiếm ba thước, các cuộc nổi loạn của khắp 60 châu được dẹp yên, cho nên điều đó sao là vô ích được. Những học giả đời sau phải nỗ lực rất nhiều.

CHÍN MỤC



Tất thắng

Khi đối thủ cầm kiếm ở tư thế thượng đoạn, người hãy giữ ở vị trí dưới so với đối thủ. Khi đối thủ chuẩn bị dùng mũi kiếm chém vào tay người, người hãy vòng chân phải ra sau rồi đưa kiếm xuống để tấn công. Giữ thế đó với hai tay nắm kiếm tạo thành hình tam giác và chờ đợi. Ngay khi đối thủ chém kiếm từ trên cao xuống vào tay người, người hãy tiến nhẹ bằng chân phải để tấn công hắt từ bên dưới và đánh bại đối thủ.

Nếu đối thủ lại tiếp tục tấn công từ trên cao, người hãy tiếp tục đánh kiếm từ dưới lên. Hướng thanh kiếm

của người vào giữa hai tay đối thủ, sau đó chém lên tay đối thủ. Khi hắc lao thẳng về trước, người hãy hết sức tập trung, tấn công bằng cách đánh xuống, chờ đợi, sau đó đánh lên để hất kiếm đối thủ, sau đó tấn công trực diện đối thủ. Truyền miệng.



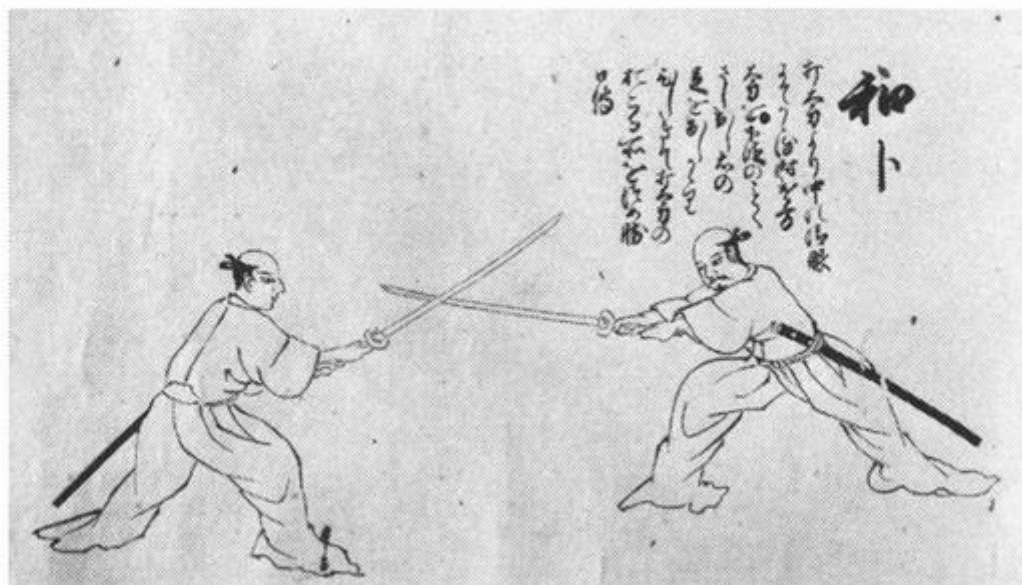
Ngược gió

Khi đối thủ ở tư thế thượng đoạn, người hãy giữ bản thân ở tư thế thông thường, sau đó nhanh chóng nhảy sang trái và tấn công lên vai đối thủ. Nhẹ nhàng đưa kiếm sang bên trái cơ thể người. Giữ bản thân ở tâm thế ổn định và quan sát thật kỹ, khi đối thủ ra đòn hướng lên trên, người hãy tiến về trước bằng chân trái, chém vào hai tay đối thủ rồi dừng. Truyền miệng.



Kiểm chữ Thập

Khi đối thủ ở tư thế thượng đoạn và dò xét thế đứng của người, người cũng hãy giữ tư thế và làm điều tương tự. Ở nhịp cân bằng này, người hãy nhấc chân trái rồi di chuyển sang phải, di chuyển kiếm để tạo thành hình tam giác với hai tay, giữ ánh nhìn tập trung. Nếu đối thủ tiến vào chỗ trống giữa hai người, người hãy làm chệch hướng mũi kiếm đối thủ. Nếu đối thủ chém kiếm từ trên xuống, người hãy dịch chuyển chân và chém vào tay phải đối thủ. Không được đứng lại vị trí đó, khi người chém từ trên xuống thì hơi lùi lại, sau đó chém vào giữa hai khuỷu tay đối thủ theo hướng từ trên xuống. Truyền miệng.



Hòa hoãn

Khi đối thủ ở tư thế trung đoạn, mũi kiếm hướng thẳng mắt người, người hãy tiếp cận đối thủ bằng tư thế hạ đoạn, di chuyển chân phải, mở rộng thế đứng, và áp sát kịch liệt, hạ gục đối thủ. Truyền miệng.



Lối tắt

Khi đối thủ ở tư thế bát tướng, người hãy tiếp cận đối thủ bằng tư thế hạ đoạn. Khi đối thủ đánh kiếm từ trên xuống, người hãy khẽ di chuyển chân trái ra ngoài, hạ thấp cơ thể, di chuyển chân để làm chệch hướng đánh của đối thủ từ trên, khi đó người có cơ hội phản công và giành thắng lợi. Truyền miệng.



Từ tổn áp sát

Khi đối thủ ở tư thế mà kiếm được giữ ở trên đầu gối phải, người hã vào tư thế hạ đoạn, rồi hướng kiếm của người lên chệch chéo với kiếm đối thủ ở khoảng cách ba tấc. Khi đối thủ đưa kiếm lên hông kéo người đến gần, người hã tiến lên bằng chân trái, rồi đánh kiếm để làm chệch hướng kiếm của đối thủ ở ngay vị trí ngang ngực. Truyền miệng.



Áp sát kích liệt

Khi đối thủ đánh kiếm từ trên xuống, hướng thẳng vào người, theo đúng hướng nhìn của hãn, người hãy lùi lại và hướng mũi kiếm của người ở dưới mũi kiếm đối thủ khoảng ba tấc, rồi hành động tương tự đối thủ. Trước tiên người cần tránh kiếm của đối thủ bằng cách đưa kiếm của người lên trên. Theo nhịp phách đó, rồi đưa hai tay lên cao một chút, chém xuống đối thủ, rồi tạm ngừng. Truyền miệng.



Hàng rào tám lớp

Khi đối thủ ở tư thế kiếm thượng đoạn, người hãy vào thế bát tướng. Khi đó đối thủ sẽ nhìn người rồi tiến đến. Người nên lùi lại một chút bằng chân phải, điều chỉnh thế ổn định, rồi tấn công từ trên xuống vào đối thủ. Nếu đối thủ tiếp tục tiến lên tấn công, người hãy sát gần lại rồi chém vào khoảng giữa hai tay đối thủ. Truyền miệng.



Mây cuộn

Khi đối thủ ở tư thế thượng đoạn và đang dò xét tư thế của người, người cũng hãy vào thế tương tự đối thủ, để thăm dò ngược lại. Người hơi tiến về trước, gần mũi kiếm đối thủ, khẽ mở thế đứng bằng chân phải, rồi chém xuống vị trí mắt người đã chú ý đến. Nếu đối thủ tiến về trước với kiếm ở thế Sát nhân đao, người hãy vào thế Hoạt nhân kiếm, rồi tiến trước bằng chân trái. Sau đó nhấc chân phải để mở rộng thế đứng, nhằm tránh hướng kiếm đối thủ, rồi chém kiếm xuống. Truyền miệng.

THIÊN CẦU [TENGU] CHÉP¹



Cao Lâm Phòng [Korinbo]

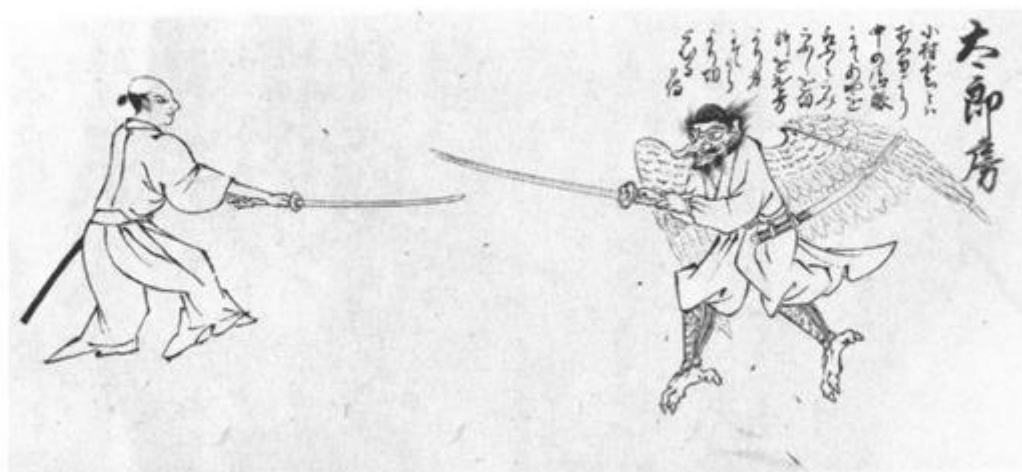
Loạn giáp [Ranko] tức là cả hai đều ở tư thế thượng đoạn. Đối thủ tấn công, người đỡ bằng tư thế thượng đoạn, tiến lên trước bằng chân phải rồi tấn công. Nếu đối thủ tiến tới đánh trả, người nên di chuyển sang trái, sau đó tiến bằng chân phải, chém vào nắm tay đối thủ. Truyền miệng.

1. Các mục được viết hoa trong phần này như Cao Lâm Phòng, Phong Nhãn Phòng... là tên các loài Tengu khác nhau.



Phong Nhãn Phòng [Fugenbo]

Thừa thái đao [Noritachi] tức là cả hai cùng dò xét thế đứng của nhau. Khi đối thủ tấn công, người nhảy lên rồi cùng lúc đáp xuống sẽ chém kiếm đối thủ từ trên xuống. Nếu đối thủ xoay kiếm rồi thu về, người nên hòa hoãn, sau đó chém xuống, ghìm giữ. Truyền miệng.



Thái Lang Phòng [Tarobo]

Tiểu thôn vân [Komurakumo] tức là đối thủ ở tư thế trung đoạn để dò xét tư thế của người, sau đó tiến tới. Khi đối thủ chém vào nắm tay người, người hãy di chuyển toàn bộ cơ thể, kể đó chém từ dưới lên. Truyền miệng.



Vinh Ý Phòng [Eiibo]

Thế cật [Kiritsume] tức là cả hai đều ở tư thế trung đoạn và dò xét tư thế đối phương. Nếu đối thủ tiến lên rồi chém vào nắm tay người, người nên dịch chuyển cơ thể sang phải, tiến tới rồi cũng chém vào nắm tay đối thủ.



Trí La Thiên [Chiraten]

Hổ loạn lưu [Korandome] tức là đối thủ mang theo hai thanh kiếm, tay trái nắm kiếm ngắn và chĩa thẳng ra, kiếm ở tay phải giữ ở tư thế trung đoạn. Người hãy nhìn vào mũi kiếm đối thủ, sử dụng hai mắt nhìn vào hai kiếm, và khi đối thủ tấn công, người hãy chém từ trên xuống rồi giữ chặt hẳn lại. Truyền miệng.



Hỏa Loạn Phòng [Karanbo]

Toàn hỏa loạn đả vật lưu [Subetekoranuchimonodome] tức là đối thủ cầm kiếm ở tay trái và kiếm ngắn ở tay phải. Tư thế của đối thủ giống như hình vẽ, hấn tiến lên nhịp nhàng. Khi đó người hãy giữ cơ thể và kiếm ổn định, tuy hai là một, sau đó chủ động tấn công. Nhịp tấn công thật đều đặn, không được để có khoảng dừng nghỉ nào. Đòn chém đầu tiên hướng vào cơ thể đối thủ, như thể từ xa đánh tới. Truyền miệng.

Trước tiên, đòn tấn công mở đầu là giữ tâm ở trạng thái bất động rồi chém xuống. Điều cần lưu tâm không phải là việc chém, mà cách điều khiển thanh kiếm, phải luôn giữ tâm chuyên nhất trong khi thực hành đòn đánh này. Có nhiều truyền miệng về thể kiếm này.



Tu Đức Phòng [Shutokubo]

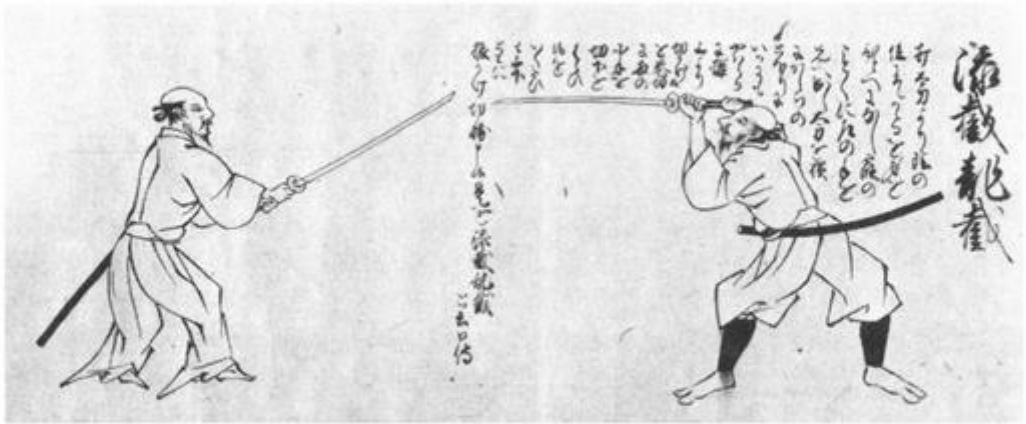
Thế tiên cật [Kissakizume] tức là đối thủ ở tư thế thượng đoạn và đang dò xét thế đứng của người. Người hãy làm chệch hướng kiếm của đối thủ bằng ba nhịp điệu, sau đó tấn công. Truyền miệng.



Kim Tỉ La Phòng [Konpirabo]

Âm chi hà [In no kasumi] tức là đối thủ ở tư thế Âm chi hà, người cũng sẽ xác lập tư thế đó. Ở nhịp đầu tiên và nhịp thứ hai, người hãy rải chân rộng dài để thanh kiếm vươn xa hơn, và dùng sự mau lẹ biến hóa của người để kiểm soát đòn đánh của đối thủ, và giành chiến thắng. Truyền miệng.

Cách này cũng được gọi là kiểu phản [hashigaeshi] hay toutoukiri. Khi giáp mặt đối thủ trên đường hẹp và bị bao vây trước sau, được gọi là cát [yoshi] (may mắn). Truyền miệng.



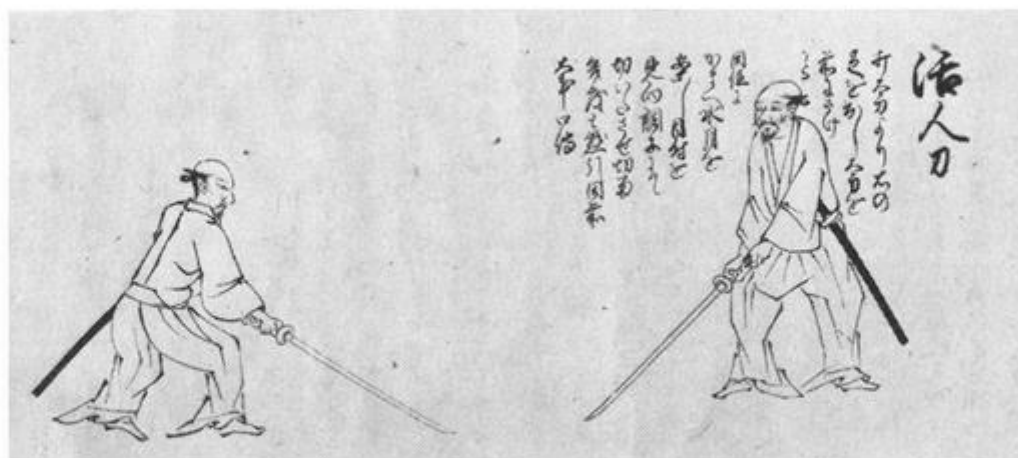
Chém liên tiếp, chém hỗn loạn

Người hãy ở vào tư thế nghiêng người, chỉ hướng xéo về đối thủ, khê đưa tay trái về phía trước ở trên chuôi kiếm tựa như làn sương mù thổi ra, và hướng kiếm sang ngang. Giữ tư thế đầu hơi chếch so với hướng kiếm của người. Nếu đối thủ chém từ trên xuống, người hãy xoay người để chém vào cổ tay đối thủ. Nếu đối thủ nỗ lực đẩy kiếm của người sang một bên, người nên chém kiếm theo cả hai hướng từ trên xuống và từ dưới lên để hạ gục đối thủ. Đây gọi là chém liên tiếp, chém hỗn loạn. Truyền miệng.



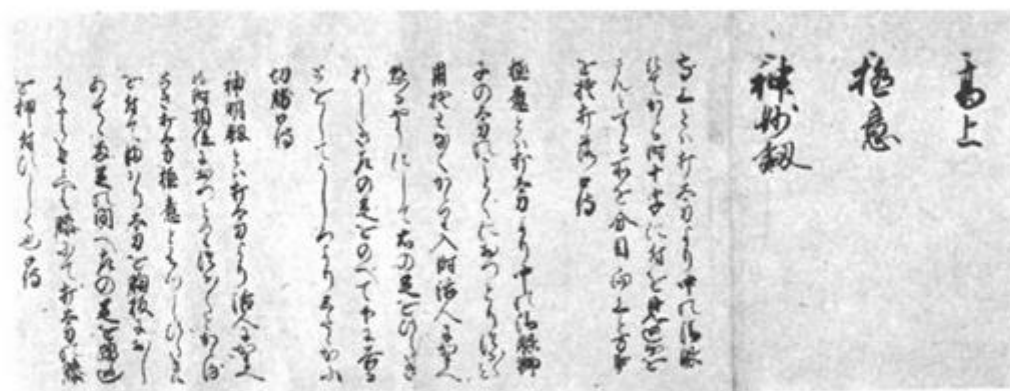
Vô nhị kiếm

Khi đối thủ tấn công bằng cách chém liên tiếp, người hã để ý nhịp điệu và nhìn vào mắt đối thủ khi mũi kiếm của người cách mũi kiếm của đối thủ ba tấc. Người hạ kiếm xuống rồi vào tư thế hạ đoạn, đưa chân phải ra trước, đưa chân còn lại ra sau và mở thế tấn công. Tập trung quan sát, khi đối thủ đưa kiếm xuống, người hã dứt khoát vung kiếm theo hướng từ dưới lên để chém đối thủ. Truyền miệng.



Hoạt nhân đao

Đối thủ duỗi chân phải ra và hạ kiếm phía trước. Người cũng làm tương tự, hãy nhớ đến hình ảnh bóng trắng trên mặt nước, và nhìn thẳng vào đối thủ. Khi người thiết lập nhịp điệu trái ngược, khiến đối thủ phải tấn công. Lúc ấy, hành động tiến lên, lùi lại nhiều lần là cực kỳ quan trọng. Truyền miệng.



Cao thượng

Cực ý

Thần diệu kiếm

Cao thượng là khi đối thủ ở tư thế trung đoạn rồi tấn công, kiếm giao nhau hình chữ thập, và người muốn xoay chuyển tình thế. Khi ấy người hãy giữ tâm bình thản, hướng nhìn về trước, buông bỏ mọi thứ trong tâm trí rồi hạ gục đối thủ. Truyền miệng.

Cực ý là khi đối thủ ở tư thế trung đoạn, vung kiếm như sư tử lao tới tấn công người không chút do dự. Người hãy vào tư thế Hoạt nhân, đưa chân phải ra, hạ thấp người xuống bằng cách duỗi chân trái thẳng. Rồi cho đối thủ lao qua và người chắc chắn đánh bại đối thủ bằng cách tấn công từ phía sau. Truyền miệng.

Thần diệu kiếm là khi đối thủ ở tư thế Hoạt nhân, người cũng ở tư thế tương tự. Khi người tấn công đều đặn, đối thủ sẽ cố gắng tránh né bằng thế Cực ý. Khi đó người hãy áp sát, hướng mũi kiếm vào ngực đối thủ, bước chân trái của người tiến vào khoảng giữa hai chân đối thủ, dùng đầu gối của người đè lên đầu gối đối thủ rồi đè hẳn xuống. Truyền miệng.

PHỤ LỤC

BẤT ĐỘNG TRÍ THẦN DIỆU LỤC

Takuan Sōhō

Vô minh trụ địa phiên thảo

Vô minh, xét từ mặt văn tự, có nghĩa là không sáng suốt, vẫn còn chấp mê. “Trụ địa” có nghĩa là nơi tâm dừng lại. Trong phép tu hành của Phật giáo, có 52 phẩm tu. Trong 52 phẩm tu này, nơi tâm dừng lại ở mỗi vật, được gọi là trụ địa. Trụ địa có nghĩa là nơi dừng lại, dừng lại có nghĩa là khi tâm đang bị níu giữ bởi một vật một việc nào đó. Nếu xét từ phương diện binh pháp, khi nhìn thấy thanh kiếm đang hướng tấn công về phía mình và nghĩ rằng bản thân sẽ chạm vào thanh kiếm ở vị trí đó, khi đó tâm trí người sẽ tập trung vào hướng đi của kiếm đối thủ, và hành động rút kiếm đưa tay hướng về trước của người sẽ bị đối thủ nhìn thấu, người sẽ bị đối thủ hạ gục. Đó là ý nghĩa của sự dừng lại.

Dẫu nhìn thấy thanh kiếm đang di chuyển tấn công nhưng nếu tâm không bị bám chấp vào thanh kiếm thì

người hoàn toàn có thể bắt nhịp với nhịp điệu hướng di chuyển của thanh kiếm; nếu người không nghĩ đến việc tấn công đối thủ, không còn bất cứ suy nghĩ nào khác thì đúng khoảnh khắc nhìn thấy thanh kiếm vung lên, tâm người sẽ không bị níu giữ bởi bất cứ điều gì, người có thể lao thẳng lên và giành lấy kiếm từ đối thủ, thế là thanh kiếm của đối thủ trở thành thanh kiếm của người, và trở thành thanh kiếm chém ngược lại đối thủ. Trong Thiền tông gọi đó là “nắm đầu ngọn giáo đâm ngược lại kẻ đã đâm mình”. Giáo là vũ khí. Điểm mấu chốt ở đây là thanh kiếm người giành được từ đối thủ sẽ trở thành thanh kiếm chém chính đối thủ. Trong binh pháp gọi là “vô đao”.

Dù hướng chém kiếm của đối thủ hay đòn đánh của chính người, dù bị đối thủ tấn công hay bị kiếm chém tới, dù ở vị trí hay do nhịp điệu, nếu tâm của người bị tác động hay bám chấp vào bất kỳ điều gì thì hành động của người cũng sẽ chậm nhịp, điều đó có nghĩa là người có khả năng bị chém. Nếu ở trước đối thủ, tâm trí của người sẽ bị đối thủ thâm tóm. Người không nên đặt tâm ở trong cơ thể, bởi ổn định tâm trí trong cơ thể chỉ dành cho người mới học, mới bắt đầu tập luyện mà thôi. Tâm trí có thể bị kiếm đoạt mất. Nếu người đặt tâm trí vào nhịp điệu của cuộc đấu, tâm trí cũng dễ bị nhịp điệu cuốn đi.

Nếu đặt tâm trí vào kiếm của người thì tâm trí cũng có thể bị chính thanh kiếm của người chiếm đoạt. Nếu tâm trí dừng lại ở bất cứ vị trí nào trên đây, người đều có thể trở thành kẻ tay không đánh địch. Người hãy nghĩ kỹ và ghi nhớ điều này. Điều này cũng từng được dẫn dụng trong Phật pháp. Trong Phật pháp gọi đó là nơi dừng lại của tâm chấp mê, cho nên mới nói là: vô minh trụ địa phiền não.

Chư Phật bất động trí

Bất động có nghĩa là không chuyển động.

Trí là trí trong trí tuệ.

Dẫu nói trí bất động nhưng không có nghĩa là trí giống những thứ vô tình như cục đá hay cái cây. Mà là trí dẫu hướng sang trái hay sang phải, quay mười phương tám hướng theo thói quen của tâm thì tâm cũng luôn vận động theo, thế được gọi là trí bất động. Bất Động Minh Vương cầm kiếm ở tay phải, nắm sợi dây ở tay trái, nhe răng và mắt lộ vẻ tức giận, hình tướng mạnh mẽ hàng phục ác ma bảo vệ Phật pháp, điều này là giống nhau ở mọi quốc gia trên thế giới. Hình tướng của ngài chính là hộ pháp bảo vệ Phật pháp, trong khi hiện thân của ngài trước chúng sinh là trí bất động. Những kẻ phàm phu nhìn thấy hình tướng này thì sợ hãi và không có ý định

trở thành kẻ thù của Phật pháp. Những người sắp giác ngộ khi nhìn thấy hình tướng này sẽ hiểu rằng đó là biểu hiện của trí bất động, và nỗ lực xua tan mọi chấp mê. Bất động trí tức là sáng tỏ, đó là hiện thân của Minh Vương tâm bất động. Cho nên Bất Động Minh Vương, nhất tâm chẳng động, chẳng có nơi trú ngụ, nhưng hết thảy chúng sinh đều muốn noi theo.

Nếu tâm trí neo đậu bất kỳ chốn nào đều sẽ nảy sinh muôn vàn ý tưởng, đánh giá, phán xét khác nhau, và trong khi biện biệt, tâm sẽ phát sinh bám chấp, từ đó tâm trí không thể có được tự do tự tại.

Ví như mười đối thủ đều cầm kiếm chém người, người chỉ dùng một thanh kiếm ứng phó, nếu tâm người ở khắp nơi, không nơi nương vào, nên bỏ thì bỏ, nên giữ thì giữ, dùng ít chống nhiều thì không gì không thành công. Nếu tâm bám chấp vào nơi nào đó thì người có thể đánh thắng đối thủ đầu tiên, rồi bám chấp vào còn chín tên còn lại, khi đó người khó lòng đánh thắng được.

Quan sát nghìn tay của Quán Âm tôn giả, dầu nói là ngàn tay nâng ngàn báu vật nhưng nếu một tay có bám chấp vào vật nào khác thì chín trăm chín mươi chín tay còn lại sẽ chẳng thể có tác dụng diệu kỳ, hoạt động tự tại. Vì tâm không bám chấp nên ngàn tay có thể thoải mái tự do, nhờ trí tuệ bất động diệu kỳ sẽ khiến một cơ thể có

ngàn tay vẫn tự do tự tại chẳng có gì trở ngại. Giống như đối diện với một cái cây trong rừng, nếu tâm bám chấp vào chỉ một chiếc lá, người sẽ chẳng thấy được những chiếc lá khác. Nếu không nhìn một chiếc lá, mà nhìn toàn bộ cái cây và chẳng nghĩ ngợi gì, thì mắt có thể nhìn được vô vàn chiếc lá mà chẳng bị giới hạn nào cả. Nếu một chiếc lá có thể níu giữ tâm trí thì người sẽ chẳng thể thấy những chiếc lá còn lại. Nếu không đặt tâm vào chỉ một, có nghĩa là người có thể thấy được trăm nghìn chiếc lá. Người thấu hiểu được điều này, chính là Quán Âm nghìn tay nghìn mắt.

Người bình thường khi nhìn thấy Quán Âm nghìn tay thì tin rằng nếu thân ta có được nghìn tay nghìn mắt sẽ may mắn biết bao. Những người có trí tuệ trung bình thì hoài nghi, sao con người ta có thể có ngàn tay ngàn mắt được, đó là những lời sáo rỗng. Nhưng nếu suy nghĩ kỹ càng hơn thì người ta sẽ có niềm tin vào đạo lý, chứ không phải niềm tin đơn thuần của người bình thường hay những lời sáo rỗng của người có trí tuệ trung bình, đồng thời thấy rằng việc này thể hiện rất rõ ở giáo lý nhất vật trong Phật pháp. Ngay cả các tôn giáo khác cũng giống vậy, chúng ta có thể thấy được điều này trong Thần đạo. Khi nói về tất cả những điều đó, người bình thường luôn đả phá hoặc coi giáo lý đó là xấu, nhưng suy

cho cùng ẩn sâu bên trong luôn có đạo lý, bất kể đạo lý này hay đạo lý kia đều được bắt đầu từ giai đoạn sơ tâm, sau đó tu hành để đạt đến cảnh giới trí tuệ bất động, rồi quay trở về với trụ địa sơ tâm ban đầu. Điều này có lý do.

Trong binh pháp cũng giống như vậy.

Người mới học, chưa biết bất kỳ chiêu thức, thế cầm kiếm nào, tâm cũng trú ngụ ở nhiều nơi, nếu đối thủ chém kiếm tới, cũng chỉ biết đỡ, không biết biện biệt, cứ tùy cơ ứng biến. Khi tập lâu ngày, thủ đắc nhiều phương pháp như cách cầm kiếm, nơi ngụ tâm nhưng khi đối diện đối thủ, tâm còn bối rối, lòng vẫn cảnh giác chứ không được tự do, thư thái; hay khi tấn công đối thủ, vẫn chưa tự do, còn mang có vẻ gượng ép. Tập tành lâu dần, tham cứu phép xưa, học nhiều thế đứng, cách cầm kiếm, nhưng vẫn chưa biết cách làm sao trở về với sơ tâm. Giống như trong bói toán, từ một đến mười, đó là tiến lên, một đến mười nối nhau. Lại xem 12 điệu trong âm nhạc: một là Việt; hai là Kim; ba là Bình điệu; bốn là Tuyệt thẳng; năm là Hạ vô; sáu là Song điệu; bảy là Phù điệu; tám là Hoàng chung; chín là Man; mười là Bàn thiệp; mười một là Thần tiên; mười hai là Thượng vô.

Thấp nhất là Việt; cao nhất là Thượng vô, từ âm đầu đến âm cuối, gán bó mật thiết nối nhau liên tiếp. Từ đó

chúng ta nói rằng cao nhất với thấp nhất là giống nhau. Ngay cả trong Phật pháp, người thấu hiểu sâu sắc giáo lý Phật giáo cũng giống như một người chẳng biết gì về Phật hay Pháp vậy. Họ chẳng hề trang hoàng vẻ ngoài và ở họ cũng chẳng có điều gì thu hút sự chú ý từ người khác. Cho nên ban đầu họ ở vô minh trụ địa, phiền não trụ địa, về sau họ sẽ đạt đến cảnh giới bất động trí. Khi trí tuệ không hoạt động nữa, người ta sẽ rơi vào trạng thái vô tâm vô niệm, động tĩnh tự tại, không bị phiền não trói buộc.

Giống như bù nhìn ở nơi đồng ruộng, tay cầm tên giương cung, vốn chẳng thể bảo vệ được ruộng đồng thế nhưng chim thú nhìn thấy đều bỏ chạy. Suy cho cùng mọi chúng sinh trên đời đều như thế cả. Thể hiện ra muôn vàn tướng mạo, nhưng sau rốt chẳng ngụ ở một tướng nào, vô tâm vô niệm, giống như bù nhìn nơi đồng ruộng.

Những kẻ vô tri ngu ngốc, vì không có trí tuệ nên dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng sẽ mãi mãi không thể thể hiện được mũi giáo sắc bén của mình; còn những người trí tuệ sâu sắc, lại thường không để lộ ra sự sắc sảo của bản thân. Trong khi những kẻ hiểu biết nửa vời, chỉ có chút khôn vặt chứ không có trí tuệ, lại cho rằng bản thân có trí thông minh, thì quá ư nực cười. Ngày nay

những người xuất gia, tỏ vẻ có đạo mà thi hành việc Phật nên lấy điều đó làm hổ thẹn.

Tiếp đây sẽ bàn về chuyện theo đuổi lý thuyết hay chú trọng thực hành. Về lý thuyết như tôi đã bàn ở trên, suy cho cùng là không vướng bận vào vạn vật, buông bỏ nhất tâm. Nhưng nếu không chú trọng thực hành, chỉ noi theo lý thuyết thì cơ thể vận động gò bó không được tự do tự tại. Còn nếu chỉ chú trọng thực hành mà không tuân theo lý thuyết, cũng tương tự như thế. Cho nên theo đuổi lý thuyết và chú trọng thực hành, giống như hai bánh của một chiếc xe, không được thiếu bánh xe nào.

Khoảng cách mà sợi tóc cũng chẳng thể chen vào

Trong binh pháp, khoảnh khắc khi hai vật chạm nhau sẽ chẳng thể có chỗ để nhét được một sợi tóc. Khi hai lòng bàn tay vỗ vào nhau tạo thành tiếng, thì khoảnh khắc hai bàn tay chạm nhau và âm thanh vang lên sẽ chẳng thể có kẽ hở nào có thể nhét được sợi tóc. Vấn đề ở đây không phải là việc vỗ tay, âm thanh vang lên, hay khoảng thời gian khi hai tay chạm nhau và tiếng vang lên, hay sau đó thế nào. Mà ta hãy suy nghĩ đến khoảnh khắc ngắn ngủi ấy. Giống như khi hai kiếm chạm nhau, tâm trí của ta đang tập trung vào kiếm của đối thủ, như

thể có nghĩa là có khoảnh khắc kẽ hở; nếu giữa kiếm của đối thủ và hành động của ta, không có bất kỳ kẽ hở nào đủ để nhét một sợi tóc, thì thanh kiếm của đối thủ kia sẽ trở thành kiếm của ta. Lý luận này cũng tương tự như các công án của Thiền. Phật pháp coi tâm không có trú xứ là lý luận cốt yếu, và gọi đó là cách chấm dứt tâm phiền não.

Giống như quả bóng đang trôi trên dòng nước chảy xiết, ta cứ để tâm chảy trôi theo dòng nước chảy xiết ấy mà chẳng dừng ngụ ở nơi nào và bất cứ lúc nào.

Hoạt động của đá và lửa

Hoạt động của lửa và đá, xét về ý nghĩa cũng giống như nội dung phần trên. Khi cọ xát hai viên đá với nhau, ánh sáng sẽ xuất hiện. Khoảnh khắc cọ xát hai viên đá cho đến khi lửa được tạo ra, không hề có kẽ hở nào, thời gian như ngưng đọng. Khoảng thời gian ngưng đọng ấy có thể khiến tâm trí dừng lại.

Ở đây không liên quan đến sự nhanh hay chậm, mà chủ yếu bàn đến việc tâm không bị bám chấp vào sự vật. Dù khoảnh khắc xảy ra chớp nhoáng đến đâu, tâm trí vẫn phải xuôi chảy chứ không nên bám chấp vào vật gì. Nếu tâm bám chấp vào bất cứ điều gì, người sẽ bị đối thủ nắm bắt tức khắc. Nhưng nếu tâm quá nhanh nhạy nắm bắt

sự vật rồi hành động tức thì; thì chính ý niệm muốn hành động nhanh chóng đó đã bị ngưng đọng và bám chấp rồi.

Saigo có bài thơ:

*“Chỉ nghe nói về ai đó, như kẻ xấu xa trên đời,
Ta đây chỉ mong mỗi rằng, tâm người đừng nên
bám chấp.”*

Ông gán bài thơ đó cho kỹ nữ Eguchi ở Edo.

Ta tâm đắc nhất hai câu cuối, nói về tâm trí không bị bám chấp vào bất cứ sự vật sự việc gì, đó cũng chính là cốt tủy của binh pháp.

Trong Thiền tông, nếu ai đó hỏi “Phật là gì?” người ta sẽ giơ nắm đấm tay lên. Nếu hỏi “Ý nghĩa tối thượng của Phật pháp là gì?” khi câu hỏi còn chưa dứt, người ta sẽ trả lời rằng “Một cành hoa mai”, “Cây bách trước sân”. Vấn đề ở đây không phải là lựa chọn câu trả lời đúng hay sai, tốt hay xấu, mà ta tôn trọng việc tâm không bám chấp. Tâm không bám chấp tức là không bị lay động bởi màu sắc hay mùi hương.

Hình tướng của tâm không bám chấp sẽ được tôn kính như thần, Phật, được gọi là “thiền tâm” hay “ý nghĩa tối thượng”, nhưng nếu người ta sau khi suy nghĩ thấu đáo rồi mới nói ra, dẫu đó là những lời vàng ý ngọc

đi chẳng nữa, thì người đó cũng rơi vào trụ địa phiền não rồi.

Hoạt động của đá và lửa cũng có tốc độ nhanh như chớp điện. Ví như một người, nếu ta gọi tên, người đó chẳng cần cân nhắc nghĩ suy, lập tức đáp lại, ấy là người ấy không dùng tâm suy nghĩ, đó là bất động trí. Còn nếu gọi tên, người đó lại dùng suy nghĩ tư duy để phân biệt, thì tâm sẽ xáo động và bám chấp theo suy nghĩ nào đó, như thế gọi là trụ địa phiền não, và đó là phạm nhân. Được gọi tên, đáp lại tức thì mà tâm chẳng bám chấp vào đâu, đó là trí tuệ của chư Phật. Phật và chúng sinh không phải là hai, thần và người cũng không phải là hai. Có được tâm như thế gọi là thần hay Phật.

Dù là Thần đạo, Phật đạo, Nho đạo hay nhiều đạo khác, đều lấy việc làm sáng tỏ nhất tâm của mình làm trọng yếu. Nếu giải thích tâm bằng ngôn từ, mọi người thường bảo rằng “nhất tâm này đều có nơi thân ta và người khác”, “làm việc tốt hay việc xấu từ sáng đến tối ấy là do nghiệp”, “Rời bỏ nhà mình hay hủy diệt nước mình phụ thuộc vào tính cách của con người, làm việc thiện hay việc ác đều phụ thuộc vào tâm của mình.” Thực sự rất khó để hiểu tâm đó rốt cuộc là như thế nào, bởi không có người thực sự giác ngộ giải thích cho chúng ta hiểu được.

Trên đời này chắc chắn có nhiều người không thấu tỏ tâm mình, và rất hiếm người hiểu rõ tâm mình. Dù sẽ có người nào đó hiểu tâm họ đi chẳng nữa thì nhưng hành động của họ lại không phù hợp. Và dẫu họ có thể nói rõ về nhất tâm, có thể hiểu nhất tâm, nhưng kỳ thực họ lại không hiểu quá sâu về nó.

Giống như người ta có thể nói về nước mà chẳng bị ướt cổ họng, có thể nói về lửa mà chẳng bị nóng ở miệng.

Nếu không chạm vào nước thật, lửa thật thì sẽ không bị ướt, bị bỏng. Người ta có thể nói về nội dung cuốn sách nào đó nhưng chưa chắc có thể khiến người khác thực sự hiểu được. Người ta cũng có thể nói tràng giang đại hải về món ăn nào đó, nhưng chỉ nói suông sẽ chẳng thể khiến làm giảm được cơn đói.

Chúng ta thường khó lòng hiểu được sự vật sự việc chỉ nghe qua lời nói từ người khác, hay đọc trong sách.

Trên đời này có Phật giáo và Nho giáo đều giải thích về tâm, nhưng hành động của các nhà nho và nhà sư lại không giống như những gì họ giải thích. Những người như thế là thực sự chưa giác ngộ. Nếu người ta chưa thực sự thấu hiểu được nhất tâm của mình, thì việc học thêm học nhiều cũng vô tác dụng.

Nhiều người dẫu học nhiều vẫn chưa thể hiểu nổi tâm mình. Và nhiều người trong số họ cũng không thực sự có nhất tâm. Việc hiểu nhất tâm phụ thuộc rất lớn vào sự nỗ lực sâu sắc của mỗi người.

Đặt tâm trí ở đâu

Nên đặt tâm trí ở đâu?

Nếu đặt tâm trí vào sự chuyển động của cơ thể đối thủ, tâm trí sẽ bị sự chuyển động của cơ thể đối thủ kiểm soát.

Nếu đặt tâm trí vào kiếm của đối thủ, tâm trí sẽ bị kiếm của đối thủ kiểm soát.

Nếu đặt tâm trí vào ý định tấn công của đối thủ, tâm trí sẽ bị ý định tấn công của đối thủ kiểm soát.

Nếu đặt tâm trí vào kiếm của chính ta, tâm trí sẽ bị kiếm của chính ta kiểm soát.

Nếu đặt tâm trí vào ý định né đòn, tâm trí sẽ bị ý định né đòn đó kiểm soát.

Nếu đặt tâm trí vào lập trường của đối thủ, tâm trí sẽ bị lập trường của đối thủ kiểm soát.

Điều đó nghĩa là không có nơi nào cho tâm trí trú ngụ hay sao?

Có người từng nói rằng: “Bất kể đặt tâm trí vào đâu, tâm trí đó cũng bị kiểm soát bởi ý định mà ta hướng tới, và ta sẽ thua đối thủ.” Vì thế, nên đặt tâm ở vị trí dưới rốn, để tâm trí không đi ngược đi xuôi, như thế ta có thể xoay chuyển tùy theo hành động của đối thủ.

Đây là chuyện nên làm. Tuy nhiên, nếu nhìn từ quan điểm hướng thượng của Phật giáo thì việc đặt tâm trí ở dưới rốn và không để tâm trí lang thang là thể hiện sự thấp kém chứ không phải cao thượng, đó là vị thế khi tu hành khổ hạnh, vị trí của đối thủ. Hay theo quan điểm cầu phóng tâm của Mạnh Tử, cũng không phải là cấp độ cao nhất, mà chỉ ở mức độ giữ tâm kính cẩn mà thôi. Về chủ đề phóng tâm, ta đã bàn ở cuốn sách khác.

Nếu đặt tâm trí ở dưới rốn và không để nó lang thang thì tâm của người sẽ bị bám chấp vào ý muốn luôn giữ tâm dưới rốn, điều đó khiến người chẳng có khả năng tiến về phía trước và càng không có được tự do.

Thế thì có người sẽ hỏi rằng: “Nếu đặt tâm ở dưới rốn khiến ta chẳng thể hoạt động và cũng chẳng được tự do, thế thì việc đặt tâm dưới rốn chẳng có tác dụng gì cả. Vậy nên đặt tâm vào chỗ nào trong cơ thể ta đây?”

Đáp rằng: “Nếu đặt tâm vào tay phải, nó sẽ bị tay phải chiếm giữ và khiến hoạt động của cơ thể bị khiếm

khuyết. Nếu đặt tâm vào mắt, nó sẽ bị mắt chiếm giữ và khiến hoạt động của cơ thể bị khuyết thiếu. Nếu đặt tâm vào chân phải, nó sẽ bị chân phải chiếm giữ và khiến hoạt động của cơ thể không còn được chu toàn. Dù đặt tâm trí ở đâu, nhưng nếu chỉ đặt nó ở một nơi, các bộ phận khác của cơ thể sẽ chẳng thể vận hành thuận lợi.”

“Vậy rốt cuộc nên đặt tâm ở đâu?”

Ta trả lời rằng: “Nếu người chẳng đặt tâm vào đâu thì tâm có thể chạy khắp mọi bộ phận trên cơ thể. Bằng cách này nếu tâm ở tay, nó sẽ tăng sự khéo léo của tay; nếu tâm đến chân, nó sẽ khiến chân thêm linh hoạt; nếu tâm ở mắt, nó sẽ khiến mắt thêm tinh tường và lanh lẹ. Đặt tâm vào bất cứ đâu, nơi đó có thể hoạt động tốt hơn.”

Còn nếu chỉ đặt tâm vào một nơi cố định, thì hoạt động của bộ phận đó chắc chắn sẽ không được trơn tru. Nếu quá suy nghĩ, tính toán thì sẽ bị chính những suy nghĩ toan tính của bản thân kiểm soát.

Do đó hãy gạt bỏ những suy nghĩ và phân biệt, hãy bỏ tâm ra ngoài cơ thể, không để tâm trú ngụ cố định nơi nào mà để nó tự do di chuyển bất cứ nơi đâu, khi đó tâm có thể thúc đẩy sự vận động hoặc khắc phục những thiếu sót của bộ phận ấy, và hoạt động không hề sai sót.

Chỉ để tâm một nơi gọi là phiền diện, thiên vị. Điều đúng đắn là để tâm vận hành tự do bất cứ nơi nào. Chính tâm có nghĩa là để tâm hoạt động tự do khắp cơ thể chứ không níu giữ tâm cố định chú ý vào bộ phận nào. Tâm thiên lệch là tâm chỉ bám chấp vào một nơi mà bỏ qua nơi khác. Sự thiên lệch đó thật đáng loại bỏ. Trong bất cứ việc gì trên đời, nếu rơi vào thiên lệch thì đều đáng ghét như nhau cả.

Nếu chẳng bận tâm đến chuyện “nên đặt tâm ở đâu”, khi đó tâm có thể tự do di chuyển toàn bộ cơ thể mà chẳng hề gặp phải chướng ngại nào.

Liệu có thể để tâm tự do di chuyển từ chuyển động của đối thủ hay không? Nếu tâm chuyển động khắp cơ thể thì khi tay cử động, tay sẽ điều khiển tâm; khi chân di chuyển, chân sẽ điều khiển tâm. Còn nếu đặt tâm ở nơi cố định thì khi ta muốn kéo tâm ra khỏi nơi đó, nó vẫn sẽ cứ bám chấp ở nơi đó mà thôi.

Giữ tâm như con mèo bị trói, không cho nó đi lang thang. Nếu đặt tâm trong cơ thể, người có thể kiểm soát được nó và nó không đi lang thang đâu cả.

Công phu để tâm không neo đậu chốn cố định nào cần phải tu dưỡng rất nhiều. Tâm không neo đậu, tâm luôn tự do di chuyển là điều cực kỳ quan trọng, bởi là

con mắt của cơ thể. Một khi không níu giữ tâm ở một nơi, nó sẽ được di chuyển khắp nơi. Một khi đặt tâm bên ngoài cơ thể, chỉ hướng tâm về một hướng cụ thể thì chín hướng còn lại không thể chuyển động nhịp nhàng. Còn nếu tâm không bị giới hạn vào một hướng, nó sẽ có được cả mười hướng.

Bản tâm và vọng tâm

Bản tâm là tâm không lưu trú ở một nơi, có thể di chuyển rộng khắp toàn cơ thể chúng ta. Vọng tâm là tâm đang suy nghĩ điều gì đó và chỉ bám chấp cố định ở một nơi.

Khi bản tâm tập trung và cố định ở một nơi, nó trở thành vọng tâm. Khi bản tâm bị mất đi, chúng ta sẽ chẳng thể làm tốt được bất cứ việc gì. Do đó không được để mất bản tâm.

Bản tâm không lưu trú một nơi cố định giống như nước; vọng tâm thì giống như băng. Ta không thể dùng băng để rửa tay, rửa mặt hay gội đầu. Khi băng tan thành nước, chảy khắp mọi nơi, khi ấy ta mới có thể dùng để rửa tay, rửa mặt hay gội đầu, hoặc làm bất cứ việc gì.

Nếu tâm cố định một nơi, bám chấp vào một chuyện, nó sẽ giống như băng luôn cứng chắc không thể tự do thoải mái sử dụng.

Khi tâm được lưu thông, chảy tràn khắp nơi giống như nước đến mọi nơi trong cơ thể, tâm có thể đến được bất cứ nơi nào ta muốn. Đó chính là bản tâm.

Tâm hữu tâm và tâm vô tâm

Tâm hữu tâm cũng giống như vọng tâm. Hiểu theo nghĩa đen thì đó là tâm tồn tại. Đó là tâm chỉ chấp niệm vào một hướng, dù trong bất cứ việc gì. Khi tâm nghĩ đến chuyện gì đó, suy nghĩ phân biệt sẽ khởi sinh, vì thế nó được gọi là tâm hữu tâm.

Tâm vô tâm thì giống với bản tâm. Tâm đó không cố định một nơi. Khi tâm không có bất cứ suy nghĩ hay sự phân biệt nào, có thể tự do chạy khắp toàn bộ cơ thể, đó gọi là tâm vô tâm.

Vô tâm tức là không đặt tâm ở đâu cả. Nó không giống gỗ hay đá. Không có nơi nào trú ngụ thì gọi là vô tâm. Nếu có nơi trú ngụ tức là có thứ gì đó trong tâm, không có nơi trú ngụ thì tâm chẳng có gì cả. Chẳng có thứ gì trong tâm thì gọi là tâm vô tâm. Hay còn được gọi là vô tâm vô niệm.

Nếu tâm vô tâm hoạt động tốt thì ta có thể làm tốt mọi việc. Tâm vô tâm giống như nước chảy tràn ngập, tồn tại trong chính ta, khi cần sử dụng nó sẽ lập tức xuất hiện.

Nếu tâm cố định một nơi, nó sẽ chẳng thể hoạt động tự do, giống như bánh xe của xe có thể quay tròn vì nó không bị cố định một chỗ. Do đó nếu tâm bám chấp vào một nơi, cơ thể người đó cũng không thể vận hành linh hoạt. Ngay cả tạm thời cố định tâm vào một nơi nào đó, tâm cũng không thể vận động tự do.

Nếu có suy nghĩ nào đó trong tâm thì dấu lắng nghe ta cũng thực sự không nghe được người khác nói gì. Bởi tâm ta đã dừng ở nơi suy nghĩ của ta rồi.

Nếu suy nghĩ trong tâm đã nghiêng hẳn về một hướng, thì dấu lắng nghe hướng khác ta cũng chẳng nghe thấy, chăm nhìn hướng khác ta cũng chẳng nhìn thấy. Vì có thứ gì đó đang bám víu tâm ta. Những thứ đó là suy tư. Nếu loại bỏ được những thứ tồn tại trong tâm, ta sẽ có được tâm vô tâm, nó sẽ hoạt động khi cần thiết và được sử dụng thỏa đáng vào từng trường hợp.

Nếu tâm chỉ có suy nghĩ loại bỏ những thứ bám víu trong tâm thì những thứ đó càng bám chấp vào tâm. Nếu không nghĩ ngợi nữa, tâm sẽ tự loại bỏ những ý nghĩ đó, và trở thành tâm vô tâm.

Nếu mọi lúc mọi nơi tiếp cận tâm theo cách này thì tự nhiên ta có thể đạt đến tâm vô tâm. Còn nếu cố gắng nhanh chóng đạt đến cảnh giới tâm vô tâm thì càng không thể đạt đến.

Ca cổ có bài:

*“Nghĩ rằng ta không nghĩ,
Tức là tâm đang nghĩ.
Chỉ cần không nghĩ ngợi,
Về việc ta không nghĩ.”*

Nhấn trái bầu xuống nước, nó sẽ lập tức nổi lên

Nhấn trái bầu xuống nước là ta dùng tay ấn trái bầu xuống mặt nước. Nếu nhấn xuống, nó sẽ lập tức nổi lên mặt nước. Dù làm bao nhiêu lần, kết quả cũng như thế.

Tâm ta nếu không có nơi trú ngụ, được tự do di chuyển cũng sẽ giống như trái bầu, dù ấn xuống nước nó vẫn sẽ nổi lên như cũ.

Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm (Không có chỗ bám trụ, tâm ấy mới khởi sinh)

Cụm từ này được đọc là ōmushojū jijōgoshin.

Nếu ta muốn làm bất cứ việc gì thì tâm sẽ chỉ dừng lại ở việc đó. Vậy nên cần phải phát khởi tâm không có nơi trú ngụ, tâm tự do.

Nếu không khởi sinh tâm này thì tay không thể hoạt động. Người nào có thể khiến tâm khởi sinh thời điểm

hoạt động tạm ngưng, và tâm vẫn tự do di chuyển trong quá trình hành động, sẽ trở thành người thành tựu trong mọi đạo.

Tâm chấp trước được khởi sinh vào lúc tâm ngưng động. Chu kỳ cứ luân hồi như thế. Tâm ngưng động này trở thành mối ràng buộc giữa sự sống và cái chết.

Người ta nhìn hoa anh đào trong khi khởi tâm đang nhìn hoa anh đào, điều quan trọng nhất là tâm không được dừng lại ở sự nhìn đó.

Jien có thơ rằng:

“Hoa rời bỏ hương thơm,

Trước cửa sổ ngôi nhà.

Tôi thần thờ ngôi nhìn,

Hận đời này biết bao.”

Điều này có nghĩa là, hoa tỏa hương với tâm vô tâm, trong khi tác giả nhìn hoa với tâm hữu tâm, tâm cứ bám chấp vào hoa. Đó là điều đáng hận biết bao. Do đó cảnh giới tối cao là không giữ tâm ở một nơi dù nhìn hay nghe bất cứ điều gì.

Chữ “kính” có nghĩa là chuyên nhất, không tạp niệm. Tâm cố định một nơi, và không di chuyển đến nơi khác. Sau đó, khi cầm kiếm hay tấn công, điều quan

trọng là không được để tâm di chuyển theo hướng kiếm tấn công. Đặc biệt, khi nhận lệnh từ lãnh chúa thì nên giữ chữ kính trong tâm.

Trong Phật pháp cũng có tâm kính cẩn. Khi chuông kêu ba tiếng, người ta chắp tay và kính cẩn. Đầu tiên sẽ xưng danh hiệu Phật. Tâm kính cẩn này đồng nghĩa với tâm chuyên nhất, không tạp niệm, nhất tâm không rối loạn.

Tuy nhiên, trong Phật pháp tâm kính cẩn này không phải là cảnh giới tối cao mà phật tử đều hướng tới. Nằm bắt tâm mình, không để nó rối loạn, đó là phép tu của người sơ học.

Tu học lâu dài, người học có thể đạt đến cảnh giới tâm tự do, tức là tâm có thể dễ dàng di chuyển theo bất cứ hướng nào. Và ứng vô sở trụ như trình bày ở trên là cảnh giới cao nhất mà người tu học hướng tới.

Tâm kính cẩn có nghĩa là giữ tâm ổn định, không để tâm chạy loạn nơi này nơi kia. Nhưng nếu để mặc và nghĩ rằng tâm đang rối loạn khi đó tâm sẽ trở nên bối rối. Khi ở giai đoạn này ta cần kiểm soát tâm chặt chẽ để không xảy ra bất cứ sơ suất nào.

Điều này giống như tập tính của con mèo là bắt con chim sẻ, và để việc này không tái phát, người ta sẽ dùng

sợi dây thừng giằng giữ con mèo ở một khoảng không gian nào đó.

Nếu tâm ta bị giằng giữ giống như con mèo, nó sẽ không được tự do, và bản thân ta không thể hoạt động suôn sẻ. Nếu con mèo được huấn luyện tốt, sợi dây sẽ được tháo ra, và nó có thể tự do đi đến bất cứ nơi nào. Khi đó dẫu ở cùng chim sẻ, con mèo cũng không bắt chim sẻ nữa. Hành động như thế hoàn toàn thống nhất với câu “ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”.

Buông bỏ tâm ta và phớt lờ nó như con mèo, không giằng giữ tâm cứ để nó đi đến bất cứ nơi nào nó muốn, khi đó ta có thể điều khiển tâm như ta muốn.

Khi vận dụng điều này vào binh pháp, dẫu vung kiếm thì tâm ta cũng không bị bám chấp vào bàn tay vung kiếm đó. Ta hoàn toàn quên đi cánh tay vung kiếm, tấn công áp sát, hạ gục đối thủ. Ta cũng không đặt tâm vào đối thủ. Đối thủ là hư không, ta cũng là hư không. Cánh tay cầm kiếm hay cây kiếm đang vung kia cũng là hư không. Hãy thấu hiểu điều này, và đặc biệt đừng để hư không chiếm đoạt tâm ta.

Thiền sư Mugaku (Vô Học) thời Kamakura, khi bị bắt trong thời kỳ loạn lạc ở Trung Quốc, đã viết ra câu kệ: “Điện quang ảnh lý trăm xuân phong” (*Ánh chớp vụt*

sáng chém gió xuân), sau đó đối thủ bèn buông kiếm và bỏ chạy.

Ý của thiền sư Mugaku ở đây là trong khoảng thời gian ngắn ngủi khi vung kiếm, giống ánh chớp vừa lóe lên, trong ta không có bất cứ tâm hay niệm nào xuất hiện, ngay cả thanh kiếm chém xuống cũng không có tâm, người chém cũng không có tâm, người bị chém là ta cũng không có tâm. Người chém là hư không, thanh kiếm là hư không, người bị chém là ta cũng hư không. Nếu như thế, người tấn công kia không phải là người, kiếm chém xuống kia cũng không phải là kiếm. Còn người bị chém là ta, trong khoảnh khắc ánh sáng chớp lóe, sẽ có thể cắt ngang làn gió thổi trên bầu trời mùa xuân. Đó là tâm không dừng nghỉ. Và thanh kiếm cũng chẳng thể nhận ra hành động cắt ngang làn gió đó.

Quên tâm, ta có thể làm tốt mọi chuyện trên đời.

Khi nhảy thì tay cầm quạt, chân nhịp bước. Nếu tâm trí luôn bận tâm đến việc vung tay đưa chân sao cho khéo léo, nhảy sao cho nhịp nhàng, tức là ta chưa thể quên được tâm mình, như thế ta sẽ không bao giờ nhảy giỏi được.

Nếu tâm còn bám chấp vào tay, vào chân thì mọi hành động ta thực hiện đều không thể suôn sẻ.

Nếu không buông bỏ tâm trí, mọi việc ta làm đều mang lại kết quả xấu.

Cầu phóng tâm

Đây là câu nói của Mạnh Tử, nghĩa là mong cầu tìm lại tâm phóng dật tán loạn đã rời đi quay về thân ta.

Ví dụ nếu chó, mèo, gà chạy đi nơi khác, ta sẽ phải đi tìm chúng rồi đưa về lại nhà mình. Tương tự như vậy, tâm là chủ của thân, nếu tâm đi vào đường ác, sao ta không đi tìm kiếm tâm về để nó lại trở thành chủ của thân ta. Đây là điều rất đáng làm đó chứ.

Thế nhưng Thiệu Khang Tiết lại nói rằng: “Tâm nên phóng dật.” Điều này khá khác biệt. Nếu giữ tâm bằng cách trói buộc một chỗ, tâm sẽ mệt mỏi giống như con mèo bị giàng giữ khiến thân không thể hoạt động suôn sẻ. Nếu tâm không trú ngụ ở vật, nó sẽ không bị tập nhiễm điều xấu từ vật, thì ta vẫn có thể sử dụng nó. Cho nên, cứ để tâm đi đến nơi nào nó muốn.

Vì tâm trí dễ tập nhiễm và bị mọi thứ ngăn cản, và đó cũng là điều tâm không nên vướng mắc phải, do đó mọi người mới nói rằng ta nên tìm kiếm tâm và đưa nó trở lại thân ta. Trở về sơ tâm. Ta nên giống như hoa sen nở tươi đẹp mà không bị vấy bẩn bởi bùn nhơ, dầu có bùn đất

ta cũng chẳng cần đau khổ vì điều đó. Cần mài giũa tâm giống như viên pha lê, dầu vùi vào bùn nhơ cũng không dính bẩn. Tâm nên đi đến nơi nó muốn.

Nếu quá kiểm soát tâm sẽ khiến nó không có tự do. Nếu muốn kiểm soát tâm thì nên kiểm soát ở giai đoạn sơ tâm. Còn nếu cứ luôn kiểm soát, ta sẽ khó lòng đạt đến cảnh giới cao nhất, thậm chí còn chẳng vượt qua được mức thấp nhất nữa là.

Thời điểm sơ học nên ghi nhớ câu của Mạnh Tử, hãy tìm lại tâm đã mất. Nhưng khi đạt đến cảnh giới tối thượng thì lại nên nhớ câu của Thiệu Khang Tiết, cứ để tâm phóng dật.

Hòa thượng Trung Phong thì nói, hãy sở hữu một tâm phóng dật. Ý nghĩa của lời này giống với điều Thiệu Khang Tiết nói rằng cứ để tâm phóng dật. Và đều khuyên ta nên để tâm phóng dật chứ đừng trói buộc tâm một nơi.

Hòa thượng Trung Phong cũng nói tiếp, chớ nên thay đổi hay rút lui. Có nghĩa là luôn giữ tâm, không thay đổi, không rút lui, dầu bước tiến thêm một lần hay hai lần, dầu khi mệt mỏi hoặc gặp những trường hợp bất như ý.

Ném một quả bóng vào dòng nước chảy xiết, nó sẽ không bao giờ dừng lại

Có câu nói rằng, ném một quả bóng vào dòng nước chảy xiết, quả bóng sẽ không bao giờ dừng lại.

Có nghĩa là ở trên dòng nước đang chảy xiết, nếu ai đó ném quả bóng lên trên mặt nước, quả bóng sẽ cưỡi lên những ngọn sóng, cưỡi lên mặt nước mà di chuyển, không bao giờ dừng lại.

Cắt đứt ranh giới trước sau

Có câu rằng, cắt đứt ranh giới trước sau. Không đoạn trừ tâm trước đó và để lại dấu tích tâm hiện tại, cả hai đều không tốt. Điều này có nghĩa là phải cắt đứt khoảng cách ngăn ngại giữa trước và sau. Cũng tức là cắt đứt ranh giới trước sau, nghĩa là không giam giữ tâm.

Nước cháy rực trời, lửa tươi tẩm mây

Có một chuyện vốn định giữ riêng trong lòng, chỉ là những ý kiến ngu muội cá nhân, nhưng đây có lẽ là thời điểm thích hợp, nên ta sẽ viết ra những thiện kiến riêng.

Trong binh pháp, ngài là bậc kỳ nhân xưa nay chưa ai sánh được. Vào thời ngài, ngài được tước vị, bổng lộc và thanh danh vang dội. Do đó dù ngủ hay thức, các người

cũng đừng quên ân huệ lớn lao đó, ngày hay đêm cũng ráng tận trung đền đáp ơn đức ấy. Tận trung tức là trước tiên cần làm chính tâm mình, sửa trị thân mình, thờ vua không hai lòng, không oán hận người khác, chăm chỉ với công việc hằng ngày. Ở trong nhà hãy hiếu thảo với cha mẹ, vợ chồng giữ đúng đạo, luôn tuân thủ lễ nghĩa, không nạp thêm thê thiếp, cấm tiết chuyện sắc dục ở bên ngoài, phận làm cha làm mẹ cố gắng giữ chuẩn mực, sai khiến cấp dưới đừng lấy lòng riêng tư đối đãi. Dùng người hiền năng hãy thân gần họ, luôn răn chừng những khuyết điểm của bản thân, cai trị chính quyền dựa trên luật pháp chính đáng, đẩy người kém cỏi ra xa.

Như thế người giỏi sẽ ngày càng tiến bộ, còn người kém cỏi khi bị xa lánh sẽ nhận thấy chủ nhân luôn yêu chuộng người giỏi, từ đó họ cũng rời bỏ điều ác để làm theo điều thiện. Như thế vua tôi trên dưới đều là người giỏi. Khi ham muốn riêng tư ít ỏi, xa xỉ kiêu căng không còn thì kho vựa quốc gia thêm đầy, của cải người dân thêm nhiều, dân chúng được cai trị, con cái thân gần cha mẹ, trên dưới sẽ gắn kết như tay với chân chẳng thể tách rời.

Nước trở nên yên bình, đó là khởi đầu của lòng trung. Nếu sắp xếp quân lính có lòng trung vào trong bất cứ tình huống nào, ngay cả khi người lãnh đạo trăm ngàn quân,

họ cũng sẽ làm theo ý người. Điều này giống như ngàn cánh tay của Quán Âm bồ tát đều ở đúng vị trí, đều chính đáng tức là ngàn cánh tay đều hữu dụng. Trong binh pháp mà người có được nhất tâm, nhất tâm tự do tự tại hoạt động làm bất kỳ điều gì nó muốn, thì người thậm chí có thể đánh bại vài ngàn đối thủ, giống như khua một thanh kiếm vậy. Đó chẳng phải là đại trung sao?

Tâm có đoan chính hay không thì người bên ngoài không thể biết được. Bất cứ động cơ khởi lên ý niệm nào, động cơ đó đều có cả thiện và ác. Dù động cơ đó là thiện hay ác, nhưng nếu suy nghĩ về bản chất của thiện và ác đều căn cứ trên điều thiện chứ không phải điều ác, thì tâm ta tự nhiên trở nên chính trực.

Biết đó là điều ác mà không né tránh, ấy là do dục vọng quá lớn. Dù là dục vọng về chuyện sắc dục, hay sự xa hoa buông thả, đều là do tâm ham muốn mà ra. Khi đó dù có một người tốt nhưng làm những việc không hợp nhãn ta, thì việc tốt đó cũng chẳng được ghi nhận. Nhưng có kẻ ngu dốt, bất ngờ khiến tâm ta hài lòng, ta yêu thích, thì cũng chẳng khác nào không tồn tại người tốt vậy.

Nếu đúng thế thì dầu người nắm trong tay vài ngàn binh lính cũng khó tìm được một người có thể bảo vệ lãnh chúa của người khi xảy ra trường hợp bất trắc. Bởi

kẻ xấu không có trí tuệ mà người yêu thích ban đầu đó vốn không có tâm trí đoan chính, nên hẳn ta sẽ không sẵn sàng từ bỏ mạng sống trước những tình huống rủi ro. Từ xưa đến nay chưa từng có chuyện người có tâm trí không đứng đắn, không ngay thẳng lại có thể đứng ra bảo vệ lãnh chúa của mình.

Khi các người lựa chọn đệ tử mà để xảy ra chuyện như thế thì thực sự rất đáng xấu hổ. Nhưng nếu nhìn từ góc độ khác, ai cũng dễ bị cuốn vào những thói quen xấu và trở thành người xấu, vì cho rằng không ai biết việc ta làm điều xấu. Ngay cả khi nghĩ rằng người khác không biết việc mình làm, vì người khác khó mà thấy những việc nhỏ nhặt lặt vặt khó đó, nhưng nếu tâm ta biết những việc đó thì chắc chắn trời đất, quỷ thần, muôn dân đều biết.

Như vậy việc bảo vệ nước chẳng phải là chuyện thực sự đáng nguy sao? Người phải nhận ra đây chính là hành vi đại bất trung. Ví như một mình người dù hết mực trung thành với lãnh chúa đến đâu nhưng nếu người trong gia tộc của người bất hòa, người dân ở thôn của người trong núi Yagyu quay lưng, thì dầu cá nhân người nỗ lực làm việc gì đi chăng nữa cũng chẳng thể thành công.

Nói chung, để biết tốt xấu của một người, ta chỉ cần nhìn vào kẻ bề tôi mà người đó yêu quý, hay nhìn vào

người thân và bằng hữu của người đó. Nếu chủ nhân tốt thì những cận thần bên dưới đều sẽ tốt; nếu chủ nhân không đoan chính thì những bề tôi và bằng hữu bên dưới đều không đoan chính. Nếu không đoan chính, ông ta sẽ bị người dân và các phiên xung quanh khinh thường. Còn nếu ông ta tốt đẹp thì mọi người xung quanh sẽ thân gần, đất nước sẽ coi những người tốt ấy là của báu. Các người nên nhận biết được điều này.

Ở những nơi người khác biết đến người, nếu nhanh chóng từ bỏ điều bất nghĩa, tránh xa tiểu nhân, yêu chuộng người hiền trong khi chính trị đất nước được chính đáng thì người sẽ trở thành trung thần đệ nhất trong số tất cả trung thần. Nếu bản thân cha mẹ còn chưa ngay thẳng thì sao có thể trách mắng đứa con làm việc xấu. Vì vậy trước tiên các người hãy ngay thẳng thân mình, rồi chia sẻ góp ý với con cái, từ đó bản thân con cái sẽ trở nên ngay thẳng. Ngay cả em trai, nếu noi theo hành vi ngay thẳng của anh trai và trở nên đứng đắn, thì cha con cũng có thể trở thành người tốt.

Đây chính là ý nghĩa của việc giữ và bỏ. Sẽ là chuyện rất đáng hổ thẹn nếu người là bề tôi được sủng ái, được các lãnh chúa hối lộ hậu hĩnh mà bản thân lại muốn quên đi đạo nghĩa. Và cũng rất tệ hại nếu người thích đánh kiếm loạn, luôn hãnh diện về năng lực của bản

thân, rồi tự tiến cử bản thân với các lãnh chúa và luôn ra vẻ thể hiện tài năng của mình. Đây là những điều người không nên học theo.

Người nên ngấm ngấm, khắc cốt ghi tâm và thuộc lòng những điều này giống như Sarugaku, hay các daimyo lịch sự nhất luôn được ưu tiên diện kiến tướng quân. Hãy luôn thuộc lòng bài ca:

*Kia cũng là tâm,
Tuy tên là tâm,
Nhưng giấu tâm này.
Chớ bỏ tâm này,
Hãy lấy tâm này,
Loại bỏ tâm kia.*

Mục lục

Lời giới thiệu.....	5
CẦU DÂNG GIÀY	9
Tam học.....	9
Chín mục.....	11
Thiên cầu [Tengu] chép: Tám kiểu đánh kiếm	11
SÁT NHÂN ĐAO.....	15
Đại học	22
Chí [Ý chí] và khí [Cảm xúc].....	26
Giả tượng và ý đồ	27
Đánh rắn động cỏ.....	28
Năm trước thời cơ	29
Thể tấn công và thể phòng thủ.....	30
Nguyên tắc tấn công và phòng thủ của thân thể và thanh kiếm	31
Thể tấn công và thể phòng thủ của tâm và thân.....	31
Những điểm quan trọng cần nắm chắc khi đối thủ tấn công trực diện	32

Những điểm quan trọng cần nắm chắc khi đối kháng với đối thủ	34
Ba kiểu để tâm vờ đánh	34
Tận dụng sự thay đổi của tâm thái.....	35
Song quan pháp	35
Đánh và bị đánh: nhờ bị đánh nên giành chiến thắng.....	36
Ba kiểu nhịp phách	37
Nhịp phách nhỏ đến nhịp phách lớn, nhịp phách lớn đến nhịp phách nhỏ.....	38
Lưu ý đến nhịp phách.....	40
Lắng nghe tiếng gió thổi và tiếng nước chảy	43
Bệnh.....	46
Bàn đến giai đoạn sơ cấp và cao cấp trong việc khử bệnh	46
Tâm bình thường	49
Tựa như bù nhìn ngắm hoa, điếu.....	52
Tâm tự do	54
HOẠT NHÂN KIỂM	57
Một trăm tư thế.....	57
Nhịp phách hữu và vô cùng sự tồn tại của cả hữu và vô	58

Trăng ở trong nước và bóng trăng.....	60
Kiểm thần diệu	61
Liên quan đến việc giải thích sự thần diệu.....	61
Bước đi.....	63
Nguyên tắc thứ nhất: phản ứng khi trường mâu của đối thủ đánh tới nhưng trong tay người không có binh khí	64
Hai bên cách nhau một thước.....	65
Đòn đánh cốt tử: đệ nhất kiếm.....	66
Thế nào là trăng trong nước, kiếm thần diệu, nỗi lo tật bệnh, thân thể và tay chân?	67
Ra tay.....	68
Cự ly an toàn.....	68
Chỗ đứng.....	69
Biện biệt rõ ràng ba tầng thứ của kiếm thần diệu	69
Tâm như trăng trong nước, thân như bóng trong gương	70
Tấn công vội vã.....	72
Thu tâm.....	72
Bàn về việc loại bỏ hết thấy, không, kiến tâm.....	75
Chân tâm và Vọng tâm	80

VÔ ĐẠO	84
Đại cơ đại dụng	87
Tâm và vật.....	92
Binh pháp và Phật học.....	94
Đúng và sai	95
Thật và giả	97
MỤC LỤC BINH PHÁP CỦA PHÁI TÂN ÂM	101
PHỤ LỤC: BẤT ĐỘNG TRÍ THẦN DIỆU LỤC	132
Vô minh trụ địa phiền não	132
Chư Phật bất động trí	134
Khoảng cách mà sợi tóc cũng chẳng thể chen vào	139
Hoạt động của đá và lửa	140
Đặt tâm trí ở đâu	144
Bản tâm và vọng tâm.....	148
Tâm hữu tâm và tâm vô tâm.....	149
Nhấn trái bầu xuống nước, nó sẽ lập tức nổi lên	151
Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.....	151
Cầu phóng tâm.....	156
Ném một quả bóng vào dòng nước chảy xiết, nó sẽ không bao giờ dừng lại	158
Cắt đứt ranh giới trước sau	158
Nước cháy rực trời, lửa tưới tắm mây	158

“Nước phản chiếu bóng trăng, gương in hình bóng người. Sự vật đều được chiếu bóng ở trong nhân tâm, giống như ánh trăng được chiếu bóng vào trong nước, là sự phản ánh của khoảnh khắc. Vị trí của kiếm thần diệu phảng phất như là mặt nước, còn tâm của người có thể so với ánh trăng. Vị trí của kiếm thần diệu có thể được phản bóng ở trong tâm. Tâm động, hình động; hình theo tâm mà động”.

Yagyū Munenori

BINH PHÁP GIA TRUYỀN THƯ

YAGYŪ
MUNENORI

Binh pháp gia truyền thư của Yagyū Munenori là cuốn sách kinh điển về nghệ thuật chiến đấu của người Nhật Bản. Không chỉ đơn thuần bàn về kỹ thuật chiến đấu tay đôi giữa kiếm sĩ mà cuốn sách còn đề cập nhiều khía cạnh khác trong khi tác chiến như chiến thuật, chiến lược, tâm lý, và đạo đức. Thậm chí người đời nay còn học được từ đó nhiều bài học hữu ích, đó là sự tập trung và kiên trì trong rèn luyện; là việc tìm hiểu và ứng biến trước mọi biến cố đối thủ có thể đưa đến; là đạo đức và tinh thần của chiến binh thực thụ; là năng lực kiểm soát cảm xúc và tâm lý trong quá trình tham chiến; là kỹ năng giải quyết vấn đề khi gặp trường hợp bất trắc; và hơn hết là hiểu và tôn trọng chính mình lẫn đối thủ.

